ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

Bài tập Lịch sử 12

TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM

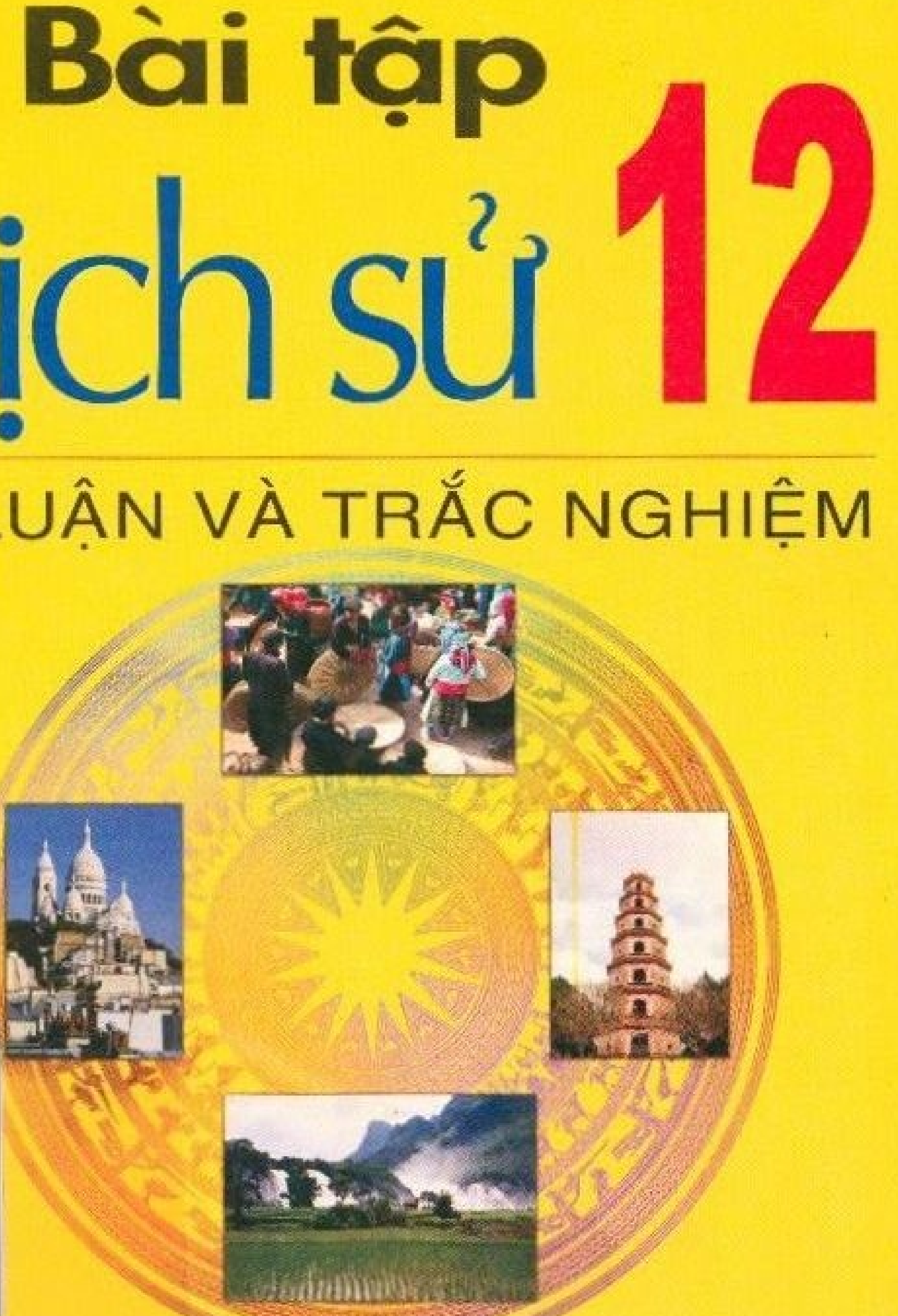

TT TT-TV * ĐHQGHN

907
TR-T
2008

LC/02177

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

BÀI TẬP
LỊCH SỬ 12

TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM

THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Bắt đầu từ năm học 2008 - 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai việc thay sách giáo khoa Lịch sử lớp 12. Theo đó, chương trình Lịch sử lớp 12 cũng có nhiều thay đổi cả về nội dung và phương pháp dạy học. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học là đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận. Trong các bài kiểm tra, các kì thi tốt nghiệp THPT và kì thi tuyển sinh đại học, cao đẳng, hình thức này sẽ được áp dụng rộng rãi.

*Vì vậy, để giúp cho các em học sinh bắt nhịp kịp thời với phương pháp này, chúng tôi biên soạn cuốn sách **"BÀI TẬP LỊCH SỬ 12" (Chương trình nâng cao).***

Chúng tôi đã cố gắng biên soạn những câu hỏi trắc nghiệm và bài tập lịch sử vừa phát huy được tính tích cực của học sinh trong việc học tập môn Lịch sử, vừa đảm bảo tính vừa sức đối với các em, nhất là học sinh đang theo học chương trình nâng cao.

Hy vọng rằng cuốn này sẽ đến với các bạn đồng nghiệp cùng các em học sinh như là một tài liệu để nghiên cứu, tham khảo, lần lượt tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong dạy học đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa mà Bộ Giáo dục- Đào tạo đã ban hành.

Tuy đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, song quá trình biên soạn chắc sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các bạn đồng nghiệp và các em học sinh. Xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ

Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI PHẦN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (2000)

Chương I

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

Bài 1 SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sắp xếp theo thứ tự thời gian các Hội nghị sau đây cho đúng:

A. Hội nghị Pốt-xđam.
B. Hội nghị I-an-ta.
C. Hội nghị Véc-xai.
D. Hội nghị Oa-sinh-tơn.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây không thuộc quyết nghị của Hội nghị I-an-ta?

A. Thành lập tổ chức quốc tế gọi là Hội quốc liên.
B. Nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Thoả thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.
D. Liên Xô tham chiến chống Nhật ở châu Á.

Câu 3. Nơi nào được ba cường quốc Liên Xô, Anh, Mĩ chọn tổ chức Hội nghị cấp cao từ ngày 4 đến ngày 11 - 2 - 1945?

A. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ).
B. Tại I-an-ta (Liên Xô).
C. Tại Pốt-xđam (Đức).
D. Tại Luân Đôn (Anh).

Câu 4. Trật tự thế giới mới theo khuôn khổ thoả thuận I-an-ta của những nước nào?

A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ.
B. Liên Xô, Mĩ, Anh.
C. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ, Trung Quốc.
D. Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 5. Người đứng đầu nước Mĩ tham dự Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là ai?

A. X-ta-lin.
B. Đờ Gôn.
C. Ri-gân.
D. Ru-dơ-ven.

Câu 6. Ba cường quốc tham dự Hội nghị I-an-ta đã thống nhất mục đích gì đối với việc kết thúc chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
B. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng tấn công vào tận sào huyệt của phát xít Đức ở Béc-lin.
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức?

A. Quân đội Liên Xô
B. Quân đội Anh
C. Quân đội Mĩ
D. Quân đội Pháp

Câu 8. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Quân đội Liên Xô
B. Quân đội Anh
C. Quân đội Mĩ
D. Quân đội Pháp

Câu 9. Hãy nối những sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A:

A	B
1. Ngày 4 đến 12 - 4 - 1945.	A. Việt Nam tham gia Liên hiệp quốc.
2. Tháng 9 - 1977.	B. Thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ.
3. Năm 1973.	C. Hội nghị I-an-ta.
4. Tháng 12 - 1989.	D. Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN.
5. Năm 1995.	E. Tổng thống Mĩ phát động Chiến tranh lạnh.
6. Tháng 10 - 1945.	F. Chấm dứt Chiến tranh lạnh.
7. Tháng 3 - 1947.	G. Thành lập Liên hợp quốc.

Câu 10. Nội dung nào sau đây không có trong "Trật tự hai cực I-an-ta"?

A. Trật tự thế giới mới hình thành sau chiến tranh.

B. Trật tự thế giới được hình thành sau Hội nghị I-an-ta (04-1945).

C. Sự phân chia ảnh hưởng giữa Mĩ và Liên Xô trong quan hệ quốc tế.

D. Mĩ và Liên Xô chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.

Câu 11. Tại sao gọi là "Trật tự hai cực I-an-ta"?

A. Đại diện hai nước Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng.

B. Tại hội nghị I-an-ta, Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng và đại diện cho hai phe.

C. Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột ở I-an-ta.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 12. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc vào thời gian nào?

A. Tháng 9 - 1977. B. Tháng 1 - 1987. C. Tháng 11 - 1987. D. Tháng 8 - 1997.

Câu 13. Hội nghị Pốt-xđam được triệu tập ở nước nào?

A. Ở Liên Xô. B. Ở Mĩ. C. Ở Anh. D. Ở Đức.

Câu 14. Theo tinh thần của Hội nghị Pốt-xđam, vùng lãnh thổ phía đông nước Đức do nước nào chiếm đóng?

A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.

Câu 15. Tháng 9 năm 1949 gắn với sự kiện gì của Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức?

A. Cộng hoà Liên bang Đức chấm dứt chiến tranh.

B. Thành lập Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức.

C. Cộng hoà Liên bang Đức gia nhập khối NATO.

D. Cộng hoà Liên bang Đức gia nhập khối CENTO.

Câu 16. Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 9 năm 1949. C. Tháng 12 năm 1949.

B. Tháng 10 năm 1949. D. Tháng 1 năm 1950.

Câu 17. Tháng 1 năm 1949 diễn ra sự kiện gì quan trọng thể hiện mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu trên lĩnh vực kinh tế?

A. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập. B. Tổ chức Vác-sa-va ra đời.

C. Hội đồng viện trợ kinh tế được thành lập. D. Không có sự kiện nào cả.

Câu 18. "Kế hoạch phục hưng châu Âu" ra đời nhằm mục đích gì?

A. Viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và khống chế của Pháp đối với các nước này.

B. Viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và khống chế của Mĩ đối với các nước này.

C. Viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và khống chế của Đức đối với các nước này.

D. Lôi kéo các nước Tây Âu sớm trở thành đồng minh của Đức.

***Câu 19** Nối nội dung cột B cho phù hợp với yêu cầu ở cột A dưới đây về Hội nghị I-an-ta:*

A	B
1) Hoàn cảnh mở Hội nghị 2) Quyết nghị của Hội nghị	A. Xác định mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. B. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít. C. Tổ chức lại thế giới mới sau chiến tranh. D. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu. E. Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới. F. Phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước thắng trận. G. Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

***Câu 20** Ghi sự kiện lịch sử vào cột B cho phù hợp với thời gian cho sẵn ở cột A dưới đây:*

A	B
1) 2 - 1945	A..
2) Từ 25 - 4	B..
đến 26 - 6 - 1945	C..
3) 24 - 10 - 1945	D..
4) 19 - 5 - 1945	E..
5) 12 - 1946	F..
6) 9 - 1949	

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. 1: C; 2: D; 3: B; 4: A. 2. A 3. B 4. B 5. D 6. C 7. C 8. A
9. 1: C; 2: A; 3: B; 4: F; 5: D; 6: G; 7: E. 10. D 11. B 12. A 13. D
14. A 15. B 16. B 17. A 18. B 19. 1: B, C, F; 2: A, D, E, G

20. A. Tại Hội nghị I-an-ta các vị đứng đầu 03 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất thành lập một tổ chức quốc tế mang tên Liên hiệp quốc.

B. Hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp tại Xan Phơ-ran-xi-cô để thông qua Hiến chương Liên hiệp quốc, thành lập tổ chức Liên hiệp quốc.

C. Ngày thành lập Liên hiệp quốc và là ngày Hiến chương có hiệu lực.

D. Nước Đức phát xít bị Đồng minh đánh bại ở Béc-lin. Chiến tranh thế giới kết thúc ở mặt trận châu Âu.

E. Hội nghị Pốt-xđam của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh

F. Mĩ và Anh đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

***Câu 1.** Hãy nêu những quyết nghị của Hội nghị I-an-ta (tháng 2 - 1945) và phân tích hệ quả của những quyết nghị đó.*

- Đến năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối với cuộc tấn công như vũ bão của Hồng quân Liên Xô đang tiến nhanh về Béc-lin. Nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra cho các nước Đồng minh:

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.

+ Tổ chức lại thế giới mới sau chiến tranh.

+ Phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước thắng trận.

- Trong bối cảnh đó, hội nghị quốc tế được triệu tập tại I-an-ta (Liên Xô) từ ngày 04 đến 11 - 02 - 1945.

- Hội nghị đã đi đến những quyết định sau đây:

+ Xác định mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu.

+ Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

+ Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã dẫn tới sự hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là: "Trật tự hai cực I-an-ta". Trật tự hai cực I-an-ta ra đời làm cho thế giới phân chia thành hai hệ thống đối lập. Một cực của Liên Xô đại diện cho các nước xã hội chủ nghĩa và một cực của Mĩ đại diện cho các nước tư bản chủ nghĩa. Trong quá trình tồn tại của hai cực này làm cho quan hệ quốc tế có sự đối đầu giữa hai phe: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Ghi các nội dung vào bảng kê dưới đây về tổ chức Liên hiệp quốc.

Tiêu mục	*Nội dung*
Hoàn cảnh ra đời	…………………………………………………… …………………………………………………… ……………………………………………………
Mục đích hoạt động	…………………………………………………… …………………………………………………… ……………………………………………………
Nguyên tắc	…………………………………………………… …………………………………………………… ……………………………………………………
Vai trò	…………………………………………………… …………………………………………………… ……………………………………………………

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tiêu mục	*Nội dung*
Hoàn cảnh ra đời	- Đầu 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc; Các nước Đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng gìn giữ hoà bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới mới. - Tại Hội nghị I-an-ta (02 - 1945) các vị đứng đầu 03 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất thành lập một tổ chức quốc tế mang tên Liên hiệp quốc để gìn giữ hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh. - Từ 25 - 4 đến 26 - 6 - 1945, hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp tại Xan Phơ-ran-xi-cô để thông qua Hiến chương Liên hiệp quốc, thành lập tổ chức Liên hiệp quốc. Ngày thành lập Liên hiệp quốc 24 - 10 - 1945 và là ngày Hiến chương có hiệu lực.

Mục đích hoạt động	- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới. - Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.
Nguyên tắc	- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và các quyền tự quyết của các dân tộc. - Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước. - Không được can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào. - Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình. - Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).
Vai trò	- Giải quyết các tranh chấp xung đột bằng con đường hoà bình, giải trừ quân bị, hạn chế chạy đua vũ trang hạt nhân. - Thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. - Giúp các nước đang phát triển về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo...

Câu 3. Xác định các cơ quan của Liên hiệp quốc thường xuyên duy trì hoà bình và an ninh thế giới qua sơ đồ sau đây:

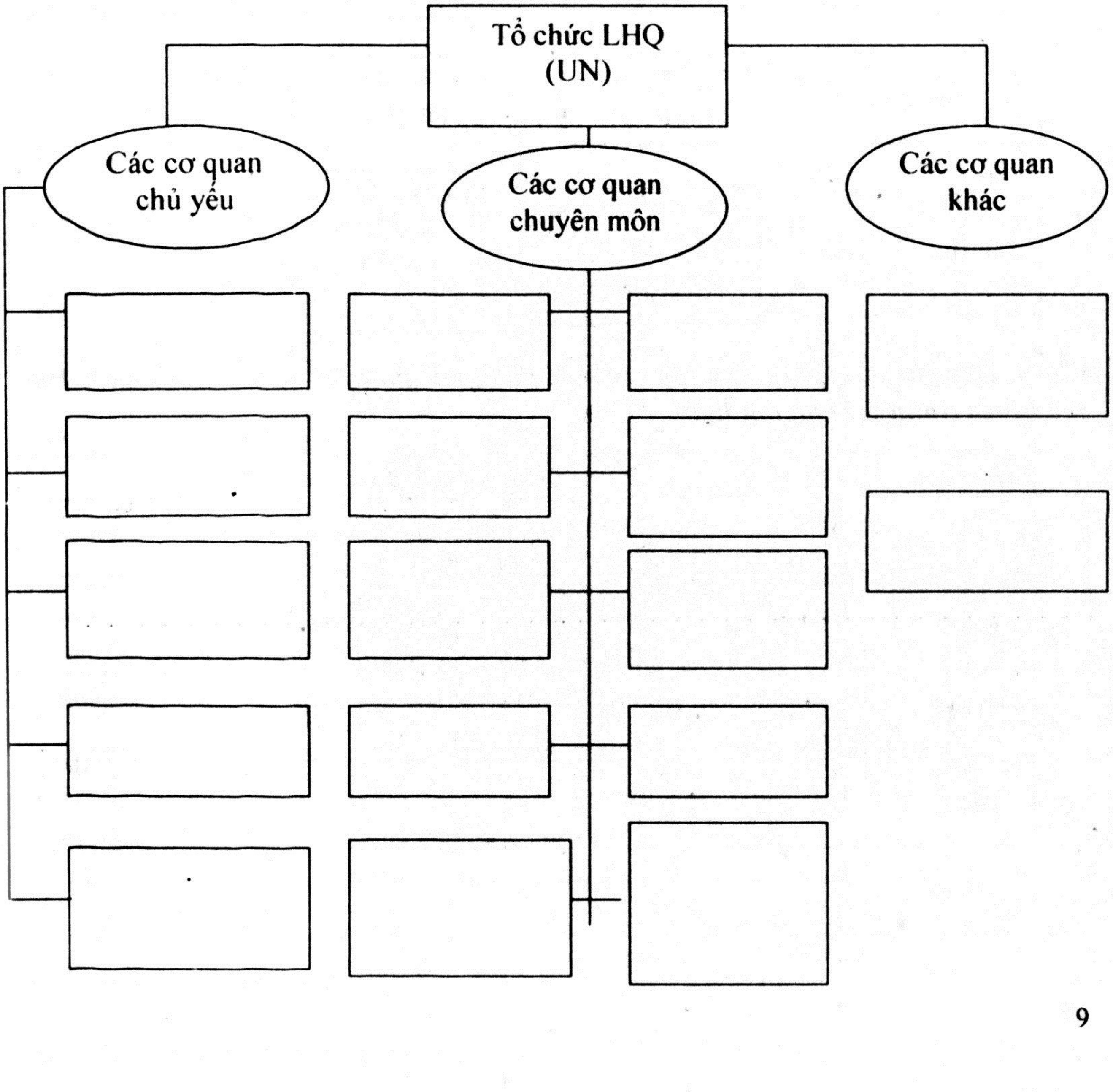

**** Hướng dẫn trả lời:***

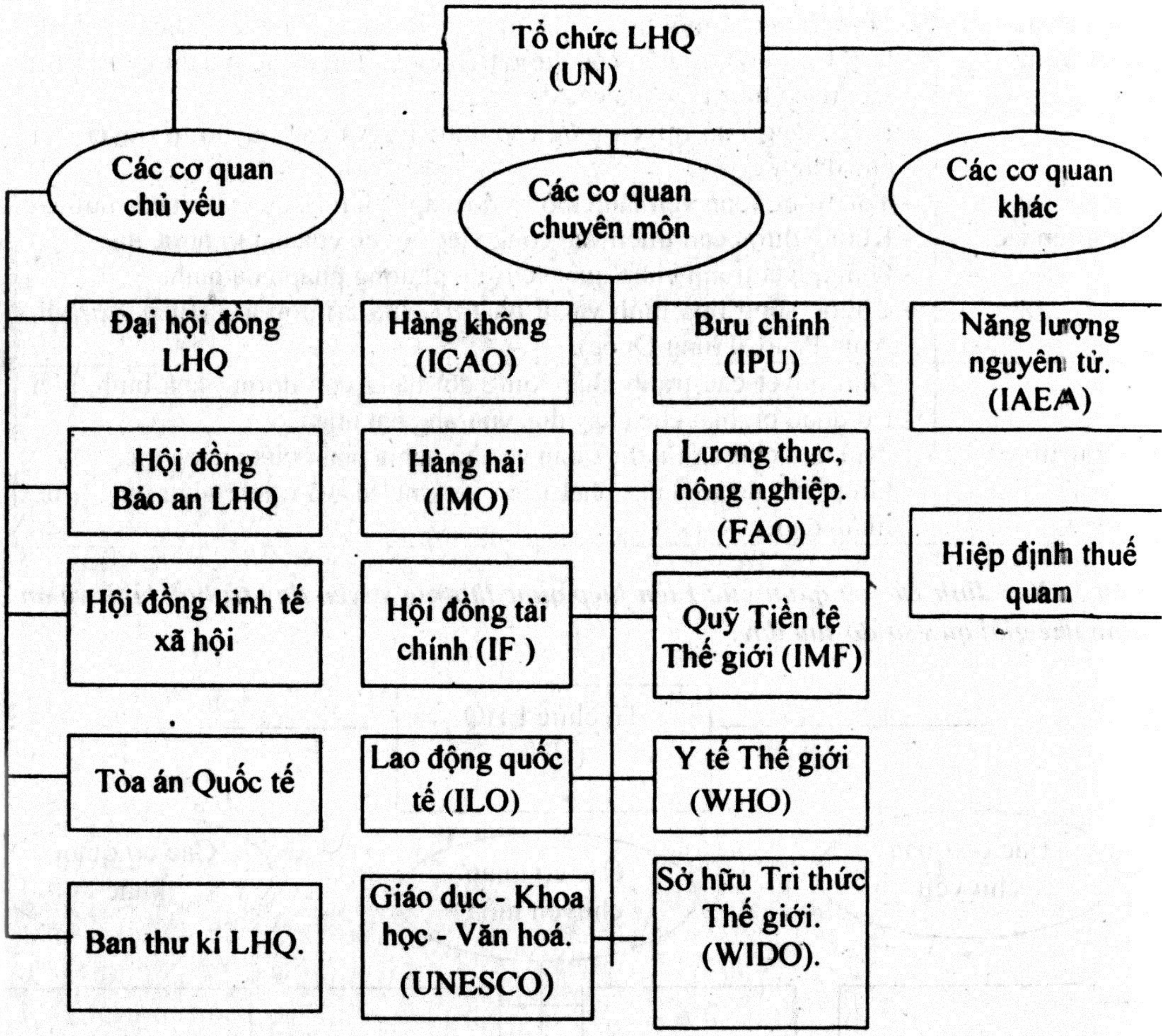
Tổ chức LHQ (UN)
Các cơ quan chủ yếu
Các cơ quan chuyên môn
Các cơ quan khác
Đại hội đồng LHQ
Hội đồng Bảo an LHQ
Hội đồng kinh tế xã hội
Tòa án Quốc tế
Ban thư kí LHQ.
Hàng không (ICAO)
Hàng hải (IMO)
Hội đồng tài chính (IF)
Lao động quốc tế (ILO)
Giáo dục - Khoa học - Văn hoá. (UNESCO)
Bưu chính (IPU)
Lương thực, nông nghiệp. (FAO)
Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF)
Y tế Thế giới (WHO)
Sở hữu Tri thức Thế giới. (WIDO).
Năng lượng nguyên tử. (IAEA)
Hiệp định thuế quan

Câu 4. Hãy ghi sự kiện lịch sử vào các mốc thời gian dưới đây về tình hình nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Thời gian	*Sự kiện lịch sử*
1) 19 - 5 - 1945	A ....
2) 7 - 1945	B ....
3) 12 - 1946	C ....
4) 9 - 1949	D ....
5) 10 - 1949	E ....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Thời gian	*Sự kiện lịch sử*
1) 19 - 5 - 1945	A. Nước Đức phát xít bị Đồng minh đánh bại ở Béc-lin. Chiến tranh thế giới kết thúc ở mặt trận châu Âu.
2) 7 - 1945	B. Hội nghị Pốt-xđam của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
3) 12 - 1946	C. Mĩ và Anh đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức.
4) 9 - 1949	D. Mĩ, Anh, Pháp đã hợp nhất các vùng chiếm đóng và lập ra Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức.
5) 10 - 1949	E. Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức được thành lập.

Câu 4. Sự hình thành hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Âu đã tiến hành nhiều cải cách dân chủ quan trọng để cải tạo xã hội chủ nghĩa.

- Đồng thời, Liên Xô đã cùng các nước Đông Âu kí kết nhiều hiệp ước tay đôi về kinh tế như trao đổi buôn bán, viện trợ lương thực, thực phẩm, mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu ngày càng củng cố, từng bước hình thành hệ thống các nước dân chủ nhân dân - xã hội chủ nghĩa. Như thế, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề. các nước này đều rất cần tiền vốn, thiết bị máy móc và hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm nhằm khôi phục nền kinh tế và giải quyết khó khăn trong đời sống nhân dân.

- Vào lúc đó, Mĩ đề ra "Kế hoạch phục hưng châu Âu" nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước này.

- Các nước Tây Âu khi nhận viện trợ của Mĩ đã trở thành đồng minh của Mĩ, từ đó hình thành hệ thống tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu.

Chương II
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Bài 2 LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nước nào chủ mưu gây cuộc "Chiến tranh lạnh" sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đức. B. Mĩ. C. Nhật Bản. D. Anh và Pháp.

Câu 2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?

A. Năm 1948. B. Năm 1949. C. Năm 1950. D. Năm 1954.

Câu 3. Khó khăn lớn nhất mà Liên Xô phải gánh chịu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá. B. Hơn 27 triệu người chết .

C. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát. D. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.

Câu 4. Thành tựu quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử .

B. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

C. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

D. Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.

B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.

C. Phát triển kinh tế công - nông - thương nghiệp.

D. Phát triển công nghiệp nặng.

Câu 6. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất vào năm nào?

A. Năm 1957. B. Năm 1961. C. Năm 1962. D. Năm 1964.

Câu 7. Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng CNXH vào thời gian nào ?

A. Khoảng những năm 1945 - 1946 B. Khoảng những năm 1946 - 1947

C. Khoảng những năm 1947 - 1948 D. Khoảng những năm 1948 - 1949

Câu 8. Những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô đã làm gì trước những biến đổi của tình hình thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX?

A. Ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

B. Chậm thích ứng, chậm sửa đổi

C. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho phù hợp với tình hình thế giới .

D. Giao lưu, hợp tác với các nước.

Câu 9. Nguyên nhân cơ bản làm cho Liên Xô và các nước Đông Âu bị "trì trệ", khủng hoảng rồi đi đến sụp đổ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Không bắt kịp sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

B. Do chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Do hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

D. Thiếu tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa xã hội.

Câu 10. Mục đích của việc thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế là gì?

A. Tạo ra mối quan hệ chặt chẽ về kinh tế giữa các nước Đông Âu với nhau.

B. Củng cố, hoàn thiện sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa

C. Thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, không ngừng nâng cao đời sống của các thành viên

D. Câu B và C đúng.

Câu 11. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va đối lập với khối quân sự nào của Mĩ và Tây Âu?

A. Khối CENTO. B. Khối NATO.

C. Khối ERO. D. Tất cả các khối trên.

Câu 12. Thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân các nước Đông Âu có ý nghĩa quốc tế như thế nào?

A. Cải thiện một bước đời sống nhân dân.

B. Thực hiện một số quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

C. Tăng cường sức mạnh bảo vệ hoà bình thế giới và góp phần hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa từ năm 1949.

D. Tạo điều kiện để Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội

Câu 13. Khó khăn lớn nhất của các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.

B. Sự bao vây của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động quốc tế.

C. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Cơ sở vật chất, kĩ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.

Câu 14. Mục đích nào dưới đây không nằm trong thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa?

A. Cần có sự hợp tác nhiều bên.

B. Sự phân công và chuyên môn hoá trong sản xuất giữa các nước XHCN nhằm nâng cao năng suất lao động và xóa bỏ tình trạng chênh lệch về trình độ.

C. Tăng thêm sức mạnh trong việc đối phó với chính sách bao vây kinh tế của các nước phương Tây.

D. Chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.

Câu 15. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va mang tính chất gì?

A. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

B. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.

C. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

D. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.

Câu 16. Hạn chế lớn nhất của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) là gì?

A. Thực hiện quan hệ hợp tác với các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.

C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế, khoa học - kĩ thuật trong sản xuất.

D. "Khép kín cửa" không hoà nhập với nền kinh tế thế giới.

Câu 17. Vì sao Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX ?

A. Đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ", khủng hoảng.

B. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mĩ.

C. Phải cải tổ để sớm áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật đang phát triển của thế giới.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 18. Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trongnhững năm 70 của thế kỉ XX Liên Xô đã làm gì ?

A. Tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội cho phù hợp.

B. Kịp thời thay đổi để thích ứng với tình hình thế giới.

C. Không tiến hành những cải cách cần thiết về kinh tế và xã hội.

D. Có sửa đổi nhưng chưa triệt để.

Câu 19. Sau khi Liên Xô sụp đổ, tình hình Liên bang Nga như thế nào?

A. Trở thành quốc gia độc lập như các nước cộng hoà khác.

B. Trở thành quốc gia kế tục Liên Xô.

C. Trở thành quốc gia nắm mọi quyền hành ở Liên Xô.

D. Trở thành quốc gia Liên bang Xô viết.

Câu 20. Từ năm 1992, Chính phủ Nga đề ra cương lĩnh gì trên lĩnh vực kinh tế?

A. Quốc hữu hoá nền kinh tế nước Nga. B. Thị trường hoá kinh tế nước Nga.

C. Tư nhân hoá kinh tế nước Nga. D. Hiện đại hoá kinh tế nước Nga.

. ***Câu 21. Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành vào thời gian nào?***

A. Tháng 12 năm 1993.
B. Tháng 11 năm 1994.
C. Tháng 12 năm 1994.
D. Tháng 12 năm 1995.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. B 3. B 4. D 5. D 6. A 7. D 8. B 9. D 10. D 11. B
12. C 13. B 14. D 15. A 16. D 17. A 18. C 19. B 20. C 21. A

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Ghi những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu trong những năm 1950 đến nửa đầu 1970 vào bảng kê dưới đây và rút ra nhận xét về những thành tựu đó.

Tên nước	*Thành tựu đạt được*
1) Liên Xô	A ....
2) Các nước Đông Âu	B ....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tên nước	*Thành tựu đạt được*
1) Liên Xô	A. - *Về công nghiệp:* Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp nặng. Đến nửa đầu những năm 1970, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. - *Về nông nghiệp:* riêng 1970, Liên Xô đạt được sản lượng và năng suất ngũ cốc chưa từng có với 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình 15,6 tạ/hecta. - *Về khoa học - kĩ thuật:* Liên Xô đạt nhiều đỉnh cao ở các lĩnh vực vật lý, hoá học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ.... Năm 1957 là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. - *Về xã hội:* Năm 1971, công nhân chiếm hơn 55% số người lao động. Nhân dân Liên Xô có trình độ học vấn gần 3/4 dân số có trình độ trung học và đại học.
2) Các nước Đông Âu	B. - Từ những năm 1950 - 1970, các nước Đông Âu về cơ bản đã thực hiện thành công kế hoạch 5 năm. - Năm 1970, An-ba-ni đã hoàn thành điện khí hoá cả nước, sản phẩm nông nghiệp tăng 2 lần những năm 60. - Bun-ga-ri, tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939.

	- Ru-ma-ni từ một nước nông nghiệp lạc hậu đã trở thành một nước công nông nghiệp. - Cộng hoà Dân chủ Đức sau 30 năm xây dựng, sản xuất công nghiệp đã đạt mức bằng cả nước Đức cũ năm 1939. - Trên cơ sở kinh tế tăng trưởng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các nước Đông Âu được cải thiện và nâng cao.

**** Nhận xét:***

- Trong những năm 1950 đến nửa đầu 1970, Liên Xô và các nước Đông Âu tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh khó khăn nhưng đạt được những thành tựu to lớn, khẳng định được sức mạnh của chủ nghĩa xã hội.

- Trong thời gian này, mặc dầu còn có những sai lầm nhưng kịp thời khắc phục, sửa chữa, làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tăng tiến.

Câu 2. Nêu những nét chính về các giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991 trải qua hai giai đoạn:

** Giai đoạn 1945 đến nửa đầu những năm 1970:* Liên Xô giành được những thành tựu to lớn về khôi phục kinh tế sau chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, vị thế quốc tế của Liên Xô ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

- Liên Xô bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng. Nhưng chiến tranh cũng đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề cho đất nước Xô viết.

- Trước tình hình đó, Liên Xô vừa phải chú ý đến nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh vừa phải thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế. Với tinh thần vượt mọi khó khăn gian khổ, nhân dân Xô viết đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946 - 1950) trước thời hạn 9 tháng.

- Liên Xô đã phục hồi nền sản xuất công nghiệp, năm 1947 đạt mức trước chiến tranh.

- Một số ngành sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh, thu nhập quốc dân tăng 66% so với năm 1940 (kế hoạch dự kiến tăng 38%). Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học - kĩ thuật Xô viết, phá vỡ độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

- Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH.

+ Về công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp nặng như chế tạo máy, điện lực, hoá dầu, hoá chất, thực hiện cơ giới hoá, điện khí hoá, hoá học hoá. Đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

+ Về nông nghiệp, thu được nhiều thành tích nổi bật. Sản lượng nông phẩm trong những năm 60 tăng trung bình khoảng 16%/năm. Năm 1970 đạt 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình là 15,6 tạ/ha.

+ Trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, giành được nhiều thành tựu rực rỡ. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, phóng con tàu vũ trụ Phương Đông đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

+ Về mặt xã hội, có những thay đổi rõ rệt. Năm 1971, công nhân chiếm hơn 55% số người lao động trong cả nước. Nhân dân Liên Xô có trình độ học vấn cao với gần 3/4 số dân đạt trình độ trung học và đại học.

- Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70, nhìn chung, tình hình chính trị của Liên Xô tương đối ổn định. Là nước đi đầu trong việc ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Liên Xô trở thành trụ cột của hệ thống xã hội chủ nghĩa, là chỗ dựa cho hoà bình và phong trào cách mạng thế giới.

* *Giai đoạn từ sau những năm 1970 đến 1991:* Liên Xô lâm vào tình trạng trì trệ về kinh tế, thi hành chính sách cải tổ nhưng do những sai lầm đã dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

- Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng bùng nổ, báo hiệu bước khởi đầu của cuộc khủng hoảng chung đối với thế giới trên nhiều mặt chính trị, kinh tế, tài chính.

- Trong bối cảnh đầy thử thách ấy, Đảng và Nhà nước Liên Xô lại cho rằng quan hệ xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới, hơn nữa các nguồn tài nguyên của Liên Xô vẫn còn dồi dào, nên đã chậm đề ra đường lối cải cách. Trên thực tế, mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và những cơ chế của nó về kinh tế, chính trị, xã hội chứa đựng những thiếu sót, sai lầm được tích tụ từ lâu. Nó cản trở sự phát triển của đất nước. Xã hội Xô viết lâm vào tình trạng thiếu dân chủ và công bằng, kỉ cương và pháp chế xã hội chủ nghĩa bị vi phạm nghiêm trọng, tệ nạn xã hội gia tăng, sản xuất tăng trưởng chậm, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém và ngày càng thua kém các nước phương Tây về khoa học - kĩ thuật. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, nợ nước ngoài và lạm phát không ngừng tăng lên. Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Tháng 3-1985, M.Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đã đưa ra đường lối tiến hành cải tổ.

+ Về kinh tế, đẩy nhanh việc ứng dụng thành tựu mới về khoa học - kĩ thuật, đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu, đạt mức cao nhất của thế giới về năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả, xây dựng "nền kinh tế thị trường có điều tiết", bảo đảm cơ cấu tối ưu về tính cân đối của nền kinh tế quốc dân thống nhất.

+ Về chính trị - xã hội, mở rộng chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân, củng cố kỉ luật và trật tự, mở rộng tính công khai phê bình và tự phê bình, bảo đảm mức độ mới về phúc lợi nhân dân, thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động.

Qua 6 năm thực hiện, do tác động tiêu cực của những sai lầm trước kia, do chưa được chuẩn bị đầy đủ và nhất là lại mắc phải những sai lầm mới trầm trọng hơn, nên công cuộc cải tổ ngày càng trục trặc, bế tắc và càng rời xa những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đến tháng 12 - 1990, công cuộc cải tổ về kinh tế thực sự thất bại.

- Ngày 19-8-1991, diễn ra cuộc đảo chính lật đổ M. Goóc-ba-chốp do một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành. Cuộc đảo chính nhanh chóng bị thất bại (21 - 8 - 1991).

- Sau khi trở lại nắm quyền, M.Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng (24 - 8 - 1991). Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động (29 - 8 - 1991). Chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt.

- Chỉ trong vài tuần lễ sau cuộc đảo chính, tất cả các nước cộng hoà, trừ Nga và Ca-dắc-xtan, đều tuyên bố độc lập. Ngày 6 - 9 - 1991, Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922, trao quyền cho các cơ quan lâm thời. Ngày 21 - 12 - 1991, tại thủ đô An-ma Ata (Ca-dắc-xtan), 11 nước cộng hoà kí Hiệp ước về giải tán Liên bang Xô viết và chính thức thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt theo tiếng Nga là SNG). Ngày 25 - 12 - 1991, sau lời tuyên bố từ chức Tổng thống của M.Goóc-ba-chốp, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết sau 74 năm tồn tại.

Câu 3. Hãy lập bảng so sánh mục đích và hậu quả của công cuộc cải tổ ở Liên Xô trong những năm 1985 - 1991.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Mục đích cải tổ	*Hậu quả cải tổ*
- Đổi mới mọi mặt đời sống xã hội Xô viết. + Kinh tế: cải tạo kĩ thuật, chuyển sang cơ chế thị trường. + Chính trị: mở rộng chế độ tự quản. + Xã hội: phúc lợi nhân dân nâng cao.	- Làm tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô. - Làm cho khủng hoảng ngày càng trầm trọng. - Dần dần mất ổn định, thực hiện chế độ đa đảng, thủ tiêu chính quyền Xô viết. - Lâm vào rối loạn, xung đột gay gắt.

Câu 4. Ghi các sự kiện về sự sụp đổ của Liên bang Xô viết và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu vào bảng dưới đây:

Tên nước	*Sự kiện về sự sụp đổ*
1) Liên bang Xô viết	....
2) Các nước Đông Âu	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tên nước	*Sự kiện về sự sụp đổ*
1) Liên bang Xô viết	- Ngày 19 - 8 - 1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Goóc-ba-chốp. Cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng (21 - 8). - Sau khi trở lại nắm chính quyền, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng (24 - 8 - 1991). Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động (29 - 8 - 1991). Chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt. - Ngày 6 - 9 - 1991, Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922, trao quyền cho các cơ quan lâm thời. - Ngày 21 - 12- 1991, tại thủ đô An-ma Ata (Cadắcxtan) 11 nước cộng hoà kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). - Ngày 25 - 12 - 1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp phải tuyên bố từ chức và cùng ngày lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
2) Các nước Đông Âu	- Cuối năm 1988, cuộc khủng hoảng nổ ra ở Ba Lan sau đó lan sang các nước Hun-ga-ri, Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, An-ba-ni. - Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành diễn ra dồn dập, đòi cải cách kinh tế, thực hiện đa nguyên về chính trị, tiến hành tổng tuyển cử tự do.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC / 2177

	- Các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước kích động quần chúng, thúc đẩy các hoạt động lật đổ chính quyền. - Những hoạt động trên làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước, đẩy chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng toàn diện. - Như vậy, trong những năm 1988 - 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu.

Câu 5. Nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu? Xác định nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế - xã hội, chủ quan duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường.

+ Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại, đưa tới sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

+ Khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng ngày càng thêm nặng nề.

+ Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

- Nguyên nhân trực tiếp:

+ Sự chống phá của các thế lực trong và ngoài nước.

+ Trong cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô mắc phải những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là đường lối xét lại phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin của những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước cao nhất ở Liên Xô lúc bấy giờ.

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ - LA-TINH (1945 - 2000)

Bài 3 TRUNG QUỐC VÀ BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cuộc nội chiến ở Trung Quốc trong những năm 1946 - 1949 diễn ra giữa các thế lực nào?

A. Giữa Tưởng Giới Thạch và Lưu Thiếu Kỳ.
B. Giữa Đảng Quốc dân và Đảng Cộng sản.
C. Giữa Đảng Trung Hoa Dân quốc và Đảng Quốc dân.
D. Giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Dân chủ.

Câu 2. Trong giai đoạn đầu của cuộc nội chiến, quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược gì?

A. Tấn công tiêu diệt quân đội Tưởng Giới Thạch.
B. Phòng ngự bị động vì lực lượng còn non yếu.
C. Phòng ngự tích cực.
D. Vừa phòng ngự vừa rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

Câu 3. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 10 - 1 - 1949. B. Ngày 11 - 1 - 1949.
C. Ngày 1 - 10 - 1949. D. Ngày 20 - 11 - 1949.

Câu 4. Từ năm 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá nhằm mục đích gì?
A. Thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng".
B. Thực hiện cuộc "Đại nhảy vọt" đưa Trung Quốc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
C. Xây dựng đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.
D. Phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hoá mới.

Câu 5. Quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Việt Nam được thiết lập vào thời gian nào?
A. Ngày 18 tháng 1 năm 1950. B. Ngày 22 tháng 2 năm 1950.
C. Ngày 20 tháng 8 năm 1950. D. Ngày 20 tháng 9 năm 1950.

Câu 6. Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Xô - Trung" vào thời gian nào?
A. Ngày 14 - 2 - 1950. B. Ngày 2 - 4 - 1950.
C. Ngày 12 - 4 - 1950. D. Ngày 4 - 12 - 1950.

Câu 7. Vào năm 1959, Trung Quốc thực hiện đường lối gì với mong muốn nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội?
A. Đường lối "Đại nhảy vọt". C. Đường lối "Công xã nhân dân".
B. Đường lối "Ba ngọn cờ hồng". D. Tất cả các đường lối trên.

Câu 8. Từ năm 1966 đến năm 1968 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Trung Quốc?
A. Cuộc "Cách mạng văn hoá tư sản". B. Cuộc "Cách mạng đại nhảy vọt".
C. Cuộc "Cách mạng văn hoá vô sản". D. Cuộc "Cách mạng thanh trừ".

Câu 9. Người nắm giữ chức Chủ tịch nước ở Trung Quốc vào năm 1959 là ai?
A. Lưu Thiếu Kì. B. Mao Trạch Đông.
C. Giang Thanh. D. Vương Hồng Vân.

Câu 10. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?
A. Tháng 10 - 1978. B. Đầu năm 1980.
C.Tháng 12 - 1987. D. Tháng 12 - 1989.

Câu 11. Đại hội lần thứ mấy của Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm?
A. Đại hội lần thứ VIII. B. Đại hội lần thứ X.
C. Đại hội lần thứ XIII. D. Đại hội lần thứ XV.

Câu 12. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1987 trở đi đối với các nước láng giềng như thế nào?
A. Đặt quan hệ ngoại giao với Mông Cổ.
B. Đặt quan hệ ngoại giao với Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
C. Đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam, Cu Ba.
D. Chống các nước Việt Nam, Mông Cổ, Lào.

Câu 13. Một trong những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở Đài Loan là
A. Đầu tư chủ yếu vào ngành công nghiệp nặng.
B. Giáo dục và khoa học - kĩ thuật rất được chú trọng.
C. Hàng xuất khẩu và nhập khẩu rất được chú trọng.
D. Thực hiện chính sách mở cửa, giao lưu với các nước.

Câu 14. Theo sự thoả thuận của Hội nghị I-an-ta, quân đội của Liên Xô đóng ở vùng nào của Triều Tiên?
A. Nam Triều Tiên. B. Bắc Triều Tiên.
C. Đông và Nam Triều Tiên. D. Tây và Bắc Triều Tiên.

Câu 15. Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1948. B. Tháng 6 năm 1948.

C. Tháng 7 năm 1948. D. Tháng 10 năm 1949.

Câu 16. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập vào thời gian nào

A. Tháng 5 năm 1948. B. Tháng 9 năm 1948.

C. Tháng 12 năm 1948. D. Tháng 7 năm 1949.

Câu 17. Ngày 25 - 6 - 1950 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở hai miền Bắc và Nam Triều Tiên?

A. Mĩ và Liên Xô rút khỏi Nam, Bắc Triều Tiên.

B. Mĩ tìm cách hất Liên Xô khỏi Bắc Triều Tiên.

C. Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào nội bộ của Nam, Bắc Triều Tiên.

D. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên bùng nổ.

Câu 18. Nét nổi bật về kinh tế của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên sau Chiế tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường.

B. Kinh tế phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá.

C. Mang tính kế hoạch hóa tập trung cao độ.

D. Sự tập trung tư bản cao độ.

Câu 19. Từ thập niên 60 của thế kỉ XX trở đi, ở châu Á xuất hiện bốn "con rồng kin tế", đó là:

A. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.

B. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Hồng Công.

C. Hàn Quốc, Đài Loan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

D. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Mi-an-ma.

Câu 20. Năm 1977, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến nền kinh tế và tài chính ở Hàn Quốc

A. Hàn Quốc trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á.

B. Hàn Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, tài chính.

C. Hàn Quốc trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ nặng nề.

D. Hàn Quốc có nền công nghiệp phát triển với tỉ lệ tăng trưởng 22%.

Câu 21. Nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về diễn biến của cuộc n chiến ở Trung Quốc.

A	*B*
1) 20 - 7 - 1946	A. Quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực.
2) Từ 7 - 1946 đến 6 - 1947	B. Quân giải phóng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh.
3) Từ 6 - 1947 đến 9 - 1948	C. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập.
4) 4 - 1949	D. Quân giải phóng chuyển sang thế phản công.
5) 1 - 10 - 1949	E. Tưởng Giới Thạch huy động toàn bộ lực lượng chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Câu 22. Hãy đánh dấu X và bảng dưới về các sự kiện lịch sử gắn liền với nước Cộn hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc. Ký hiệu Triều Tiên (A); Hàn Quốc (B).

Sự kiện	*Triều Tiên (A)*	*Hàn Quốc (B)*
1) Sau khi hoàn thành trước thời hạn kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế (1954-1956), đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn và thu được nhiều thành tựu lớn.		

2) Từ thập niên 60 trở đi, kinh tế từng bước có những thay đổi lớn: từ nước nghèo nàn, lạc hậu, sau ba thập niên phát triển, trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á.		
3) Có nền công nghiệp phát triển với tỉ lệ tăng trưởng là 22% (1999).		
4) Nền kinh tế mang tính kế hoạch hoá tập trung cao độ.		
5) Có nền nông nghiệp tiên tiến, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, xã hội thông tin cao.		
6) Năm 1999, hoàn thành xoá nạn mù chữ. Chính phủ thi hành chương trình giáo dục 10 năm bắt buộc và miễn phí.		
7) Thực hiện chế độ học tập bắt buộc trong 6 năm, từ 6 đến 12 tuổi.		

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B   2. C   3. C   4. C   5. A   6. A   7. B   8. C
9. A   10. A   11. C   12. B   13. B   14. A   15. B   16. B
17. D   18. C   19. B   20. C   21. 1: E; 2: A; 3: D; 4: B; 5: C
22. (A): 1, 4, 6; (B): 2, 3, 5, 7.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Từ năm 1945 đến năm 2000, cách mạng Trung Quốc trải qua những giai đoạn phát triển nào? Nêu tóm tắt nội dung của từng giai đoạn.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Các giai đoạn	*Tóm tắt nội dung*
1) 1945 - 1949 Thời kì nội chiến	- Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân phiệt Nhật, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Quốc dân và Đảng Cộng sản. Tháng 7 - 1946, Tưởng Giới Thạch chính thức phát động cuộc nội chiến chống Đảng Cộng sản. Từ tháng 7 - 1946 đến tháng 6 - 1947, Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực. Sau giai đoạn này, Quân giải phóng chuyển sang phản công, tiến quân vào các vùng do Đảng Quốc dân kiểm soát. Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch thất bại, phải tháo chạy ra Đài Loan. - Ngày 1 - 10 - 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.
2) 1949 - 1959 Mười năm xây dựng chế độ mới	- Từ năm 1950, nhân dân Trung Quốc bước vào giai đoạn khôi phục kinh tế, tiến hành những cải cách quan trọng: cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá, giáo dục...

	- Từ năm 1953, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 - 1957). Nhờ nỗ lực lao động của toàn dân và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm đã thu được những thành tựu to lớn. Bộ mặt đất nước Trung Quốc có nhiều thay đổi rõ rệt.
3) 1959 - 1978 Thời kì không ổn định	- Từ năm 1959, đất nước Trung Hoa lâm vào tình trạng không ổn định kéo dài tới 20 năm (1959 - 1978). - Hậu quả là năm 1959, trong cả nước nạn đói diễn ra trầm trọng, đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất ngừng trệ, đất nước không ổn định. - Từ năm 1968 đến năm 1978, ở Trung Quốc, Đảng và Chính phủ không đề ra kế hoạch kinh tế - xã hội dài hạn mà chỉ đưa ra những kế hoạch hằng năm. Đồng thời, trong nội bộ ban lãnh đạo vẫn tiếp tục diễn ra cuộc tranh giành quyền lực gay gắt.
4) 1978 - 2000 Công cuộc cải cách	- Tháng 12 - 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vạch ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế - xã hội. Đường lối này được nâng lên thành *Đường lối chung* qua Đại hội XII (tháng 9 - 1982), đặc biệt là Đại hội XIII (tháng 10 - 1987) của Đảng: lấy phát triển kinh tế làm trung tâm; kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản (con đường xã hội chủ nghĩa, chuyên chính dân chủ nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin - tư tưởng Mao Trạch Đông). - Thực hiện đường lối cải cách, đất nước Trung Quốc có những biến đổi căn bản. - Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, khôi phục quan hệ ngoại giao với In-đô-nê-xi-a, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới, có nhiều đóng góp trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (tháng 7 - 1997) và Ma Cao (tháng 12 - 1999). Những vùng đất này trở thành khu hành chính đặc biệt của Trung Quốc, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Câu 2. Nêu các chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong các thời kì: 1949 - 1959, 1959 - 1978; 1978 - 2000. Rút ra nhận xét về chính sách đối ngoại của Trung Quốc.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Thời kì	***Chính sách đối ngoại***
1) 1949 - 1959	- Trong những năm 1949 - 1959, Trung Quốc thi hành chính sách ngoại giao tích cực nhằm củng cố hoà bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới. - Ngày 14 - 2 - 1950, Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô" và nhiều hiệp ước kinh tế, tài chính khác; phái quân chí nguyện sang giúp nhân dân Triều Tiên chống Mĩ (1950 - 1953); tham gia Hội nghị các nước Á - Phi tại Băng-đung (1955); giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống thực dân

	Pháp, ủng hộ các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. - Ngày 18 - 1 - 1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
2) 1959 - 1978	- Ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mĩ xâm lược của nhân dân Việt Nam cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh. - Gây những cuộc xung đột biên giới giữa Trung Quốc với Ấn Độ, giữa Trung Quốc với Liên Xô.
3) 1978 - 2000	- Chính sách đối ngoại của Trung Quốc có nhiều thay đổi. + Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, khôi phục quan hệ ngoại giao với In-đô-nê-xi-a, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới, có nhiều đóng góp trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. + Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (tháng 7 - 1997) và Ma Cao (tháng 12 - 1999). Những vùng đất này trở thành khu hành chính đặc biệt của Trung Quốc, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Nhận xét: Khi Trung Quốc ổn định về kinh tế, chính trị thì thực hiện chính sách đối ngoại tiến bộ. Ngược lại, khi lâm vào tình trạng khủng hoảng thì thực hiện chính sách đối ngoại bất lợi cho các nước láng giềng và khu vực.

Câu 3: Hãy ghi sự kiện vào thời gian đã cho sẵn dưới đây về sự phát triển của cách mạng Trung Quốc từ năm 1945 đến 2000.

Thời gian	***Sự kiện***
1) 20 - 7 - 1946	....
2) 7 - 1946 đến 6 - 1947	....
3) Ngày 1 - 10 - 1949	....
4) Từ 1953 đến 1957	....
5) Ngày 14 - 2 - 1950	....
6) Ngày 18 - 1 - 1950	....
7) Tháng 12 - 1978	....
8) Tháng 10 - 1987	....
9) Từ 11 - 1999 đến 3 - 2003	....
10) Ngày 15 - 10 - 2003	....

*** Hướng dẫn trả lời:**

Thời gian	**Sự kiện**
1) 20 - 7 - 1946	Tưởng Giới Thạch chính thức phát động cuộc nội chiến chống Đảng Cộng sản.
2) 7-1946 đến 6 - 1947	Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực.
3) Ngày 1 - 10 - 1949	Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.
4) Từ 1953 đến 1957	Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên.
5) Ngày 14- 2 - 1950	Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô".
6) Ngày 18 - 1 - 1950	Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
7) Tháng 12 - 1978	Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vạch ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế - xã hội.
8) Tháng 10 - 1987	Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc.
9) Từ tháng 11 - 1999 đến 3 - 2003	Trung Quốc đã phóng với chế độ tự động 4 con tàu "Thần Châu".
10) Ngày 15 - 10 - 2003	Tàu "Thần Châu 5" cùng nhà du hành Dương Lợi Vĩ đã bay vào không gian vũ trụ.

Câu 4. Ghi những nét chính về kinh tế và văn hoá của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

Tên nước	***Kinh tế***	***Văn hoá***
1) Triều Tiên	....	....
2) Hàn Quốc	....	....

*** Hướng dẫn trả lời:**

Tên nước	***Kinh tế***	***Văn hoá***
1) Triều Tiên	Nền kinh tế của CHDCND Triều Tiên mang tính kế hoạch hoá tập trung cao độ. Đất nông nghiệp được tập thể hoá, các ngành công nghiệp do nhà nước quản lí. Công nghiệp nặng được chú trọng, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng. Mặc dù việc mở cửa thị trường đã được tuyên bố từ năm 1995, nhưng nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn.	Văn hoá, giáo dục có bước tiến đáng kể. Năm 1999, Triều Tiên hoàn thành xoá nạn mù chữ. Chính phủ thi hành chương trình giáo dục 10 năm bắt buộc và miễn phí.
2) Hàn Quốc	- Những năm đầu sau chiến tranh, kinh tế Hàn Quốc gặp nhiều khó khăn. Từ thập niên 60 trở đi, kinh tế Hàn Quốc từng bước có những thay đổi lớn: từ nước nghèo nàn, lạc	Giáo dục là lĩnh vực được đánh giá cao trong nền văn hoá Hàn Quốc, được coi là chìa

	hậu, sau ba thập niên phát triển, Hàn Quốc trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á với tỉ lệ tăng trưởng hằng năm đạt từ 8% trở lên. - Hàn Quốc có nền công nghiệp phát triển với tỉ lệ tăng trưởng là 22% (1999), nền nông nghiệp tiên tiến, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, xã hội thông tin cao. - Từ năm 1993, Hàn Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế nhằm mục tiêu sớm tham gia vào câu lạc bộ các nước công nghiệp phát triển. Năm 1997, cùng với một số nước Đông Nam Á, Hàn Quốc phải trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ rất nặng nề. Tuy vậy, nền kinh tế của Hàn Quốc được xếp vào thứ 11 trên thế giới, đã tiếp cận với các quốc gia phát triển.	khoá của sự thành công. Hàn Quốc thực hiện chế độ học tập bắt buộc trong 6 năm, từ 6 đến 12 tuổi.

Câu 5. Quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên từ thập niên 50 đến năm 2000 diễn ra như thế nào?

- Sau chiến tranh Triều Tiên, vào những thập kỉ 50 và 60, Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên ở trong tình trạng đối đầu.

- Từ những năm 70 trở đi, quan hệ giữa hai miền có sự thay đổi, chuyển sang đối thoại.

- Năm 1990, vấn đề đối ngoại Nam - Bắc có bước đột phá mới: sau nhiều cuộc gặp gỡ, các nhà lãnh đạo cấp cao của hai bên đã đi đến nhất trí: "xoá bỏ tình trạng đối lập về chính trị và quân sự giữa hai miền Nam - Bắc, tiến hành giao lưu và hợp tác nhiều mặt".

- Ngày 13 - 6 - 2000, hai nhà lãnh đạo cao nhất là Tổng thống Kim Tê Chung (Hàn Quốc) và Chủ tịch Kim Jong Il (CHDCND Triều Tiên) đã gặp gỡ ở Bình Nhưỡng và kí hiệp định hoà hợp giữa hai quốc gia, mở ra một trang mới trong quan hệ giữa hai miền. Tuy nhiên, quá trình hoà hợp và thống nhất bán đảo Triều Tiên còn lâu dài, khó khăn và phức tạp.

Câu 6. Hãy nêu những bài học kinh nghiệm trong việc phát triển kinh tế Hàn Quốc từ năm 1962 đến năm 2000.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Thứ nhất, thực hiện chiến lược phát triển hướng ngoại.

Thứ hai, biến đổi cấu trúc công nghiệp, từ công nghiệp sơ khai sang công nghiệp nhẹ chế biến và biến đổi từ công nghiệp nhẹ chế biến sang công nghiệp nặng và công nghiệp hoá học.

Thứ ba, tập trung phát triển những Trung tâm lớn nằm trong các vùng quan trọng trong giai đoạn đầu của tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, huy động vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, ổn định giá cả để tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế.

Thứ sáu, ổn định xã hội và chính trị để tăng trưởng kinh tế.

Bài 4 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kẻ thù của các nước Đông Nam Á trước Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Các đế quốc Tây Âu.

B. Các đế quốc Âu - Mĩ.

C. Các đế quốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha

D. Các đế quốc Anh, Pháp.

Câu 2. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào chiếm cả vùng Đông Nam Á?

A. Đức.
B. Mĩ.
C. Nhật.
D. Anh.

Câu 3. "Tổ chức hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO)" được kí kết tại đâu?

A. Tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).
B. Tại Ma-ni-la (Phi-líp-pin).
C. Tại Băng cốc (Thái Lan).
D. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 4. Khối quân sự SEATO do Mĩ cầm đầu bị giải thể bởi sự kiện nào dưới đây?

A. Thất bại của Mĩ ở khu vực Trung Đông.
B. Thất bại của Mĩ ở Triều Tiên.
C. Thất bại của Mĩ ở Đông Dương.
D. Thất bại của Mĩ ở Việt Nam.

Câu 5. Hà Lan quay trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a vào thời gian nào?

A. Tháng 8 năm 1945.
B. Tháng 11 năm 1945.
C. Tháng 12 năm 1945.
D. Tháng 5 năm 1946.

Câu 6. Nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 18 tháng 5 năm 1950.
B. Ngày 19 tháng 5 năm 1950.
C. Ngày 15 tháng 8 năm 1950.
D. Ngày 15 tháng 9 năm 1950.

Câu 7. Ngày 12 - 10 - 1945, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Lào?

A. Nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.
B. Chính phủ Lào ra mắt trước quốc dân và tuyên bố độc lập.
C. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.
D. Quân tình nguyện Việt Nam sang giúp Lào kháng chiến chống Pháp.

Câu 8. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, các chiến khu giải phóng của Lào được thành lập ở đâu?

A. Trung Lào và Thượng Lào.
C. Tây Lào, Thượng Lào và Đông Bắc Lào.
B. Tây Lào và Đông Bắc Lào.
D. Trung Lào, Thượng Lào và Tây Bắc Lào.

Câu 9. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập vào thời gian nào?

A. Ngày 22 tháng 6 năm 1954.
B. Ngày 22 tháng 3 năm 1955.
C. Ngày 24 tháng 3 năm 1955.
D. Ngày 23 tháng 2 năm 1955.

Câu 10. Loại hình chiến tranh mà Mĩ chính thức áp dụng ở Lào năm 1964 là

A. "Chiến tranh đơn phương".
B. "Chiến tranh đặc biệt".
C. "Chiến tranh cục bộ".
D. "Đông Dương hoá" chiến tranh.

Câu 11. Ngày 2 - 12 - 1975 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Lào?

A. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.
B. Chính phủ Lào ra mắt trước quốc dân và tuyên bố độc lập.
C. Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập.
D. Nhân dân Lào đánh bại đế quốc Mĩ xâm lược.

Câu 12. Thế lực tay sai Mĩ đảo chính lật đổ Xi-ha-núc vào thời gian nào?

A. Ngày 8 tháng 3 năm 1970.
B. Ngày 18 tháng 3 năm 1970.
C. Ngày 13 tháng 8 năm 1970.
D. Ngày 15 tháng 8 năm 1971.

Câu 13. Ngày 17 - 4 - 1975 đi vào lịch sử Cam-pu-chia, đó là

A. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi.
B. Nhân dân Cam-pu-chia tuyên bố tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
C. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Cam-pu-chia chính thức thành lập.
D. Nhân dân Cam-pu-chia đấu tranh chống tập đoàn Pôn-pốt.

Câu 14. Lào thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế vào thời gian:

A. Những năm 70 của thế kỉ XX.
B. Những năm 80 của thế kỉ XX.
C. Những năm 90 của thế kỉ XX.
D. Những năm đầu thế kỉ XXI.

Câu 15. Những nước nào ở Đông Nam Á sáng lập ra khối ASEAN?

A. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan.
B. Mi-an-ma, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan, Bru-nây.

C. Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan.

D. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan.

Câu 16. Tháng 8 - 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan) diễn ra sự kiện lịch sử gì gắn với các nước Đông Nam Á?

A. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập.

B. Các nước Đông Nam Á được độc lập.

C. Các nước Đông Nam Á trở thành "con rồng châu Á".

D. Các nước Đông Nam Á tuyên bố không tham gia Chiến tranh lạnh.

Câu 17. Do đâu từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN là quan hệ đối đầu?

A. Do tình hình ba nước Đông Dương luôn căng thẳng.

B. Do vấn đề Cam-pu-chia.

C. Do các nước Đông Nam Á chưa hiểu Việt Nam.

D. Do Việt Nam chưa thực hiện chính sách đối ngoại mở cửa.

Câu 18. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch. B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự. D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 19. Năm 1996, Hội nghị lần thứ nhất của tổ chức Diễn đàn hợp tác Á - Âu họp tại:

A. Băng Cốc (Thái Lan). B. Hà Nội (Việt Nam).

C. Viêng Chăn (Lào). D. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

Câu 20. Nối tên nước ở cột A cho phù hợp với tên thủ đô của các nước Đông Nam Á ở cột B dưới đây:

A (Tên nước)	*B (Tên thủ đô)*
1. Việt Nam	A. Phnôm Pênh
2. Lào	B. Hà Nội
3. Cam-pu-chia	C. Gia-các-ta
4. Thái Lan	D. Viêng Chăn
5. In-đô-nê-xi-a	E.Ban-đa-xê-ri Bê-ga-oan
6. Ma-lai-xi-a	F. Ma-ni-la
7. Xin-ga-po	G. Xin-ga-po
8. Mi-an-ma	H. Đê-li
9. Phi-líp-pin	I. Răng-gun
10. Bru-nây	K. Cua-la Lam-pua
11. Đông Ti-mo	L. Băng Cốc

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. C 3. B 4. C 5. B 6. C 7. B 8. C
9. B 10. B 11. C 12. B 13. C 14. B 15. A 16. A
17. B 18. B 19. A
20. 1: B; 2: D; 3: A; 4: L; 5: C; 6: K; 7: G; 8: I; 9: F; 10: E; 11: H.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập niên biểu về các sự kiện chính trong quá trình đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước của nhân dân Đông Nam Á (1945 - 2000) theo yêu cầu sau đây:

TT	*Nước*	*Tháng, năm*	*Nội dung sự kiện*
1	In-đô-nê-xi-a		
2	Miến Điện		
3	Mã Lai		
4	Phi-líp-pin		
5	Xin-ga-po		
6	Việt Nam		
7	Lào		
8	Cam-pu-chia		
9	Thái Lan		
10	Bru-nây		
11	Đông Ti-mo		

Hướng dẫn trả lời:

TT	*Nước*	*Tháng, năm*	*Nội dung sự kiện*
1	In-đô-nê-xi-a	- Ngày 17 - 8 - 1945	- Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.
		- Tháng 11 - 1945	- Hà Lan quay trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a.
		- Ngày 15 - 8 - 1950	- Nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.
		- Năm 1967	- Bước vào giai đoạn phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục.
		- Năm 1997	- Khủng hoảng tài chính - tiền tệ, kinh tế rối loạn.
		- Từ năm 2001-2002	- Đất nước bước vào thời kì hồi phục kinh tế nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách.
2	Miến Điện	- Tháng 10 - 1947	- Tuyên bố độc lập.
		- Tháng 1 - 1948	- Thành lập Liên bang Mi-an-ma.
		- 1948 - 1962	- Thời kì của các chính quyền dân chủ.
		- Năm 1974	- Hiến pháp mới của Mi-an-ma được ban hành.
		- 25 - 7 - 1997	- Chính thức gia nhập ASEAN.
3	Mã Lai	- Ngày 31 - 8 - 1957	- Tuyên bố độc lập.
		- Năm 1963	- Liên bang Ma-lai-xi-a ra đời.
		- Năm 1967	- Là một trong 5 nước thành lập ASEAN.
		- Năm 1981	- Thực hiện chính sách “Nhìn về phương Đông”.
4	Phi-líp-pin	- Năm 1946	- Nền độc lập được trao trả.
		- 1946 - 1970	- Thực hiện công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu.
		- 1946 - 1972	- Thời kì dân chủ lập hiến.
		- Năm 1967	- Là một trong 5 nước thành lập ASEAN.
5	Xin-ga-po	- Năm 1959	- Được Anh trao trả độc lập.
		- Năm 1965	- Tách khỏi Liên bang Ma-lai-xi-a thành nước cộng hoà độc lập.
		- Năm 1967	- Là một trong 5 nước thành lập ASEAN.

		- 1968 - 1973	- Trở thành "con rồng" nổi trội nhất trong 4 "con rồng" kinh tế của châu Á.
6	Việt Nam	- Năm 1945 - 1946 - 1954 - 1954 - 1975 - Năm 1986 - Năm 1995	- Thắng lợi Cách mạng tháng Tám giành được độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945). - Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. - Kháng chiến chống Mĩ thắng lợi. - Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. - Gia nhập ASEAN.
7	Lào	- Năm 1945 - 1946 - 1954 - 1954 - 1975 - Năm 1997	- Tuyên bố độc lập. - Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. - Kháng chiến chống Mĩ thắng lợi. - Gia nhập ASEAN.
8	Cam-pu-chia	- Tháng 10 - 1945 - Ngày 9 - 11 - 1953 - Ngày 18 - 3 - 1970 - 1975 - 1979 - Tháng 1 - 1979 - 1991 - 1993 - Năm 1993 - Năm 1999	- Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Cam-pu-chia. - Chính phủ Pháp đã kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia". - Lật đổ Xi-ha-núc. Cộng hoà Khơ-me công bố thành lập. - Cam-pu-chia Dân chủ do Khơ-me đỏ kiểm soát. - Lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ. - Chính quyền của Liên hiệp quốc tại Cam-pu-chia. - Thành lập Chính phủ Hoàng gia. Đặt tên nước là Vương quốc Cam-pu-chia. - Gia nhập ASEAN.
9	Thái Lan	- Trước 1945 - Năm 1967 - 1961 - 1972	- Là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của phương Tây. - Là một trong 5 nước thành lập ASEAN. - Thực hiện công nghiệp hoá thay thế cho nhập khẩu.
10	Bru-nây	- Năm 1959 - Năm 1962 - Năm 1984 - Năm 1987	- Thành lập chính phủ tự trị. - Tuyên bố tình trạng khẩn cấp. - Trở thành quốc gia có chủ quyền. - Gia nhập ASEAN.
11	Đông Ti-mo	- Ngày 20 - 5 - 2002	Tách khỏi In-đô-nê-xi-a, trở thành quốc gia độc lập.

Câu 2. Trình bày khái quát về quá trình giành độc lập của nhân dân Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của đế quốc Âu - Mĩ. Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật Bản xâm chiếm cả vùng Đông Nam Á và thiết lập trật tự phát xít. Từ cuộc đấu tranh chống thực dân Âu - Mĩ, nhân dân Đông Nam Á chuyển sang đấu tranh chống quân phiệt Nhật, giải phóng đất nước. Ngay sau khi Nhật đầu hàng lực lượng Đồng minh, một số quốc gia tuyên bố độc lập.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước thực dân Âu - Mĩ (Pháp, Hà Lan, Anh...) quay trở lại xâm lược Đông Nam Á. Nhân dân Đông Nam Á lại phải tiếp tục cuộc đấu tranh chống xâm lược. Trải qua cuộc kháng chiến kiên cường và gian khổ, vào giữa những năm 50, nhân dân In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đã lần lượt đánh đuổi bọn thực dân ra khỏi đất nước. Cũng vào thời gian đó, các đế quốc Âu - Mĩ công nhận độc lập của Phi-líp-pin, Miến Điện, Mã Lai, Xin-ga-po.
- Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954), nhân dân Việt Nam và Lào, tiếp đó là Cam-pu-chia phải trải qua một cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, đến năm 1975 mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Còn Bru-nây, tới tháng 1 - 1984 tuyên bố là quốc gia độc lập nằm trong khối Liên hiệp Anh. Sau cuộc trưng cầu dân ý tháng 8 - 1999 tách khỏi In-đô-nê-xi-a, ngày 20-5-2002, Đông Ti-mo trở thành một quốc gia độc lập.
- Trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh, đồng thời để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và hạn chế thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, tháng 9 - 1954, Mĩ cùng Anh, Pháp và một số nước đã thành lập khối quân sự mang tên Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là SEATO). Nhưng sau thắng lợi của cách mạng ba nước Đông Dương vào giữa năm 1975, khối SEATO phải giải thể (tháng 6 - 1976).

Câu 3. Ghi sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân In-đô-nê-xi-a sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
1) Ngày 17 - 8 - 1945	....
2) Ngày 18 - 8 - 1945	....
3) Tháng 11 - 1945	....
4) Tháng 5 - 1949	....
5) Tháng 11 - 1949	....
6) Ngày 15 - 8 - 1950	....

*** Hướng dẫn trả lời:**

Thời gian	*Sự kiện lịch sử*
1) Ngày 17 - 8 - 1945	Xu-các-nô đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.
2) Ngày 18 - 8 - 1945	Thông qua ban Hiến pháp, bầu Xu-các-nô làm Tổng thống nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.
3) Tháng 11 - 1945	Hà Lan quay trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a. Cuộc kháng chiến chống thực dân Hà Lan, bảo vệ độc lập của nhân dân In-đô-nê-xi-a bùng nổ.
4) Tháng 5 - 1949	Hà Lan và In-đô-nê-xi-a kí hiệp định đình chiến tại Gia-các-ta.
5) Tháng 11 - 1949	Hà Lan và In-đô-nê-xi-a kí Hiệp ước La Hay, theo đó, In-đô-nê-xi-a nằm trong khối Liên hiệp Hà Lan In-đô-nê-xi-a và phụ thuộc nhiều mặt vào Hà Lan.
6) Ngày 15 - 8 - 1950	Nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

Câu 4. Lập bảng tóm tắt các sự kiện chính của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân Lào.

*** Hướng dẫn trả lời:**

Giai đoạn	*Nội dung sự kiện lịch sử*
1) 1945 - 1954: Kháng chiến chống Pháp.	- Tháng 3 - 1946, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Lào. - Từ năm 1947, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Lào ngày càng phát triển, lực lượng cách mạng ngày càng trưởng thành. - Trong những năm 1953 - 1954, quân dân Lào đã phối hợp cùng với quân tình nguyện Việt Nam mở các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào, Thượng Lào..., giành thắng lợi to lớn. Những cuộc tấn công này đã phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần vào chiến thắng chung của nhân dân ba nước Đông Dương. - Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (tháng 7 - 1954) đã thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.
2) 1954 - 1975: Kháng chiến chống Mĩ.	- Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương vừa kí kết, Mĩ âm mưu biến Lào thành thuộc địa kiểu mới. Từ đây, nhân dân Lào lại phải cầm súng chống kẻ thù mới là đế quốc Mĩ. - Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (thành lập ngày 22 - 3 - 1955), cuộc đấu tranh của nhân dân Lào diễn ra cả trên ba mặt trận: quân sự - chính trị - ngoại giao, đã đánh bại các cuộc tấn công quân sự của Mĩ và tay sai. - Tháng 2 - 1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết giữa Mặt trận Lào yêu nước và phái hữu Viêng Chăn. Chính phủ Liên hiệp dân tộc lâm thời và Hội đồng Quốc gia chính trị liên hiệp được thành lập.

	- Từ tháng 5 đến tháng 12 - 1975, quân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền trong cả nước. - Ngày 2 - 12 - 1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Từ đó, nước Lào bước sang thời kì mới - xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 5. Lập bảng thống kê các sự kiện chính của cách mạng Cam-pu-chia từ năm 1945 đến năm 1975.

Niên đại	***Nội dung lịch sử***
1) Đầu tháng 10-1945	Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Cam-pu-chia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ năm 1951 là Đảng Nhân dân Cách mạng Cam-pu-chia, nhân dân Cam-pu-chia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
2) Ngày 9-11-1953	Do cuộc vận động ngoại giao của vua Xi-ha-núc, chính phủ Pháp đã kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia". Tuy vậy, quân đội Pháp vẫn chiếm đóng Cam-pu-chia.
3) Năm 1954	Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam.
4) Ngày 18-3-1970	Các thế lực tay sai của Mĩ lật đổ Xi-ha-núc. Cam-pu-chia bị kéo vào quỹ đạo của cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ trên bán đảo Đông Dương.
5) Mùa xuân năm 1975	Quân dân Cam-pu-chia mở cuộc tấn công vào sào huyệt cuối cùng của địch.
6) Ngày 17-4-1975	Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi.

Câu 6. So sánh các chiến lược kinh tế hướng nội và hướng ngoại của nhóm sáng lập ASEAN. Nội dung, thành tựu và hạn chế của từng chiến lược.

Tiêu chí so sánh	***Chiến lược kinh tế hướng nội***	***Chiến lược kinh tế hướng ngoại***
1.Thời gian bắt đầu	....	....
2. Mục tiêu	....	....
3.Nội dung	....	....
4.Thành tựu	....	....
5. Hạn chế	....	....

*** Hướng dẫn trả lời:**

Tiêu chí so sánh	*Chiến lược kinh tế hướng nội*	*Chiến lược kinh tế hướng ngoại*
1. Thời gian bắt đầu	Những năm 60 của thế kỉ XX.	Những năm 60 - 70 của thế kỉ XX.
2. Mục tiêu	Nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.	Thực hiện công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
3. Nội dung	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	Thực hiện "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.
4. Thành tựu	Thực hiện chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, các nước đã đạt được một số thành tựu đáng kể, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo giải quyết nạn thất nghiệp,....	Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.
5. Hạn chế	Thiếu nguồn vốn nguyên liệu và công nghệ, chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng quan liêu phát triển, đời sống lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội.	Phụ thuộc vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.

Câu 7. *Vì sao tổ chức ASEAN được thành lập? Nội dung của Hiệp ước Ba-li nói lên điều gì?*

***** *Vì sao:*

- Bước vào thập niên 60 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á và thế giới có nhiều chuyển biến tác động tới các nước và khu vực.

- Hơn 20 năm đấu tranh giành độc lập cũng như xây dựng kinh tế, nhiều nước trong khu vực bước vào thời kì ổn định. Các nước ở Đông Nam Á thấy rằng cần phải hợp tác với nhau để cùng phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

- Trên thế giới đã xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác mang tính khu vực, nhất là Khối thị trường chung châu Âu (EEC) đã cổ vũ rất lớn đối với các nước Đông Nam Á.

***** *Nội dung Hiệp ước Ba-li:*

- Hiệp ước Ba-li xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ở Đông Nam Á:
  + Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước.
  + Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
  + Không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ bằng vũ lực đối với nhau.
  + Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.
  + Hợp tác phát triển có hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.

Câu 8. Sự thành lập và hoạt động của tổ chức ASEAN. Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Ngày 8 - 8 - 1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin.

- Trong giai đoạn đầu (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế. Từ giữa những năm 70, ASEAN có những bước tiến mới. Sự phát triển này được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a) tháng 2 - 1976 với việc kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Ba-li).

- Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có các chuyến đi thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao.

- Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

- Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt và "vấn đề Cam-pu-chia" được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện căn bản, ASEAN có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới.

- Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Ba-li. Tiếp đó, tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7-1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN, và tháng 4 - 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức này.

- Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

- *Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN:*

Quan hệ Việt Nam - ASEAN được chia làm các thời kì sau:

+ Thời kì 1967 - 1975: Đây là thời kì quan hệ Việt Nam và các nước ASEAN có nhiều vấn đề phức tạp.

+ Thời kì 1975 - 1989:

Từ năm 1975 đến năm 1979, Việt Nam cố gắng mở rộng quan hệ song phương với các nước trong khu vực, đặc biệt là năm 1976, Việt Nam đã đưa ra chính sách 4 điểm, Việt Nam khẳng định muốn mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á. Đến cuối năm 1978, quan hệ Việt Nam với các nước ASEAN được thiết lập và phát triển qua việc kí các hiệp định kinh tế, thương mại, khoa học - kĩ thuật, hàng không và hàng hải.

Từ năm 1979 đến năm 1989, quan hệ giữa ASEAN và các nước Đông Dương hết sức căng thẳng do vấn đề Cam-pu-chia.

+ Thời kì 1989 - 1997: Sau khi vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết theo phương pháp hoà bình, các nước ASEAN đã phát triển quan hệ song phương với Việt Nam. Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam chính thức tham gia Hiệp ước Ba-li và trở thành quan sát viên của ASEAN. Ngày 28 - 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN.

Việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã mở ra một thời kì mới, thời kì hội nhập, khu vực hoá của cả Đông Nam Á.

Bài 5. ẤN ĐỘ VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đảng Quốc đại là đảng của giai cấp nào ở Ấn Độ?

A. Đảng của giai cấp vô sản. B. Đảng của giai cấp địa chủ phong kiến.
C. Đảng của giai cấp tư sản. D. Đảng của tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa của hai vạn thuỷ binh ở Bom-bay diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 19 tháng 12 năm 1945. B. Ngày 19 tháng 2 năm 1946.
C. Ngày 12 tháng 9 năm 1946. D. Ngày 19 tháng 12 năm 1946.

Câu 3. Giai cấp nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở Ấn Độ chống thực dân Anh là giai cấp nào?

A. Giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản.
C. Giai cấp địa chủ phong kiến. D. Giai cấp nông dân.

Câu 4. Nơi nào diễn ra phong trào đấu tranh của nông dân Ấn Độ mạnh mẽ nhất?

A. Can-cút-ta. B. Bom-bay. C. Ma-đrát. D. Ben-gan.

Câu 5. Tháng 4 - 1947, diễn ra sự kiện lịch sử gì có liên quan đến Anh và Ấn Độ?

A. Phó vương cuối cùng của Anh là Mao-bát-tơn đến Ấn Độ để thương lượng với Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo.
B. Anh kí với Ấn Độ hiệp ước trao trả độc lập cho Ấn Độ.
C. Phó vương cuối cùng của Anh là Mao-bát-tơn đến Ấn Độ để thương lượng với Liên đoàn Hồi giáo và Pa-kix-tan.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 6. Theo "Phương án Mao-bát-tơn", Ấn Độ chia thành hai nước tự trị dựa trên cơ sở nào?

A. Phong tục tập quán của người Ấn Độ. B. Chính sách cai trị của thực dân Anh.
C. Tôn giáo nói chung. D. Anh giáo và Ấn Độ giáo.

Câu 7. Ấn Độ tách thành hai nước Ấn Độ và Pa-kix-tan vào thời gian nào?

A. Ngày 15 tháng 8 năm 1946. B. Ngày 18 tháng 5 năm 1947.
C. Ngày 5 tháng 8 năm 1947. D. Ngày 15 tháng 8 năm 1947.

Câu 8. Ngày 26 - 1 - 1950 gắn với sự kiện lịch sử gì ở Ấn Độ?

A. Ấn Độ tách thành hai nước Ấn Độ và Pa-kix-tan.
B. Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa.
C. Cuộc khởi nghĩa Bom-bay ở Ấn Độ giành thắng lợi.
D. Ấn Độ tuyên bố tự trị.

Câu 9. Giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ tự túc được lương thực nhờ:

A. Nhờ cải tiến kĩ thuật sản xuất nông nghiệp.
B. Nhờ cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.
C. Nhờ sự viện trợ của nước ngoài, nhất là Liên Xô.
D. Nhờ công tác khai hoang và tái sản xuất.

Câu 10. Để đưa đất nước phát triển, trong ba thập niên cuối thế kỉ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực nào?

A. Công nghệ thông tin và viễn thông. B. Công nghệ điện tử và viễn thông.
C. Công nghệ sản xuất và chế biến nông sản. D. Tất cả đều đúng.

Câu 11. Sự kiện gì chứng tỏ Ấn Độ có bước phát triển trên lĩnh vực khoa học - kĩ thuật?

A. Ấn Độ phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất.
B. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.
C. Ấn Độ có 7 vệ tinh nhân tạo đang hoạt động trong vũ trụ.
D. Ấn Độ trở thành một trong sáu nước có khả năng phóng thành công vệ tinh địa tĩnh.

Câu 12. Ngày 7 tháng 1 năm 1972 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến chính sách ngoại giao của Ấn Độ?

A. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
B. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.
C. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Cu Ba.
D. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 13. Khu vực Trung Đông là nơi tiếp giáp giữa:

A. Châu Á, châu Âu và châu Mĩ La-tinh. B. Tây Á, Tây Âu và châu Phi.
C. Châu Á, châu Âu và châu Phi. D. Tây Á, châu Âu và Tây Phi.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ lợi dụng mâu thuẫn nào để can thiệp vào khu vực Trung Đông?

A. Mâu thuẫn giữa người A Rập và người Do Thái.
B. Mâu thuẫn giữa thực dân Anh và các dân tộc Trung Đông.
C. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Trung Đông.
D. Mâu thuẫn giữa người Do Thái và người Anh.

Câu 15. Sự phân chia nhà nước của người A Rập Pa-lex-tin và của người Do Thái ở khu vực Trung Đông được Liên hiệp quốc thông qua vào thời gian nào?

C. Ngày 11 tháng 9 năm 1947. D. Ngày 29 tháng 11 năm 1947.
A. Ngày 19 tháng 1 năm 1947. B. Ngày 20 tháng 6 năm 1947.

Câu 16. Nhà nước Do Thái được thành lập lấy tên là I-xra-en vào thời gian nào?

A. Ngày 29 tháng 11 năm 1947. C. Ngày 14 tháng 5 năm 1948.
D. Ngày 15 tháng 5 năm 1948. B. Ngày 15 tháng 4 năm 1948.

Câu 17. Tổ chức giải phóng Pa-lex-tin được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 18 tháng 5 năm 1964. B. Ngày 28 tháng 5 năm 1964.
D. Ngày 15 tháng 8 năm 1964. C. Ngày 18 tháng 6 năm 1964.

Câu 18. Nguồn gốc của sự xung đột giữa hai dân tộc Do Thái và A Rập Pa-lex-tin là do:

A. Do sự xung đột giữa hai dân tộc này đã có mầm mống từ lâu.
B. Do sự can thiệp của các đế quốc phương Tây.
C. Do sự tranh chấp của chủ nghĩa đế quốc Anh và Mĩ.
D. Tất cả các lí do trên.

Câu 19. Biến đổi to lớn nhất của khu vực Trung Đông sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Nhiều nước trở nên trù phú về kinh tế.
B. Hầu hết các nước Trung Đông giành lại độc lập (trừ Pa-lex-tin).
C. Các nước ở Trung Đông luôn trong tình trạng căng thẳng phức tạp.
D. Chiến tranh đã tàn phá nặng nề và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Câu 20. Nối nội dung các sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian đã cho dưới đây về phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Pa-lex-tin từ năm 1947 đến nay.

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
1) Ngày 29 - 11 - 1947	A. Tại Giê-xu-xa-lem, tổ chức giải phóng Pa-lex-tin (PLO) được thành lập, đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Pa-lex-tin.
2) Ngày 15 - 5 - 1948	B. I-xra-en chấp nhận đàm phán với PLO trên nguyên tắc "đổi đất lấy hoà bình", I-xra-en tuyên bố sẵn sàng trao trả cho người Pa-lex-tin vùng Ga-da và Giê-ri-cô. Tuyên bố này đã khai thông bế tắc trong đàm phán giữa hai phía I-xra-en và Pa-lex-tin.

3) Ngày 28 - 5 - 1964	C. Theo Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc, sự đô hộ của Anh bị huỷ bỏ và lãnh thổ Pa-lex-tin bị chia làm hai quốc gia: một của người A Rập Pa-lex-tin, một của người Do Thái.
4) Ngày 15 - 11 - 1988	D. Dưới sự chứng kiến của Tổng thống Mĩ B. Clin-tơn, tại Nhà Trắng (Mĩ), Chủ tịch PLO A-ra-phát và Thủ tướng I-xra-en Ra-bin đã chính thức kí hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-lex-tin ở bờ Tây sông Gioóc-đan.
5) Ngày 26 - 8 - 1993	E. Nhà nước Pa-lex-tin ra đời. Tháng 3 - 1989, Y. A-ra-phát được bầu là Tổng thống đầu tiên của Nhà nước này.
6) Ngày 28 - 9 - 1995	F. Bản ghi nhớ Oai Ri-vơ được I-xra-en và Pa-lex-tin kí kết, theo đó I-xra-en sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây sông Gioóc-đan cho Pa-lex-tin trong vòng 12 tuần.
7) Ngày 23 - 10 - 1998	G. Bảy nước A Rập đã tấn công I-xra-en. Từ đó, xung đột giữa I-xra-en và Pa-lex-tin diễn ra liên miên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. B 3. A 4. D 5. A 6. C 7. D 8. B
9. B 10. A 11. B 12. D 13. C 14. A 15. D 16. C
17. B 18. C 19. B 20. 1: C, 2: G, 3: A, 4: E, 5: B, 6: D, 7: F.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Ghi sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai trong bảng thống kê dưới đây:

Thời gian	*Sự kiện*
1) 1945 - 1947	....
2) 2 - 1947	....
3) 4 - 1947	....
4) 15 - 8 - 1947	....
5) 26 - 1 - 1950	....

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
1) 1945 - 1947	Cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng lên mạnh mẽ.
2) 2 - 1947	Diễn ra cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân ở Can-cút-ta.
3) 4 - 1947	Mao-bát-tơn - Phó vương cuối cùng của Anh đến Ấn Độ thương lượng với Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo Ấn Độ, đề ra phương án độc lập cho Ấn Độ.
4) 15 - 8 - 1947	Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-kix-tan
5) 26 - 1 - 1950	26 - 1 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

Câu 2. Công cuộc xây dựng đất nước Ấn Độ từ những năm 70 đến cuối thế kỉ XX như thế nào?

- Trong thời kì xây dựng đất nước, Ấn Độ đã thực hiện những kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá. Nhờ thành tựu của cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực cho gần 1 tỉ người và bắt đầu xuất khẩu. Sản xuất công nghiệp tăng, đặc biệt là công nghiệp nặng, chế tạo máy, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại.
- Trong ba thập kỉ cuối thế kỷ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin và viễn thông, và đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc và công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ... Cuộc "cách mạng chất xám" bắt đầu từ những năm 90 đã đưa Ấn Độ thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới. Trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và khoa học - kĩ thuật, Ấn Độ có những bước tiến nhanh chóng.

Câu 3. Lập bảng biên niên về tiến trình đấu tranh giải phóng của nhân dân Pa-letx-tin từ năm 1947 đến nay.

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
Ngày 29 - 11 - 1947	....
Ngày 15 - 5 - 1948	....
Ngày 28 - 5 - 1964	....
Ngày 15 - 11 - 1988	....
Ngày 26 - 8 - 1993	....
Ngày 28 - 9 - 1995	....
Ngày 23 - 10 - 1998	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
Ngày 29 - 11 - 1947	Theo Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc, sự đô hộ của Anh bị huỷ bỏ và lãnh thổ Pa-lex-tin bị chia làm hai quốc gia: một của người A Rập Pa-lex-tin, một của người Do Thái.
Ngày 15 - 5 - 1948	Bảy nước A Rập đã tấn công I-xra-en. Từ đó, xung đột giữa I-xra-en và Pa-lex-tin diễn ra liên miên.
Ngày 28 - 5 - 1964	Tại Giê-ru-xa-lem, tổ chức giải phóng Pa-lex-tin (PLO) được thành lập, đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Pa-lex-tin.
Ngày 15 - 11 - 1988	Nhà nước Pa-lex-tin ra đời. Tháng 3 - 1989, Y. A-ra-phát được bầu là Tổng thống đầu tiên của Nhà nước này.
Ngày 26 - 8 - 1993	I-xra-en chấp nhận đàm phán với PLO trên nguyên tắc "đổi đất lấy hoà bình", I-xra-en tuyên bố sẵn sàng trao trả cho người Pa-lex-tin vùng Ga-da và Giê-ri-cô. Tuyên bố này đã khai thông bế tắc trong đàm phán giữa hai phía I-xra-en và Pa-lex-tin.

Ngày 28 - 9 - 1995	Dưới sự chứng kiến của Tổng thống Mĩ B. Clin-tơn, tại Nhà Trắng (Mĩ), Chủ tịch PLO A-ra-phát và Thủ tướng I-xra-en Ra-bin đã chính thức kí hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-lex-tin ở bờ Tây sông Gioóc-đan.
Ngày 23 - 10 - 1998	Bản ghi nhớ Oai Ri-vơ được I-xra-en và Pa-lex-tin kí kết, theo đó I-xra-en sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây sông Gioóc-đan cho Pa-lex-tin trong vòng 12 tuần.

Câu 4. Những nguyên nhân nào làm cho các nước Trung Đông luôn luôn căng thẳng.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Về vị trí địa lí, các nước Trung Đông có vị trí địa lí thuận lợi, là nơi giáp ranh giữa các nước châu Á, châu Phi, châu Âu.

- Về kinh tế, các nước Trung Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhất là dầu mỏ.

- Về giao thông, các nước Trung Đông là cửa ngõ trong việc giao lưu giữa các nước.

- Các nước Trung Đông còn thường xuyên ra các vụ tranh chấp, xung đột dân tộc, sắc tộc, tạo nên điểm yếu trong khu vực để các nước có điều kiện nhảy vào "can thiệp".

Chính vì vậy các nước đế quốc luôn dòm ngó, tranh chấp, khoét sâu mâu thuẫn giữa các cộng đồng ở đây, tạo nên cái cớ để xâm lược khu vực này.

Bài 6 CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA-TINH

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, sự có mặt của các nước đế quốc nào ở châu Phi nhiều nhất?

A. Đế quốc Anh và đế quốc Mĩ. B. Đế quốc Anh và đế quốc Pháp.

C. Đế quốc Anh, Pháp và Mĩ. D. Tất cả các đế quốc trên.

Câu 2. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai chịu ảnh hưởng nhiều nhất của các nước nào ở châu Á?

A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. B. Trung Quốc, Ấn Độ.

C. Việt Nam, Trung Quốc. D. Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

Câu 3. Nơi có phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra sớm nhất là:

A. Tây Phi. B. Bắc Phi. C. Nam Phi. D. Đông Phi.

Câu 4. Cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính Ai Cập lật đổ vương triều Pha-rúc diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 3 tháng 7 năm 1952. B. Ngày 13 tháng 7 năm 1952.

C. Ngày 14 tháng 7 năm 1952. D. Ngày 7 tháng 3 năm 1953.

Câu 5. Năm 1960 ghi dấu ấn vào lịch sử châu Phi đó là:

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

Câu 6. Chủ nghĩa thực dân ở châu Phi tồn tại dưới hình thức chế độ phân biệt chủng tộc vào thời gian nào?

B. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX. C. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX.

A. Từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX. D. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 7. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là ai?

A. Xu-các-nô. B. Phi-đen Cat-xtơ-rô. C. Xu-hác-tô. D. Nen-xơn Man-đê-la.

Câu 8. Vì sao cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.

C. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 9. Sự kiện bi thảm nhất diễn ra ở châu Phi năm 1994 là:

A. Cuộc nội chiến ở Nam Phi. B. Cuộc nội chiến ở Nam-bi-a.

B. Cuộc xung đột ở An-giê-ri. D. Cuộc nội chiến ở Ru-an-đa.

Câu 10. Trong số 43 quốc gia mà Liên hiệp quốc xác định là nghèo nhất thế giới năm 1997, thì ở châu Phi có bao nhiêu quốc gia?

A. 19 quốc gia. B. 20 quốc gia. C. 29 quốc gia. D. 34 quốc gia.

Câu 11. Khó khăn lớn nhất ở châu Phi hiện nay là gì?

A. Xung đột, nghèo đói, bệnh dịch.

B. Bùng nổ dân số, mù chữ, bệnh dịch.

C. Phụ thuộc nước ngoài, bệnh dịch, nghèo đói.

D. Bùng nổ dân số, bệnh dịch, phụ thuộc nước ngoài.

Câu 13. Phong trào giải phóng dân tộc của nước nào ở châu Phi có ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960 - 1975?

A. Thắng lợi của nhân dân An-giê-ri. B. Thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bich.

C. Thắng lợi của nhân dân Ăng-gô-la. D. Thắng lợi của nhân dân Nam Phi.

Câu 14. Trước khi bị lệ thuộc vào Mĩ, các nước châu Mĩ La-tinh là thuộc địa của:

A. Anh và Pháp. B. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. D. Hà Lan, Anh và Pháp.

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ dùng ưu thế gì để biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" êm đềm của mình?

A. Dùng ưu thế về nước láng giềng. B. Dùng ưu thế về vũ khí hạt nhân.

C. Dùng ưu thế về kinh tế và quân sự. D. Dùng ưu thế kinh tế và tài chính.

Câu 16. Thủ đoạn của Mĩ trong việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở Mĩ La-tinh là gì?

A. Xây dựng các căn cứ quân sự khắp các nước Mĩ La-tinh.

B. Thực hiện chính sách viện trợ cho các nước Mĩ La-tinh.

C. Xây dựng chế độ tự trị ở các nước Mĩ La-tinh.

D. Xây dựng chế độ độc tài thân Mĩ.

Câu 17. Thắng lợi của cách mạng nước nào được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô. B. Thắng lợi của cách mạng Ê-cu-đo.

C. Thắng lợi của cách mạng Cu Ba D. Thắng lợi của cách mạng Bra-xin.

Câu 18. Nước Cộng hoà Ăng-gô-la được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 18 tháng 6 năm 1975. B. Ngày 11 tháng 11 năm 1975.

C. Ngày 12 tháng 11 năm 1975. D. Ngày 1 tháng 11 năm 1976.

Câu 19. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A	*B*
1) 18 - 6 - 1953	A. Cộng hoà nhân dân Ăng-gô-la thành lập.
2) 1956	B. Pháp kí Hiệp định Ê-vi-ăng, công nhận độc lập của An-giê-ri.
3) 1957	C. Tuy-ni-di giành lại độc lập.
4) 1958	D. Ga-na giành lại độc lập.
5) 3 - 1962	E. Ma-rốc, Xu-đăng giành độc lập.
6) 11 - 11 - 1975	F. Ghi-nê giành độc lập.
	G. Cộng hoà Ai Cập được thành lập.

Câu 20. Dưới đây là các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Hãy đánh dấu (X) vào các cột dọc cho phù hợp với từng giai đoạn.

Nội dung	*1945-1954*	*1954-1960*	*1960-1975*	*1975-nay*
1) 17 nước châu Phi giành độc lập, gọi là "Năm châu Phi".				
2) Hầu hết các nước ở Bắc Phi và Tây Phi giành được độc lập.				
3) Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu của cách mạng Ai Cập.				
4) Hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ.				

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B	2. C	3. B	4. A	5. C	6. C	7. D	8. B
9. D	10. C	11. A	12. A	13. A	14. B	15. C	16. D

17. C 18. B 19. 1: G; 2: C, E; 3: D; 4: F; 5: B; 6: A.

20. 1: 1964 - 1975; 2: 1954 - 1960; 3: 1945 - 1954; 4: 1975 đến nay.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Trình bày những điều kiện quốc tế có tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai cũng như những thay đổi về tình hình quốc tế sau chiến tranh có tác dụng thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc tại châu Phi.

+ Thất bại của chủ nghĩa phát xít, sự suy yếu của Anh và Pháp, hai quốc gia thống trị nhiều vùng thuộc địa tại châu Phi, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân châu Phi.

+ Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trước hết là của Việt Nam và Trung Quốc đã cổ vũ các cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi.

- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đã diễn ra sôi nổi trên lục địa này.

Câu 2. Vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), nhân dân Việt Nam đã chiến đấu kiên cường, anh dũng, đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp (một đế quốc đang thống trị nhiều nước ở châu Phi).

- Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã chứng minh một chân lí của thời đại: Một dân tộc dù nhỏ nhưng có tinh thần đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm thì dân tộc ấy nhất định sẽ giành thắng lợi. Chân lí này được nhân dân các nước châu Phi học tập và noi theo.

- Hơn nữa, trong chiến dịch Điện Biên Phủ và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nói chung, những tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam đã có tác động trực tiếp tới những người lính châu Phi trong quân đội Pháp ở Đông Dương. Chính những người lính này khi về nước đã phát động cuộc kháng chiến chống Pháp theo gương của nhân dân Việt Nam.

Câu 3. Tóm tắt diễn biến chính của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ năm 1945 đến năm 1994 theo bảng thống kê dưới đây:

Tên nước	***Thời gian giành độc lập***
1)..	....
2)..	....
3)..	....
4)..	....
5)..	....
6)..	....
7)..	....
8)..	....
9)..	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tên nước	***Thời gian giành độc lập***
1) Ai Cập	3 - 7 - 1952
2) Li-bi	1952
3) An-giê-ri	1962
4) Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng	1956
5) Ga-na	1957
6) Ghi-nê	1958
7) Cộng hoà Dim-ba-buê	18 - 4 - 1980
8) Na-mi-bi-a	3 - 1990
9) Nam Phi	4 - 1994

Câu 4. Nêu các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ năm 1945 đến nay.

- Từ năm 1945 đến 1954: Phong trào đấu tranh bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi, sau đó lan ra các vùng khác. Mở đầu là cuộc binh chiến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập (3 - 7 - 1952) lật đổ vương triều Pha-rúc, chỗ dựa của thực dân Anh, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập. Cùng năm 1952, nhân dân Li-bi giành được độc lập. Sau 8 năm kháng chiến kiên cường chống Pháp (1954 - 1962), nhân dân An-giê-ri đã giành được thắng lợi.

- Từ năm 1954 đến 1960: Sau những thập niên 50, hệ thống thuộc địa của thực dân châu Âu ở châu Phi nối tiếp nhau ran rã, các quốc gia độc lập lần lượt xuất hiện như Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng (1956); Ga-na (1957); Ghi-nê (1958),...

- Từ năm 1960 đến 1975: Năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập. Năm 1975, thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha, về cơ bản đã chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó.

- Từ năm 1975 đến nay: Nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người. Sau nhiều thập kỉ đấu tranh, nhân dân Nam Rô-đê-di-a đã tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Dim-ba-buê (18 - 4 - 1980). Trước sức ép của nhân dân và Liên hợp quốc, chính quyền Nam Phi đã phải trao trả độc lập cho Na-mi-bi-a; tháng 3-1990, Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập. Tháng 2 - 1990, chính quyền Nam Phi đã tuyên bố từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc (gọi là Apácthai). Sau đó, với thắng lợi của cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên ở Nam Phi (tháng 4 - 1994).

Câu 5. Trình bày những khó khăn của các nước châu Phi trên bước đường xây dựng đất nước sau khi giành độc lập và biện pháp khắc phục những khó khăn đó.

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, đã gặt hái được những thành tựu bước đầu nhưng chưa đủ để thay đổi căn bản bộ mặt của châu lục này.

- Mặc dù vậy, nhiều nước châu Phi còn nằm trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn do xung đột, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên; đói nghèo, bệnh tật và mù chữ; sự bùng nổ về dân số; nợ nần và sự phụ thuộc vào nước ngoài v.v... Tất cả những khó khăn đó đã và đang là thách thức lớn đối với nhân dân các nước châu Phi. Chẳng hạn:

  + Từ năm 1952 đến năm 1985, tại châu Phi xảy ra 241 lần đảo chính quân sự.

  + Từ năm 1987 đến năm 1997, châu Phi có tới 14 cuộc xung đột, nội chiến.

  + Trong số 43 quốc gia mà Liên hiệp quốc xác định nghèo nhất thế giới (năm 1997), thì ở châu Phi có 29 nước.

- Các nước châu Phi cùng cộng đồng quốc tế đang tìm nhiều giải pháp tháo gỡ những khó khăn: giải quyết xung đột, khắc phục đói nghèo, ngăn ngừa bệnh dịch. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng 5 - 1963, đến năm 2002 đổi thành Liên minh châu Phi (AU). Liên minh châu Phi đang triển khai nhiều chương trình chiến lược vì sự phát triển của châu lục.

Câu 6. Những nét chính về quá trình giành và bảo vệ độc lập ở châu Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh sớm giành được độc lập từ đầu thế kỉ XIX sau khi thoát khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Nhưng, ngay sau đó, họ lại bị lệ thuộc vào Mĩ, trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với ưu thế về kinh tế và quân sự, Mĩ tìm cách biến Mĩ La-tinh thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.

- Cũng vì thế, cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Cát-xtơ-rô.

- Tháng 3 - 1952, với sự giúp đỡ của Mĩ, Ba-ti-xta đã thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba. Chính quyền Ba-ti-xta xoá bỏ hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị hoạt động, bắt giam và tàn sát nhiều người yêu nước. Trong bối cảnh đó, nhân dân Cu Ba đã đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài. Ngày 1 - 1 - 1959 chế độ Ba-ti-xta sụp đổ, nước Cộng hoà Cu Ba ra đời do Phi-đen Cát-xtơ-rô đứng đầu.

- Nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cu Ba, vào tháng 8 - 1961, Mĩ đề xướng việc tổ chức "Liên minh vì tiến bộ" để lôi kéo các nước Mĩ La-tinh. Cũng vì thế, từ thập niên 60 - 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực càng phát triển và thu nhiều thắng lợi.

- Cùng với những hình thức bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất, đấu tranh nghị trường để thành lập các chính phủ tiến bộ, cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ La-tinh nên khu vực này được gọi là "lục địa bùng cháy". Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước Vê-nê-xuê-la, Goa-tê-ma-la, Cô-lôm-bi-a, Pê-ru, Ni-ca-ra-goa, Chi-lê, En Xan-va-đo... đã diễn ra liên tục.

Câu 7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của châu Mĩ La-tinh sau khi giành độc lập diễn ra như thế nào?

- Sau khi khôi phục độc lập, giành được chủ quyền, các nước Mĩ La-tinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (viết tắt theo tiếng Anh là NICs) như Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô.
- Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, nhiều nước Mĩ La-tinh rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, lạm phát tăng nhanh, khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài chồng chất, dẫn đến những biến động về chính trị.
- Sau thất bại trong vụ tranh chấp chủ quyền quần đảo Man-vi-nát với Anh (tháng 4 - 1982), chế độ độc tài bị lật đổ ở Ác-hen-ti-na, mở đầu quá trình dân sự hoá chính quyền ở hàng loạt nước Mĩ La-tinh khác: Bô-li-vi-a (1982), Bra-xin (1985), Hai-ti (1986), Chi-lê (1988), En Xan-va-đo (1989) và U-ru-goay (1989).
- Bước sang thập niên 90, nền kinh tế Mĩ La-tinh có chuyển biến tích cực hơn. Tỉ lệ lạm phát được hạ xuống còn dưới 30%/năm, một số nước đạt mức lí tưởng như Mê-hi-cô: 4,4%, Bô-li-vi-a: 4,45%, Chi-lê 4,6%,... đầu tư nước ngoài vào Mĩ La-tinh với khối lượng lớn: 68 tỉ USD (1993) và trên 70 tỉ USD (1994), đứng hàng thứ hai sau Đông Á. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mĩ La-tinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội là vấn đề nổi bật, tham nhũng đã trở thành quốc nạn và ngăn cản sự phát triển kinh tế.

Chương IV

MĨ, NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 7 NƯỚC MĨ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mĩ phát triển, nguyên nhân nào quyết định nhất?

A. Dựa vào những thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới.
B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.
D. Nhờ quân sự hoá nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 2. Nền kinh tế của Mĩ có đặc điểm nổi bật nhất là gì?

A. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
B. Mĩ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.
C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 3. Nhờ đâu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và nổi tiếng?

A. Nhờ bắt cóc từ các nước trong chiến tranh.
B. Nhờ các nhà khoa học di cư từ các nước đến Mĩ.
C. Nhờ quá trình tự đào tạo tại Mĩ.
D. Nhờ Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Câu 4. Lĩnh vực mà Mĩ đầu tư nhiều nhất để đưa đất nước phát triển là lĩnh vực nào?

A. Giáo dục và nghiên cứu khoa học.

B. Khoa học - kĩ thuật.

C. Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh.

D. Xuất cảng tư bản đến các nước thuộc địa.

Câu 5. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trong thời gian nào?

A. Từ 1918 đến 1945. B. Từ 1945 đến 1950.

C. Từ 1945 đến 1975. D. Từ 1950 đến 1980.

Câu 6. Năm 1969, Mĩ đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ?

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất. B. Đưa người lên Mặt Trăng.

C. Đưa người lên Sao Hoả. D. Tất cả các lĩnh vực trên.

Câu 7. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà thay nhau lên cầm quyền ở Mĩ vào thời gian nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai. B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai. D. Những thập niên 80 của thế kỉ XX.

Câu 8. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến những năm 1975, Mĩ trải qua mấy đời tổng thống? Đó là những tổng thống nào?

A. Năm đời tổng thống. Đó là Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho.

B. Bốn đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn.

C. Sáu đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho.

D. Năm đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ri-gân.

Câu 9. Người khởi xướng ra "Chiến lược toàn cầu" phản cách mạng là Tổng thống nào của Mĩ?

A. Tơ-ru-man B. Ken-nơ-đi C. Ai-xen-hao D. Giôn-xơn

Câu 10. Mĩ ban hành đạo luật nào nhằm chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản ở Mĩ?

A. Đạo luật Tru-man B. Đạo luật Mác-san.

C. Đạo luật Táp Hác-lây. D. Đạo luật chống cộng sản.

Câu 11. Chính đối ngoại xuyên qua các đời tổng thống Mĩ là gì?

A. Chiến lược "Chiến tranh tổng lực". B. "Chiến lược toàn cầu hoá".

C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ. D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 12. Mĩ thực hiện việc ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là mục tiêu của :

A. "Chiến lược toàn cầu hoá". B. Chiến tranh lạnh.

C. Kế hoạch Mác-san. D. Kế hoạch Tru-man.

Câu 13. Mĩ dựa vào thế lực nào là chủ yếu để thực hiện "Chính sách thực lực"?

A. Thế lực về kinh tế. B. Thế lực về chính trị.

C. Thế lực về sức mạnh của Mĩ. D. Tất cả các thế lực trên.

Câu 14. Trong đời Tổng thống Ai-xen-hao của Mĩ đã thực hiện chính sách gì?

A. "Ngăn đe thực tế ". B. "Phản ứng linh hoạt ".

C. "Bên miệng hố chiến tranh ". C. "Chiến lược toàn cầu hoá".

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã làm gì đối với các nước đồng minh?

A. Ngăn chặn sự cạnh tranh của các nước đồng minh không cho vượt qua Mĩ.

B. Đàn áp các nước đồng minh để độc quyền.

C. Dùng kinh tế chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

D. Cạnh tranh quyết liệt đối với các nước đồng minh.

Câu 16. Từ 1945 đến 1973, kinh tế nước Mĩ trải qua mấy lần khủng hoảng?

A. Trải qua 10 lần khủng hoảng và suy thoái.

B. Trải qua 3 lần khủng hoảng trầm trọng.

C. Trải qua 9 lần khủng hoảng và suy thoái.

D. Trải qua 7 lần khủng hoảng và suy thoái.

Câu 17. Vào năm 1981, ở Mĩ diễn ra sự cố lịch sử gì và có liên quan đến đời tổng thống nào?

A. Mưu sát Tổng thống Pho. B. Mưu sát Tổng thống Ri-gân.

C. Mưu sát Tổng thống Bu-sơ. D. Lật đổ Tổng thống B. Clin-tơn.

Câu 18. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở Việt Nam gắn liền với đời Tổng thống nào của Mĩ?

A. Tổng thống Giôn-xơn. B. Tổng thống Ních-xơn.

C. Tổng thống Ken-nơ-đi. D. Tổng thống Ai-xen-hao.

Câu 19. Sự kiện lịch sử nào dưới đây đã làm cho "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ bị thất bại nặng nề nhất?

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

B. Thắng lợi của cách mạng Cu Ba năm 1959.

C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

D. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

Câu 20. Nguyên nhân nào dưới đây có tác dụng làm chậm bước phát triển kinh tế của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 21. Hãy sắp xếp các đời Tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian:

A. Tơ-ru-man B. Ri-gân C. Ních-xơn D. Ai-xen-hao

E. Ken-nơ-đi G. Giôn-xơn F. Bu-sơ H. B.Clin-tơn.

Câu 22. Tháng 12 - 1989, diễn ra sự kiện gì trong chính sách đối ngoại giữa Mĩ và Liên Xô?

A. Mĩ và Liên Xô kí Hiệp ước Xô - Mĩ để chấm dứt chạy đua vũ trang.

B. Mĩ và Liên Xô hợp tác với nhau để chống lại Tây Âu và Nhật Bản.

C. Mĩ và Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào lãnh thổ của nhau.

D. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A 2. C 3. B 4. A 5. B 6. B 7. C 8. A

9. A 10. C 11. B 12. A 13. C 14. B 15. C 16. D

17. B 18. A 19. D 20. D

21. 1:A, 2:D, 3: E, 4:G, 5:C, 6:B, 7:F, 8:H 22. D

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập bảng kê về sự phát triển kinh tế của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nguyên nhân của sự phát triển đó theo yêu cầu sau đây:

Tiêu mục	***Nội dung***
1) Sự phát triển kinh tế	....
2)Nguyên nhân	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tiêu mục	***Nội dung***
1) Sự phát triển kinh tế	- Tổng sản phẩm quốc dân tăng bình quân hàng năm là 9%. - Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng toàn thế giới. - Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh. - Mĩ có hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, chiếm ¾ trữ lượng vàng thế giới... - Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
2) Nguyên nhân	- Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, khí hậu khá thuận lợi. - Mĩ có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo. - Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai muộn hơn, tổn thất ít hơn so với nhiều nước khác. Hơn nữa, Mĩ còn lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí. - Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới. Việc áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng này đã cho phép Mĩ nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất.

Câu 2. Nêu những nét chính về những thành tựu khoa học - kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Mĩ đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

- Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nhà khoa học nổi tiếng của thế giới đã di cư sang Mĩ. Đầu tư cho giáo dục và nghiên cứu khoa học ở Mĩ rất lớn.

- Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động), vật liệu mới (pôlime, vật liệu tổng hợp); năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch); sản xuất vũ khí (bom nguyên tử, bom khinh khí, tên lửa đạn đạo); chinh phục vũ trụ (đưa người lên Mặt Trăng năm 1969, thám hiểm Sao Hoả), và đi đầu cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp v.v...

- Những thành tựu đó không chỉ thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển, mà còn có ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới.

Câu 3. Nêu những nét chính về chính sách đối ngoại của Mĩ từ qua các giai đoạn từ 1945 đến 1973 và 1975 đến 1991 sau đây:

Giai đoạn	*Nội dung*
1) 1945 - 1973	- Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Tháng 3 - 1947 trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống H.Tru-man đã công khai nêu lên "Sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản". Chiến lược toàn cầu của Mĩ được triển khai qua nhiều học thuyết của các đời tổng thống Mĩ. - Mặc dù các chiến lược cụ thể mang những tên gọi khác nhau, nhưng chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu: + Một là, ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới. + Hai là, đàn áp phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới. + Ba là, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược trên đây, chính sách cơ bản của Mĩ là dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế. - Mĩ đã khởi xướng "Chiến tranh lạnh" trên phạm vi thế giới và trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra nhiều cuộc chiến tranh bạo loạn ở nhiều nơi trên thế giới.
2) 1975 - 1991	- Sau khi bị thất bại ở Việt Nam (1975), các chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu và theo đuổi "Chiến tranh lạnh". Đặc biệt với học thuyết Ri-gân và chiến lược "Đối đầu trực tiếp", Mĩ tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các công việc quốc tế ở hầu hết các địa bàn chiến lược và điểm nóng trên thế giới. - Từ giữa những năm 80, Mĩ và Liên Xô đều điều chỉnh chính sách đối ngoại. Xu hướng đối ngoại và hoà hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới. - Tháng 12 - 1989, Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh", mở ra thời kì mới trên trường quốc tế. Cùng với điều đó, Mĩ và các nước phương Tây cũng ra sức tác động vào quá trình khủng hoảng, dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở các nước Đông Âu và Liên Xô (1989 - 1991). Mĩ cũng đã giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh chống Irăc (1990-1991).

Câu 4. Hãy trình bày sự phát triển không ổn định về kinh tế và chính trị - xã hội Mĩ thời kì 1973 - 1991.

- Về kinh tế:

+ Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mĩ lâm vào một cuộc khủng hoảng và suy thoái, kéo dài tới năm 1982

+ Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại, nhưng cũng chỉ ở tốc độ trung bình so với Tây Âu và Nhật Bản. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế - tài chính, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mĩ giảm sút nhiều so với trước.

+ Khoa học - kĩ thuật Mĩ tiếp tục sự phát triển, nhưng ngày càng bị cạnh tranh ráo riết bởi Tây Âu, Nhật Bản.

- *Về chính trị - xã hội:*

+ Từ năm 1974 đến năm 1991, nước Mĩ đã trải qua 4 đời tổng thống, từ G.Pho đến G.Bu-sơ (cha). Sự thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam đã tác động lớn đến nước Mĩ.

+ Tháng 9 - 1974, Tổng thống G.Pho đã ra lệnh ân xá cho cựu Tổng thốngNích-xơn (vì tụ Oa-tơ-ghết), khoan hồng đối với những người đào ngũ và trốn tránh quân dịch trong thời kì chiến tranh Việt Nam.

+ Trong thập niên 80, Mĩ thực hiện học thuyết kinh tế Ri-gân, đạt được một số kết quả nhất định, nhưng nước Mĩ vẫn tiếp tục vấp phải nhiều khó khăn.

Câu 5. Chính sách đối ngoại của Mĩ thời kì B. Clin-tơn diễn ra như thế nào?

- Chính quyền B.Clin-tơn "cố gắng ứng dụng ba giá trị: cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng để vượt qua những thử thách". Theo đó, chính quyền cố gắng tạo cơ hội thêm nhiều việc làm, mở rộng thị trường và tập trung đầu tư cho con người; đồng thời đòi hỏi việc nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, của chính phủ và của toàn xã hội trên cơ sở đoàn kết cộng đồng gia đình, láng giềng, dân tộc.

- Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình, ở thập niên 90 Mĩ đã triển khai chiến lược "Cam kết và mở rộng" với ba trụ cột chính là:

+ Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

+ Sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài như một công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

- Với sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học - kĩ thuật của mình, trong bối cảnh Liên Xô tan rã, Mĩ có tham vọng thiết lập một trật tự thế giới "đơn cực" trong đó Mĩ là siêu cường duy nhất đóng vai trò chi phối và lãnh đạo.

Bài 8 TÂY ÂU

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. "Kế hoạch Mác-san" của Mĩ có tác dụng như thế nào đối với các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Giúp các nước Tây Âu nhanh chóng hồi phục kinh tế, đạt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Kìm hãm sự phát triển kinh tế của các nước Tây Âu.

C. Khống chế và nô dịch kinh tế các nước Tây Âu.

D. Làm cho các nước Tây Âu không đủ sức cạnh tranh với Mĩ.

Câu 2. Các nước nào ở Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai theo thể chế chính trị theo kiểu vương quốc?

A. Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp. B. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Hà Lan.

C. Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan. D. Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ.

Câu 3. Từ năm 1945 đến năm 1950, Tây Âu không ưu tiên chính sách đối nội và đối ngoại nào?

A. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. Gây chiến tranh xâm lược các nước để mở rộng thị trường.

D. Phục hồi kinh tế sau chiến tranh.

Câu 4. Từ năm 1945 đến năm 1950, Tây Âu thực hiện chính sách đối ngoại nổi bật nào dưới đây?

A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ trong việc thực hiện Chiến tranh lạnh.

B. Liên kết chặt chẽ với nhau để chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Thành lập các khối quân sự ở các nước thuộc địa cũ.

D. Mở rộng quan hệ ngoại giao với Mĩ để nhận viện trợ của Mĩ.

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Tây Đức và Tây Béc-lin trở thành tâm điểm đối đầu ở giữa các thế lực nào?

A. Giữa hai cực Xô - Mĩ.
B. Giữa Đông Đức và Tây Béc-lin.
C. Tây Âu và Đông Âu.
D. Giữa khối NATO và khối VACSAVA.

Câu 6. Từ năm 1845 đến 1950, đối trọng của các nước Tây Âu là:

A. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Các nước thuộc địa ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.
C. Các nước trong khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
D. Mĩ, Nhật và các nước trong khối NATO.

Câu 7. Trong những năm 50, sự liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ dưới hình thức nào?

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu.
B. Cộng đồng tương trợ kinh tế Tây Âu.
C. Cộng đồng châu Âu.
D. Liên minh kinh tế châu Âu.

Câu 8. Từ đầu thập niên 70 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế, tài chính Tây Âu như thế nào?

A. Bị Mĩ và Nhật khống chế tối đa.
B. Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.
C. Phát triển chậm chạp và lệ thuộc vào Mĩ.
D. Có tốc độ phát triển nhanh vượt qua Mĩ và Nhật.

Câu 9. Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy kinh tế các nước Tây Âu phát triển là:

A. Áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại vào trong sản xuất.
B. Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
C. Tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển kinh tế.
D. Sự nỗ lực bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân trong nước và nước ngoài.

Câu 10. Từ năm 1950 đến 1973, các nước trong thế giới thứ ba đã góp một phần trong sự phát triển kinh tế ở Tây Âu là:

A. Thị trường tiêu thụ hàng hoá của các nước Tây Âu.
B. Nơi cung cấp nguyên liệu rẻ tiền cho các nước Tây Âu.
C. Nơi cung cấp nguồn nhân công rẻ mạt cho các nước Tây Âu.
D. Nơi thí điểm các mặt hàng của các nước Tây Âu.

Câu 11. Thể chế chính trị mang tính chất cộng hoà đại nghị là thể chế chính trị của nước nào trong những năm 1950 đến 1973?

A. Nước Pháp.
B. Nước Anh.
C. Nước Đức.
D. Tất cả các nước Tây Âu.

Câu 12. Nước Cộng hoà Liên bang Đức chính thức gia nhập khối NATO vào thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1955.
B. Tháng 7 năm 1955.
C. Tháng 8 năm 1955.
D. Tháng 5 năm 1956.

Câu 13. Từ năm 1950 đến năm 1973, những nước nào dưới đây thực hiện chính sách đối ngoại lệ thuộc Mĩ?

A. Pháp, Thụy Điển, Phần Lan.
B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Tây Đức.
C. Anh, Tây Đức, I-ta-li-a.
D. Tất cả các nước ở Tây Âu.

Câu 14. Từ năm 1950 đến năm 1973, các nước nào có xu hướng đối ngoại khẳng định ý thức độc lập dân tộc?

A. Pháp, Thụy Điển, Phần Lan.
B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Tây Đức.
C. Anh, Tây Đức, I-ta-li-a, Pháp.
D. Pháp, Tây Ban Nha, Anh.

Câu 15. Kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng vào thời gian nào?

A. Từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

B. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Trong những năm 50 của thế kỉ XX.

D. Từ năm 1973 đến trước thập niên 90 của thế kỉ XX.

Câu 16. Nước Đức tái thống nhất vào thời gian nào?

A. Ngày 10 tháng 3 năm 1990. B. Ngày 3 tháng 10 năm 1990.

C. Ngày 13 tháng 10 năm 1990. D. Ngày 3 tháng 10 năm 1991.

Câu 17. Khối thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

A.1954 B.1955 C.1956 D.1957

Câu 18. Các thành viên đầu tiên của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) gồm:

A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan

B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha

C. Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua

D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha

Câu 19. Năm 1973, Khối thị trường chung châu Âu có thêm những nước nào?

A. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. B. Anh, Ai-len, Đan Mạch.

C. Áo, Phần Lan, Thụy Điển. D. Áo, Anh, Tây Ban Nha.

Câu 20. Đánh dấu (X) vào cột dọc dưới đây cho phù hợp với các nước Pháp, Anh, Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nội dung	*Pháp*	*Anh*	*Đức*
1) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống thuộc địa rộng lớn bị sụp đổ.			
2) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đất nước bị chia cắt thành hai quốc gia đi theo chế độ kinh tế-xã hội khác nhau.			
3) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhận "viện trợ" kinh tế của Mĩ, đưa kinh tế phát triển nhanh.			
4) Tháng 9 - 1946, Quốc hội lập hiến thông qua hiến pháp mới, thiết lập nền Cộng hoà thứ tư.			
5) Thực hiện chính sách đối ngoại theo Mĩ như "hình và bóng".			
6) Cùng với Mĩ và Tây Âu thành lập khối liên minh chính trị - quân sự chống lại Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và phong trào công nhân châu Âu.			

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A	2. C	3. C	4. A	5. A	6. C	7. A	8. B
9. A	10. B	11. A	12. A	13. C	14. A	15. D	16. B
17. D	18. C	19. B					

20. 1: Anh, 2: Đức, 3: Anh, Pháp, Đức, 4: Pháp, 5: Anh, 6: Đức.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Nêu những nét lớn về tình hình kinh tế của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Giai đoạn	*Nội dung*
1) 1945 - 1950	- Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho các nước Tây Âu nhiều hậu quả nặng nề. Nhiều thành phố, nhà máy, bến cảng, khu công nghiệp, đường giao thông bị tàn phá. Hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế. Nước Đức còn bị lực lượng Đồng minh chiếm đóng và chia cắt. Ở Pháp, năm 1945 sản xuất công nghiệp chỉ bằng 38% và nông nghiệp chỉ bằng 50% so với năm 1938; I-ta-li-a tổn thất khoảng 1/3 của cải quốc gia. - Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng bước và viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mác-san", đến khoảng năm 1950, nền kinh tế của hầu hết các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.
2) 1950 - 1973	- Sau giai đoạn phục hồi (1945 - 1950), từ thập niên 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh. - Điều đáng chú ý là quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu ngày càng diễn ra mạnh mẽ với sự hình thành Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC - 1957), sau trở thành Cộng đồng châu Âu (EC-1967).
3) 1973 - 1991	- Từ đầu thập niên 70 trở đi, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản). Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu như Anh, Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Thuỵ Điển, Phần Lan v.v... đều có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại. - Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, cũng như Mĩ và Nhật Bản, từ 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu bị lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định kéo dài đến đầu thập niên 90. - Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu gặp không ít khó khăn. + Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp. + Tây Âu luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình "liên hợp hoá" Tây Âu trong khuôn khổ của cộng đồng châu Âu (EC) vẫn còn nhiều khó khăn và trở ngại.
4) 1991 - 2000	- Bước vào đầu thập niên 90, nền kinh tế nhiều nước Tây Âu đã trải qua một đợt suy thoái ngắn. - Từ khoảng 1994 trở đi kinh tế Tây Âu đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Năm 2000, mức tăng trưởng của kinh tế Pháp là 3,4%, Anh là 3,1%, Đức là 3,0% là I-ta-li-a là 2,9%. Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới. Đến giữa thập niên 90, chỉ riêng 15 nước thành viên EU có số dân tổng cộng 375 triệu người, GDP hơn 7000 tỉ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới, gần 50% giá trị xuất khẩu và hơn 50% các nguồn tư bản.

Câu 2. Ghi vào bảng kê dưới đây về tình hình chính trị ở các nước Tây Âu từ năm 1945 đến 1991.

Giai đoạn	*Nội dung*
1) 1945 - 1950	…………………………………………… …………………………………………… ……………………………………………
2) 1950 - 1973	…………………………………………… …………………………………………… ……………………………………………
3) 1973 - 1991	…………………………………………… …………………………………………… ……………………………………………

**** Hướng dẫn trả lời:***

Giai đoạn	***Nội dung***
1) 1945 - 1950	- Tuy các nước Tây Âu có những thể chế khác nhau nhưng đều theo chế độ đại nghị (một viện hoặc hai viện), đều là nền chuyên chính của giai cấp tư sản. - Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước Tây Âu khi đó là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn viết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế.
2) 1950 - 1973	Đánh dấu sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản ở Tây Âu, đồng thời cũng ghi nhận những biến động đáng chú ý trên chính trường nhiều nước trong khu vực.
3) 1973 - 1991	- Chính trường Tây Âu có phần ổn định hơn so với giai đoạn 1945 - 1973. Nhưng bên cạnh sự phát triển, xã hội Tây Âu vẫn bộc lộ những mặt trái của nó. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn. - Các tệ nạn xã hội như hối lộ, tham nhũng, bạo lực, ma tuý, mại dâm vẫn thường xuyên xảy ra, trong đó tội phạm ma-phi-a là rất điển hình ở Italia. Còn ở CHLB Đức, tinh thần bài ngoại, bài Do Thái và các tổ chức phát xít mới vẫn tồn tại và hoạt động; các vấn đề sắc tộc và tôn giáo lại nảy sinh rất phức tạp ở Anh liên quan đến đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành cũng như phong trào đòi độc lập ở Bắc Ailen.

Câu 3. Ghi vào bảng kê dưới đây về chính sách đối ngoại ở các nước Tây Âu từ năm 1945 đến 2000.

Giai đoạn	***Nội dung***
1) 1945 - 1950	…………………………………………… …………………………………………… ……………………………………………
2) 1950 - 1973	…………………………………………… …………………………………………… ……………………………………………

3) 1973 - 1991	....
4) 1991 - 2000	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Giai đoạn	*Nội dung*
1) 1945 - 1950	- Các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ trong cuộc chiến tranh lạnh đối đầu với Liên Xô và các nước XHCN, đồng thời tìm cách quay trở lại cai trị các thuộc địa cũ của mình. - Nhiều nước Tây Âu như Anh, Pháp, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, Bỉ, Hà Lan v.v... đã tham gia khối quân sự NATO (thành lập năm 1949) do Mĩ đứng đầu. - Pháp đã tiến hành xâm lược trở lại Đông Dương; Anh trở lại Miến Điện, Mã Lai; Hà Lan trở lại In-đô-nê-xi-a v.v... - Trên phần lãnh thổ Tây Đức đã thành lập Nhà nước CHLB Đức (tháng 9-1949). Tây Đức và Tây Béc-lin trở thành một tâm điểm đối đầu ở châu Âu giữa hai cực Xô - Mĩ.
2) 1950 - 1973	- Trong khuôn khổ của chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực I-an-ta, từ năm 1950 đến năm 1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, mặt khác đã nỗ lực mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại. - Giai đoạn 1950 - 1973 cũng chứng kiến sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ của Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha... trên phạm vi toàn thế giới.
3) 1973 - 1991	- Tháng 11 - 1972 hai nước Đức kí "Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức", theo đó, CHLB Đức và CHDC Đức cam kết tôn trọng độc lập và quyền tự quyết của nhau, không đe doạ và xâm phạm lẫn nhau. - Tiếp đó về việc các nước Tây Âu tham gia Định ước Hen-xin-ki (1975) về An ninh và Hợp tác châu Âu. Tháng 11 - 1989, bức tường Béc-lin bị phá bỏ, sau đó không lâu, nước Đức đã tái thống nhất (3 - 10 - 1990). Sự kiện này góp phần làm tan rã CHXH ở Đông Âu là Liên Xô. - Trong năm 1991, 12 nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Max-trích đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU).
4) 1991 - 2000	- Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh chiến tranh lạnh đã kết thúc, trật tự thế giới hai cực I-an-ta tan rã. - Quá trình liên kết của các thành viên EU trở nên chặt chẽ hơn. Nếu như Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ, thì Pháp và Đức đã trở thành những đối trọng với Mĩ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng. Tuy nhiên, tất cả các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn cả với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ La-tinh cũng như với các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.

Câu 4. Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) diễn ra như thế nào? Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hoá, khuynh hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, mà tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Ngày 18 - 4 - 1951, Hiệp ước Pa-ri được kí kết giữa 6 nước Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua để thành lập Cộng đồng than - thép châu Âu.

- Ngày 25 - 3 - 1957, sáu nước kí Hiệp ước Rôma thành lập "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Năm 1975, phát triển thành 9 nước với sự tham gia của Anh, Ai-len, Đan Mạch.

- Năm 1981 thành 10 nước với sự tham gia của Hi Lạp.

- Năm 1986 thành 12 nước với sự tham gia của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

- Đến ngày 7 tháng 12 - 1991 các nước thành viên EEC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Max-trích (Hà Lan), có hiệu lực từ 1 - 1 - 1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).

- Năm 1994, kết nạp thêm ba thành viên mới là Áo, Phần Lan, Thụy Điển.

- Ngày 1 - 5 - 2004, kết nạp thêm 10 thành viên Đông Âu, nâng tổng số thành viên EU lên 25 nước.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung v.v...).

- Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU được biểu hiện:
    + Tháng 10 - 1990, EU thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
    + Tháng 7 - 1995, EU và Việt Nam kí Hiệp định hợp tác toàn diện.

Bài 9 NHẬT BẢN

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Theo quy định của Hội nghị Pốt-xđam, sau Chiến tranh thế giới thứ hai nước nào trong phe Đồng minh chiếm đóng Nhật từ năm 1945 đến năm 1952?

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Trung Quốc. D. Anh.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, toà án quân sự Viễn Đông xét xử tội phạm Nhật Bản phải bồi thường cho các nước nào?

A. Cho các nước Đồng minh. B. Cho các nước ở châu Á.

C. Cho các nước ở châu Âu. D. Cho các nước ở khu vực Viễn Đông.

Câu 3. Nhật Bản theo thể chế quân chủ lập hiến nhưng trên thực tế là chế độ dân chủ đại nghị tư sản, điều đó được quy định trong văn kiện nào của Nhật Bản?

A. Hiến pháp ngày 13 tháng 5 năm 1946.

B. Hiến pháp ngày 3 tháng 5 năm 1947.

C. Tuyên bố chung của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Luật cải cách năm 1947 của Nhật Bản.

Câu 4. Bộ tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung nào của Nhật Bản?

A. Giải tán các "Dai-bát-xư". B. Cải cách ruộng đất.

C. Dân chủ hoá lao động. C. Quốc hữu hoá các xí nghiệp, nhà máy.

Câu 5. Ngăn chặn sự phục hồi của tài phiệt, khuyến khích sự phát triển của kinh tế tự do cạnh tranh, đó là nội dung của:

A. Hiến pháp 1947 của Nhật Bản. B. "Luật chống độc quyền" của Nhật Bản.

C. Chính sách kinh tế mới của Nhật Bản. D. Câu A và B đúng.

Câu 6. Với Hiệp ước hoà bình Xan Phran-xi-cô năm 1951, Nhật Bản đã kí tay đôi với nước nào?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Anh.

Câu 7. Hiệp ước an ninh Nhật - Mĩ được kí kết vào thời gian nào?

A. Ngày 19 tháng 8 năm 1951. B. Ngày 8 tháng 9 năm 1951.

C. Ngày 18 tháng 9 năm 1951. D. Ngày 28 tháng 9 năm 1951.

Câu 8. Nhờ đâu kinh tế Nhật Bản sớm có điều kiện phát triển trong những năm 60 của thế kỉ XX?

A. Nhờ đơn đặt hàng của Mĩ.

B. Nhờ Nhật Bản sớm hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. Nhờ Nhật Bản biết sử dụng nguồn vốn tự có.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 9. Đến năm 1968, kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Vượt qua các nước Âu - Mĩ, đứng thứ hai trên thế giới.

B. Vẫn còn phát triển chậm chạp và lệ thuộc Mĩ.

C. Vượt qua Tây Đức, Bỉ, Lúc-xăm-bua, đứng thứ hai trên thế giới.

D. Vượt qua Anh, Pháp, Tây Đức vươn lên đứng thứ hai trên thế giới.

Câu 10. Trong quá trình đầu tư để phát triển đất nước, Nhật Bản rất coi trọng phát triển lĩnh vực nào?

A. Văn hoá và khoa học - kĩ thuật. B. Giáo dục và khoa học - kĩ thuật.

C. Giáo dục và công nghệ thông tin. D. Công nghiệp nặng và nông nghiệp.

Câu 11. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kì" trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX là gì?

A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. Biết lợi dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hoá

C. Biết "len lách" xâm nhập thị trường các nước.

D. Nhờ những cải cách dân chủ.

Câu 12. Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mĩ, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất.

B. Biết thâm nhập vào thị trường các nước.

C. Nhờ quân sự hoá nền kinh tế.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 13. Khó khăn lớn nhất mà Nhật Bản gặp phải sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

A. Cải cách hiến pháp. B. Cải cách ruộng đất.

C. Cải cách giáo dục. D. Cải cách văn hoá.

Câu 15. Sự phát triển"thần kì của Nhật Bản" được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ. (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản. (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 16. Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 17. Để phát triển khoa học - kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học - kĩ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 18. Kinh tế của Nhật bản lâm vào tình trạng khủng hoảng vào thời gian nào?

A. Từ đầu năm 60 của thế kỉ XX. B. Từ đầu năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ đầu năm 80 của thế kỉ XX. D. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 19. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

B. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.

C. Hình thành một liên minh Mĩ - Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn Đông.

D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 20. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Kí Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật (8 - 9 - 1951).

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A 2. D 3. B 4. A 5. B 6. A 7. B 8. A
9. D 10. B 11. B 12. A 13. D 14. A 15. D 16. B
17. D 18. D 19. C 20. D

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Hãy nêu những hậu quả nặng nề mà Nhật Bản phải gánh chịu sau Chiến tranh thế giới thứ hai trên các lĩnh vực ở bảng kê dưới đây:

Lĩnh vực	***Những thiệt hại***
1) Kinh tế	....
2) Chính trị - quân sự	....
3) Xã hội	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Lĩnh vực	***Những thiệt hại***
1) Kinh tế	- Nước Nhật bị kiệt quệ hoàn toàn và tan nát vì chiến tranh. - Toàn bộ của cải tích lũy trong 10 năm (1935 - 1945) bị tiêu huỷ.
2) Chính trị - quân sự	- Quân đội và toàn bộ ngành công nghiệp quân sự bị giải thể. - Toà án quân sự Viễn Đông lập ra để xét xử tội phạm chiến tranh của Nhật Bản.
3) Xã hội	- Tổng số người chết, bị thương và mất tích lên đến 2,35 triệu người. - Tổng số người không có công ăn việc làm lên đến 13,1 triệu. - Thảm hoạ đói rét đe dọa toàn Nhật Bản. - Nạn lạm phát nghiêm trọng bùng nổ từ giữa năm 1945 và kéo dài đến năm 1949.

Câu 2. Trình bày những cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong giai đoạn bị chiếm đóng.

Trước những khó khăn vô cùng to lớn, Nhật Bản tiến hành những cải cách khẩn trương:

- *Về kinh tế*, trong thời kì bị chiếm đóng (1945-1952), Nhật Bản đã thực hiện ba cuộc cải cách lớn:

+ Một là, thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, trước hết là giải tán các "Dai-bát-xư" (các tập đoàn, công ti độc quyền còn mang nhiều tính chất dòng tộc).

+ Hai là, cải cách ruộng đất (quy định địa chủ chỉ được có không quá 3 hécta ruộng, số còn lại chính phủ đem bán cho nông dân).

+ Ba là, dân chủ hoá lao động (thông qua và thực hiện các đạo luật về lao động). Dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, đến khoảng những năm 1950 - 1951, Nhật đã khôi phục được nền kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.

- *Về xã hội:* + Thông qua Luật Công đoàn năm 1945.

+ Ban hành Hiến pháp mới 1947 thay cho Hiến pháp Minh Trị 1889. Đặc điểm nổi bật của Hiến pháp này là "Tuyên ngôn hoà bình".

+ Tiến hành cải cách giáo dục trên nhiều mặt, năm 1947 ban hành Luật Giáo dục. Nội dung giáo dục thay đổi cơ bản: phủ nhận vai trò thiêng liêng của Thiên hoàng, khuyến khích phát triển văn hoá và truyền bá tư tưởng hoà bình, quy định hệ thống giáo dục 6-3-3-4. Chế độ giáo dục bắt buộc là 9 năm.

Câu 3. Những yếu tố nào khiến cho Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới trong nửa sau thế kỉ XIX.

Sau khi nền kinh tế phục hồi đạt mức trước chiến tranh, từ năm 1952 đến năm 1960 Nhật có bước phát triển nhanh. Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật bước vào giai đoạn phát triển "thần kì". Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới nhờ những yếu tố sau:

- Người dân Nhật Bản với truyền thống văn hoá, giáo dục, đạo đức lao động tốt, tiết kiệm, tay nghề cao và có nhiều khả năng sáng tạo là nhân tố hàng đầu của sự phát triển kinh tế. Con người được coi là vốn quý nhất, đồng thời là "công nghệ cao nhất".

- Nhà nước Nhật đã quản lý kinh tế một cách hiệu quả, có vai trò rất lớn trong việc phát triển nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

- Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

- Nhật Bản luôn áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại, không ngừng nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí cho quốc phòng của Nhật ít (Hiến pháp quy định không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.

- Nhật Bản biết tận dụng các yếu tố bên ngoài như tranh thủ các nguồn viện trợ của Mĩ sau chiến tranh, dựa vào Mĩ về mặt quân sự để giảm chi phí quốc phòng, lợi dụng các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950-1953) và Việt Nam (1954 - 1975) để làm giàu.

Câu 4. Những thách thức của kinh tế Nhật Bản trong những năm từ 1945 đến 1973.

Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức:

- Lãnh thổ Nhật Bản không lớn, dân số đông, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, thường xảy ra thiên tai (động đất, núi lửa..), nền công nghiệp hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Mặc dù nông nghiệp có trình độ phát triển cao, nhưng Nhật Bản vẫn phải nhập khẩu lương thực, thực phẩm.

- Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tô-ki-ô, Ô-xa-ca và Na-gôi-a, trong khi các các vùng khác được đầu tư phát triển rất ít, giữa công nghiệp và nông nghiệp có sự mất cân đối.

- Là một trong những Trung tâm kinh tế - tài chính thế giới, Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới (NICs), Trung Quốc... và tâm lý e ngại ở nước ngoài về một *"đế quốc kinh tế"* Nhật Bản.

- Cũng như kinh tế Mĩ, Nhật Bản không thể giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm ngay trong bản thân nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 5. Ghi tóm tắt tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991 vào bảng thống kê dưới đây:

Lĩnh vực	***Nội dung***
1) Kinh tế	....
2) Tài chính	....
3) Đối ngoại	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Lĩnh vực	***Nội dung***
1) Kinh tế	- Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái.

	- Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ). - Từ nửa năm sau những năm 80, Nhật đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng ngoại tệ gấp 3 lần Mĩ, 1,5 lần CHLB Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.
2) Tài chính	- Đảng Dân chủ Tự do tiếp tục cầm quyền (từ Thủ tướng Ta-na-ca đến Thủ tướng Mi-y-a-doa-a) đưa Nhật Bản vượt qua khó khăn để tiếp tục phát triển. - Trong bối cảnh của chiến tranh lạnh căng thẳng trong những năm 70- đầu những năm 80, lực lượng phòng vệ của Nhật được tăng cường. Theo Hiến pháp, Nhật Bản không có quân đội thường trực, chỉ có lực lượng phòng vệ quân đội để duy trì trật tự an ninh trong nước.
3) Đối ngoại	- Sự ra đời của "Học thuyết Phu-cu-đa" tháng 8 - 1977 được coi như là mốc đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản, trong khi vẫn coi trọng quan hệ Nhật - Mĩ, Nhật - Tây Âu. "Học thuyết Kai-phu" do Thủ tướng Kai-phu đưa ra năm 1991 là sự phát triển tiếp tục Học tuyết Phu-cu-da trong điều kiện lịch sử mới. - Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21 - 9 - 1973.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)

Bài 10 QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ giữa Liên Xô và Mĩ như thế nào?

A. Là những người bạn đồng minh trong việc phân chia thế giới.
B. Là hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "Chiến tranh lạnh".
C. Có quan hệ hợp tác cùng tồn tại hoà bình.
D. Là hai lực lượng đại diện cho hai cực I-an-ta.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mĩ là:

A. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.
C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Làm bá chủ toàn thế giới.

Câu 3. Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, Mĩ lo ngại đến nước nào ở châu Á?

A. Ảnh hưởng của Liên Xô đến các nước châu Á.
B. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
C. Thắng lợi của cách mạng Đông Dương.
D. Thắng lợi của cách mạng các nước Đông Nam Á.

Câu 4. Bản thông điệp mà Tổng thống Tru-man gửi Quốc hội Mĩ nhằm chống Liên Xô và gây nên tình trạng "Chiến tranh lạnh" vào thời gian nào?

A. Ngày 13 tháng 2 năm 1947. B. Ngày 12 tháng 3 năm 1947.
C. Ngày 16 tháng 3 năm 19 47. D. Ngày 22 tháng 3 năm 1947.

Câu 5. Nội dung của học thuyết Tru-man mang bản chất cơ bản gì?

A. Bản chất chống chủ nghĩa xã hội. B. Bản chất chống cộng sản.
C. Bản chất bành trướng. D. Bản chất đe doạ nền hoà bình thế giới.

Câu 6. "Kế hoạch Mác-san" của Mĩ ra đời vào thời gian nào?

A. Tháng 7 năm 1946 . B. Tháng 6 năm 1947.
C. Tháng 7 năm 1947. D. Tháng 6 năm 1949.

Câu 7. Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gia nhập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?

A. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha. B. Anh, Pháp, Hà Lan.
C. Đức, Tây Ban Nha, Hy Lạp. D. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc-xăm-bua.

Câu 8. Sự kiện nào dưới đây gắn với sự phân chia giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa?

A. Học thuyết Tru-man của Mĩ.
B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.
C. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.
D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 9. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 5 - 1950. B. Tháng 5 năm 1955.
C.Tháng 7 năm 1955. D. Tháng 5 năm 1956.

Câu 10. Sự kiện nào chứng tỏ rằng đã đến lúc Chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

A. Mĩ thông qua "Kế hoạch Mác-san".
B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.
C. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
D. Sự ra đời và hoạt động của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

Câu 11. Các văn bản của Hiệp định Pa-ri về việc công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương được kí kết vào thời gian nào?

A. Ngày 5 - 7 - 1954. B. Ngày 21 - 7 - 1954.
C. Ngày 20 - 9 - 1954. D. Ngày 21 - 9 - 1954.

Câu 12. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, quân đội nước nào chiếm đóng ở miền Bắc Triều Tiên?

A. Liên Xô . B. Mĩ C. Anh. D. Pháp.

Câu 13. Ngày 17 - 7 - 1953 Hiệp định đình chiến được kí kết giữa các thế lực nào để giải quyết vấn đề về Triều Tiên và Hàn Quốc?

A. Giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc.
B. Giữa Nam Triều Tiên với Bắc Triều Tiên.
C. Giữa Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên với Đại Hàn Dân Quốc.
D. Giữa Liên Xô với Mĩ để phân chia khu vực ảnh hưởng ở Nam - Bắc Triều Tiên.

Câu 14. Trước sự đe doạ của Mĩ đối với Cu Ba, mùa hè năm 1962, chính phủ Liên Xô và Cu Ba đã thoả thuận điều gì?

A. Liên Xô đưa quân đội sang Cu Ba, giúp nhân dân Cu Ba chống Mĩ.
B. Liên Xô và Cu Ba thoả thuận hợp tác chống Mĩ đến cùng.
C. Liên Xô xây dựng căn cứ tên lửa đạn đạo tầm trung trên lãnh thổ Cu Ba.
D. Tất cả các thoả thuận trên.

Câu 15. *Lấy cớ an ninh nước Mĩ bị đe doạ, ngày 22 - 10 - 1962, tổng thống nào của Mĩ lên án những hoạt động quân sự của Liên Xô tại Cu Ba?*

A. Ai-xen-hao. B. Giôn-xơn. C. Nich-xơn. D. Ken-nơ-đi.

Câu 16. *Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp dựng nên chính quyền tay sai ở miền Nam, đó là:*

A. Chính quyền Bảo Đại. B. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.
C. Chính quyền Ngô Đình Diệm. D. Chính phủ Trần Trọng Kim.

Câu 17. *33 nước châu Âu cùng với Mĩ và Ca-na-đa kí kết Định ước Henxinki vào thời gian nào?*

A. Đầu tháng 8 năm 1975. B. Đầu tháng 9 năm 1975.
C. Đầu tháng 10 năm 1975. D. Đầu tháng 8 năm 1976.

Câu 18. *Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ vào thời gian nào? Ở đâu?*

A. Đầu tháng 10 năm 1989. Ở Luân Đôn (Anh).
B. Đầu tháng 12 năm 1989. Ở I-an-ta (Liên Xô).
C. Đầu tháng 12 năm 1989. Ở Man-ta (Địa Trung Hải).
D. Đầu tháng 11 năm 1989. Ở Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 19. *Vấn đề nào dưới đây được Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-bac-hốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ cùng tuyên bố?*

A. Vấn đề chấm dứt việc chạy đua vũ trang.
B. Vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân hủy diệt.
C. Vấn đề chấm dứt Chiến tranh lạnh.
D. Vấn đề giữ gìn hoà bình, an ninh cho nhân loại.

Câu 20. *Hội đồng Tương trợ Kinh tế tuyên bố giải thể vào thời gian nào?*

A. Ngày 18 tháng 6 năm 1991. B. Ngày 28 tháng 6 năm 1991.
C. Ngày 16 tháng 8 năm 1991. D. Ngày 26 tháng 8 năm 1991.

Câu 21. *Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là:*

A. Sự tố cáo Liên Xô mở rộng lãnh thổ đến các nước Đông Âu.
B. Bản thông điệp của Tổng thống Tru-man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12-3-1947.
C. Sự viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.
D. Bản tuyên bố chính thức gây Chiến tranh lạnh của Mĩ.

Câu 22. *Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về Quan hệ quốc tế (1945 - 2000) theo yêu cầu sau đây:*

A	***B***
1) 6 - 1947	A. Hiệp định đình chiến được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc.
2) 4 - 4 - 1949	B. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
3) 5 - 1955	C. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san"
4) 12 - 1946	D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông Dương được kí kết.
5) 21 - 7 - 1954	E. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lan rộng trên toàn cõi Đông Dương.
6) 25 - 6 - 1950	F. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.
7) 27 - 7 - 1953	G. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ.

8) 9 - 11 - 1972	H. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.
9) 12 - 1989	I. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 tấn công xuống phía nam.
10) 1 - 7 - 1991	K. Cộng hoà Dân chủ Đức và Cộng hoà Liên bang Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. D 3. B 4. B 5. B 6. B 7. C 8. B
9. B 10. B 11. B 12. A 13. A 14. C 15. D 16. C
17. A 18. C 19. C 20. B 21. B
22. 1: C, 2: H, 3: B, 4: E, 5: D, 6: I, 7: A, 8: K, 9: G, 10: F.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Sự ra đời của "Kế hoạch Mác-san" và sự thành lập khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa như thế nào?

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên thành một nước tư bản giàu mạnh nhất, vượt xa các nước tư bản khác, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử. Mĩ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới - như Tổng thống Tru-man công khai tuyên bố: "Ngày nay Hoa Kì là một quốc gia mạnh, không có một quốc gia nào mạnh hơn... Điều đó có nghĩa là với sức mạnh như thế, chúng ta có nghĩa vụ nắm quyền lãnh đạo thế giới".
- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Tru-man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 - 1947. Trong đó, Tổng thống Mĩ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì. Đó là học thuyết Tru-man.
- Nhưng học thuyết Tru-man vừa ra đời đã vấp phải sự phản đối của thế giới vì bản chất chống cộng của nó.
- Vào đầu tháng 6 -1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san" với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Ngày 4 - 4 - 1949, Mĩ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Như vậy, "Kế hoạch Mác-san" và khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. Tóm tắt nội dung các cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra từ năm 1945 đến năm 1975 vào bảng thống kê dưới đây:

Các cuộc chiến tranh	*Nội dung sự kiện*
1) Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954)	....
2) Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)	....

3) Cuộc khủng hoảng Caribê (1962)	....
4) Cuộc chiến tranh chống Mĩ xâm lược Việt Nam (1954 - 1975)	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Các cuộc chiến tranh	*Nội dung sự kiện*
1) Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945-1954)	- Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp đã quay lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Tới tháng 12 - 1946, cuộc chiến đã lan rộng trên toàn cõi Đông Dương. - Từ năm 1950, Mĩ viện trợ cho Pháp và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Từ đó, cuộc chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu sự tác động của hai phe. - Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (7 - 5 - 1954), Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương đã được triệu tập. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (21 - 7 - 1954) đã công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Cuộc chiến ở Đông Dương đã chấm dứt, nhưng Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự.
2) Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận giữa các Đồng Minh, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mĩ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm giới tuyến phân chia tạm thời. Tới cuối năm 1948, hai chính quyền được thành lập riêng rẽ là Cộng hoà Dân chủ của nhân dân Triều Tiên ở phía bắc và Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) ở phía nam được Liên Xô và Mĩ bảo trợ cho mỗi bên. - Sau hơn ba năm chiến tranh, với những tổn thất nặng nề của cả hai bên, ngày 27 - 7 - 1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ-Hàn Quốc. Theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự đụng đầu đầu tiên giữa hai phe, không phân thắng bại.
3) Cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê (1962)	Sau khi cách mạng Cu Ba thắng lợi, Mĩ không ngừng chống phá công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Cu Ba.

	Tháng 10 - 1962, tình hình trở nên căng thẳng nghiêm trọng do "cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê".
4) Cuộc chiến tranh chống Mĩ xâm lược ở Việt Nam (1954 - 1975)	- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. - Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe. Nhưng cuối cùng, mọi chiến lược chiến tranh của Mĩ đều bị phá sản. Tháng 1 - 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết. Theo đó, Mĩ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân khỏi Việt Nam, cam kết không dính líu hoặc can thiệp về quân sự đối với nước ta.

Câu 3. Trình bày xu thế hoà hoãn Đông - Tây và việc chấm dứt Chiến tranh lạnh.

- Mặc dù chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn, nhưng từ đầu những năm 70, xu hướng hoà hoãn Đông - Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô - Mĩ.

- Đó là, trên cơ sở những thỏa thuận Xô - Mĩ, ngày 9 - 11 - 1972 hai nước Đức - Cộng hoà Dân chủ và Cộng hoà Liên bang đã kí kết tại Bon bản *Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức*.

- Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và ngày 26 - 5 kí *Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa* (ABM), sau đó là *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược* (gọi tắt là SALT-1).

- Đầu tháng 8 - 1975, 35 nước châu Âu và Mĩ, Ca-na-đa đã kí kết *Định ước Hen-xin-ki*, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia như bình đẳng, chủ quyền, sự bền vững của đường biên giới, giải quyết hoà bình các tranh chấp... nhằm đảm bảo an ninh châu Âu và sự hợp tác giữa các nước về kinh tế, khoa học và kĩ thuật, bảo vệ môi trường.

- Cùng với các sự kiện trên, từ đầu những năm 70, hai siêu cường Xô-Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp cấp cao, nhất là từ năm 1985, khi Goóc-ba-chốp lên cầm quyền ở Liên Xô. Hầu như hằng năm đều diễn ra các cuộc gặp gỡ giữa nguyên thủ hai nước - Goóc-ba-chốp và Ri-gân, sau là Goóc-ba-chốp và Bu-sơ (cha). Nhiều văn kiện hợp tác về kinh tế và khoa học - kĩ thuật đã được kí kết giữa hai nước, nhưng trọng tâm là những thoả thuận về thủ tiêu các tên lửa tầm trung ở châu Âu, cắt giảm vũ khí chiến lược cũng như hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước.

- Tháng 12 - 1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (địa Trung Hải). Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh".

- Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra nhiều hướng và những điều kiện giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Câu 4. Nêu những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết. Ngày 28 - 6 - 1991, Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể và sau đó ngày 1-7-1991, tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động. Với "cực" Liên Xô tan rã, hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã sụp đổ.

- Từ sau năm 1991 đầy biến động, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp. Trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.
- Sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.
- Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người.
- Với xu thế của thế giới từ cuối thế kỉ XX - đầu thế kỉ XXI, ngày nay các quốc gia - dân tộc vừa đứng trước những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

Chương VI
CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 11 CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật vào thế kỉ XVII - XIX. Đó là:

A. Cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng khoa học - kĩ thuật.
C. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp.
D. Cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học.

Câu 2. Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.
B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).
C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.
D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 3. Điểm nào dưới đây không phải là điểm khác nhau cơ bản giữa khoa học và kĩ thuật?

A. Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.
B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lý, Hoá, Sinh.
C. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển.
D. Khoa học quyết định sự phát triển của kĩ thuật.

Câu 4. Nguồn gốc sâu xa của cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

A. Do sự bùng nổ dân số.
B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.
C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.
D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 5. Điểm mới của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa hoc.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 6. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng văn minh tin học.

D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 7. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai đã giải quyết được vấn đề gì khi tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt?

A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

B. Đẩy mạnh tự động hoá công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.

C. Tìm những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới.

D. A, B, C đúng.

Câu 8. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

A. "Người máy" (Rô-bốt). B. Máy tính điện tử.

C. Hệ thống máy tự động. D. Máy tự động.

Câu 9. Lĩnh vực nào góp phần đắc lực vào việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

A. Toán học. B. Vật lí học. C. Hoá học. D. Sinh học.

Câu 10. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Phát minh sinh học. B. Phát minh hoá học.

C. "Cách mạng xanh". D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 11. Máy tính điện tử và người máy Rô-bốt là sản phẩm được phát minh đầu tiên ở nước nào?

A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Anh.

Câu 12. Quê hương của cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp là:

A. Mĩ B. Ấn Độ. C. Nhật. D. Mê-hi-cô.

Câu 13. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng gì ?

A. Sự đầu tư vào khoa học cho lãi cao.

B. Sự bùng nổ thông tin.

C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

D. Chảy máu chất xám.

Câu 14. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 15. Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai ?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.

B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.

D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 16. Giai đoạn thứ nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ những năm 30 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

B. Từ những năm 40 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Từ những năm 50 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 17. Giai đoạn thứ hai của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Tư những năm 70 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Từ cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 đến nay.

D. Từ những năm 80 đến nay.

Câu 18. Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp. B. Cách mạng trắng trong nông nghiệp.

C. Cách mạng công nghiệp. D. Cách mạng công nghệ.

Câu 19. Xu thế toàn cầu hoá diễn ra từ sự kiện lịch sử nào của thế giới?

A. Từ sau khi cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.

B. Từ khi cách mạng khoa học - kĩ thuật bắt đầu xuất hiện.

C. Từ khi Chiến tranh lạnh bùng nổ.

D. Từ khi Liên Xô và Các nước Đông Âu bị sụp đổ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 20. Hãy nối sự kiện ở cột B phù hợp với niên đại ở cột A.

A	*B*
1. Năm 1949.	A. Đặt chân lên Mặt Trăng.
2. Năm 1945.	B. Máy tính điện tử ra đời.
3. Năm 1969.	C. Con người bay vào vũ trụ.
4. Năm 1946.	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. Năm 1961.	E. Bom nguyên tử ra đời.
6. Năm 1957.	F. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.
7. Tháng 4 - 2003.	G. "Máy tính mô phỏng thế giới".
8. Tháng 3 - 2002.	H. "Bản đồ gien người" được giải hoàn chỉnh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. D	4. B	5. A	6. D	7. C	8. B
9. B	10. C	11. A	12. B	13. B	14. C	15. C	16. B
17. C	18. D	19. A	20. 1: D; 2: E, 3: A; 4: B; 5: C; 6: F, 7: H; 8: G.				

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập bảng thống kê về nguồn gốc, đặc điểm và thành tựu của cách mạng kho học - công nghệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Tiêu mục	*Nội dung*
1) Nguồn gốc	- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay diễn ra là do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số thế giới và sự vơi cạn nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Những đòi hỏi bức thiết đó đặt ra cho cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phải giải quyết, trước hết là chế tạo và tìm kiếm những công cụ sản xuất mới có kĩ thuật và năng suất cao, tạo ra những vật liệu mới.
2) Đặc điểm	- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khác với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII. - Trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho sản xuất. Như vậy khoa học đã tham gia trực tiếp vào sản xuất, trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.
3) Thành tựu	- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, loài người đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, những bước nhảy vọt chưa từng thấy trong lịch sử các ngành toán học, vật lý học, hoá học, sinh học... Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản, con người đã ứng dụng vào kỹ thuật và sản xuất phục vụ cuộc sống của mình. - Trong lĩnh vực công nghệ đã xuất hiện những phát minh quan trọng, những thành tựu to lớn trong các lĩnh vực: + Những công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động, người máy rô-bốt...); + Những nguồn năng lượng mới (năng lượng mặt trời, năng lượng gió và nhất là năng lượng nguyên tử....); những vật liệu mới như (pôlime - chất dẻo với nhiều loại hình khác nhau, các loại vật liệu siêu sạch, siêu cứng, siêu bền, siêu dẫn...); + Công nghệ sinh học với những đột phá phi thường trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh và công nghệ enzim; + Những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải (cáp sợi thủy tinh quang dẫn, máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hỏa tốc độ cao...); chinh phục vũ trụ (vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ ..).

Câu 2. Hãy nêu những biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá.

Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hoá ngày nay là:

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. Các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

Câu 3. Tại sao nói: Toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.

- Về cơ hội:

+ Từ sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi. Xu thế chung của thế giới là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.

+ Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và lấy kinh tế làm trọng điểm, cùng sự tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

+ Các quốc gia đang phát triển có thể khai thác các nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài, nhất là các tiến bộ khoa học - kĩ thuật để có thể "đi tắt đón đầu" rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước.

- Về thách thức:

+ Các nước đang phát triển cần nhận thức đầy đủ sự cần thiết tất yếu và tìm kiếm con đường, cách thức hợp lí nhất trong quá trình hội nhập quốc tế - phát huy thế mạnh; hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro, bất lợi và cả sai lầm; có những bước đi thích hợp, kịp thời.

+ Phần lớn các nước đang phát triển đều từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí thấp, nguồn nhân lực đào tạo có chất lượng còn nhiều hạn chế.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

+ Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ vẫn còn bất hợp lí.

+ Vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại cần được lưu ý.

Bài 12 TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trật tự thế giới nào dưới đây được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. B. Trật tự Xô - Mĩ.

C. Trật tự Véc-xai - Oa-sinh-tơn. D. Trật tự hai cực Man-ta.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nét nổi bật nhất của tình hình thế giới là gì?

A. Thế giới bước vào thời kì hoà bình, ổn định.

B. Thế giới chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

C. Thế giới bị khống chế bởi khối quân sự NATO của Mĩ.

D. Thế giới đang chung sống hoà bình, không còn chiến tranh.

Câu 3. Các cuộc cách mạng nào tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới?

A. Cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc, Việt Nam.

B. Cách mạng dân chủ nhân dân ba nước Đông Dương.

C. Cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.

D. Cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở:

A. Châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mĩ La-tinh.

B. Châu Á, châu Phi và châu Mĩ La-tinh.

C. Châu Á, châu Âu, châu Phi.

D. Châu Á, châu Âu, châu Mĩ La-tinh.

Câu 5. Các cường quốc nào giữ vai trò nòng cốt trong "Trật tự thế giới hai cực I-an-ta" sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mĩ và Trung Quốc. B. Mĩ và Anh. C. Mĩ và Đức. D. Mĩ và Liên Xô.

Câu 6. Tác động của phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến các nước đế quốc như thế nào?

A. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

B. Làm cho chủ nghĩa đế quốc ngày càng mâu thuẫn với nhau.

C. Làm cho chủ nghĩa đế quốc rơi vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

D. Làm cho chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu nghiêm trọng.

Câu 7. Tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong những năm 1945 đến những năm đầu 1970 như thế nào?

A. Đạt được những thành tựu quan trọng, làm cho chủ nghĩa xã hội tăng tiến.

B. Bắt đầu trì trệ và khủng hoảng.

C. Lâm vào tình trạng khủng hoảng kéo dài.

D. Suy thoái và sụp đổ.

Câu 8. Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới vào thời gian nào?

A. Trong những thập niên cuối 1970. B. Trong những thập niên đầu 1980.

C. Trong những năm 1950 và 1960. D. Trong những năm 1975 và 1980.

Câu 9. Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?

A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lâm vào tình trạng "trì trệ".

C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. Vẫn giữ mức phát triển bình thường.

Câu 10. Các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng trong thời gian nào?

A. Cuối những năm 70 đến đầu những năm 80. B. Đầu năm 1980 đến 1990.

C. Cuối năm 1980 đến 1991. D. Cuối năm 1988 đến 1991.

Câu 11. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

A. Xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.

B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Sự tha hoá, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

D. Do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

Câu 12. Tháng 2 - 1950, gắn liền với sự kiện gì nổi bật ở Trung Quốc?

A. Hiệp ước liên minh và tương trợ Trung - Xô được kí kết.

B. Trung quốc thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng".

C. Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hướng "Đại nhảy vọt".

D. Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn.

Câu 13. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?

A. Năm 1968. B. Năm 1978. C. Năm 1987. D. Năm 1988.

Câu 14. Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á gọi là gì?

A. Khối NATO. B. Khối SEATO. C. Tổ chức ASEAN. D. Tổ chức EU.

Câu 15. Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?

A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực Bắc Đại Tây Dương.
C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 16. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "Lục địa mới trỗi dậy"?

A. Châu Á. B. Châu Mĩ La-tinh. C.Châu Âu. D. Châu Phi.

Câu 17. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mĩ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật đang phát triển của thế giới.
C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
D. Đều thực hiện quân sự hoá nền kinh tế.

Câu 18. Nước nào trong những năm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế "thần kì"?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Nhật.

Câu 19. Trong nhiều thập niên liền, Liên minh Thiên Chúa giáo cầm quyền ở nước nào?

A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Hà Lan.

Câu 20. Sau cuộc Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều ra sức điều chỉnh:

A. Nền kinh tế và quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.
B. Chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm.
C. Chiến lược lấy quốc phòng làm trọng tâm.
D. Chiến lược phát triển kinh tế, quốc phòng theo xu thế toàn cầu hoá.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A 2. B 3. C 4. B 5. D 6. A 7. A 8. C
9. B 10. D 11. A 12. A 13. B 14. B 15. C 16. D
17. B 18. D 19. A 20. B

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Trình bày những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới đã được xác lập. Đó là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới như phân đôi, chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

- Với thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1945), cách mạng Trung Quốc (1949) và cách mạng Cu Ba (1959) đã mở rộng không gian địa lý của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa - một dải đất rộng lớn trải dài từ phía đông châu Á qua Liên bang Xô viết tới phần phía đông châu Âu và lan sang Cu Ba ở vùng biển Ca-ri-bê của khu vực Mĩ La-tinh.

- Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh. Dưới những đòn đã kích mảnh liệt của cao trào giải phóng, hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai kéo dài từ nhiều thế kỉ đã bị sụp đổ hoàn toàn.

- Trong nửa sau thế kỉ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng. Mĩ đã vươn lên trở thành nước đế quốc giàu mạnh nhất. Tiếp theo, Nhật Bản và các nước Tây Âu, thế giới lần lượt xuất hiện ba trung tâm kinh tế, tài chính. Mặc dù có sự phát triển như thế, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của nó.

- So với các giai đoạn lịch sử thế giới trước đây, chưa bao giờ các quan hệ quốc tế lại mở rộng và đa dạng như trong nửa sau thế kỉ XX

  + Tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là tình trạng *"Chiến tranh lạnh"* kéo dài tới hơn bốn thập kỉ.

  + Tuy nhiên, các quốc gia vẫn *cùng tồn tại hoà bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác.* Cuối cùng, Chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển dần sang xu thế hòa hoãn và hòa dịu, đối thoại và hợp tác phát triển.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, cuộc cách mạng khoa học kĩ - thuật khởi đầu từ nước Mĩ, đã lan nhanh ra toàn thế giới. Như một hệ quả của cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu thế toàn cầu hoá đã diễn ra như một làn sóng nhanh ra thế giới. Có thể nói toàn cầu hoá đòi hỏi các quốc gia phải có lời giải đáp và sự thích ứng để vừa kịp thời vừa khôn ngoan, tránh việc bỏ lỡ cơ hội và tụt hậu hết sức nguy hiểm.

Câu 2. Nêu các giai đoạn phát triển của lịch sử thế giới từ năm 1971 đến 2000 và đặc điểm của từng giai đoạn.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Giai đoạn	*Đặc điểm*
1) 1917 - 1945	Sự ra đời, tồn tại và phát triển của một nước xã hội chủ nghĩa đó là Liên Xô.
2) 1946 - 1975	- Chủ nghĩa xã hội từ một nước phát triển thành nhiều nước và trở thành hệ thống thế giới. - Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ La-tinh.
3) 1976 - 1991	- Chủ nghĩa xã hội lâm vào trì trệ, khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở một số nước. - Chủ nghĩa tư bản hiện đại thực hiện một số điều chỉnh trên một số lĩnh vực kinh tế - xã hội.
4) 1992 - 2000	- Các nước xã hội chủ nghĩa ra sức khắc phục những khó khăn, hạn chế để tiếp tục phát triển. - Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mĩ ra sức lợi dụng những ưu thế vốn có của nó để áp đặt, nô dịch các dân tộc.

Câu 3. Nêu những nét chính về xu thế phát triển của lịch sử thế giới ngày nay.

- Một là, sau Chiến tranh lạnh, hầu như tất cả các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm, bởi ngày nay kinh tế đã trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế. Xây dựng sức mạnh tổng hợp của quốc gia thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc. Sức mạnh của mỗi quốc gia là dựa trên một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính vững chắc, một nền công nghệ có trình độ cao cùng với một lực lượng quốc phòng hùng mạnh.

- Hai là, sau Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực triếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi giúp họ vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới. Mối quan hệ giữa các nước lớn ngày nay mang tính hai mặt nổi bật là: mâu thuẫn và hài hoà, cạnh tranh và hợp tác, tiếp xúc và kiềm chế.

- Ba là, tuy hoà bình và ổn định là xu thế chủ đạo của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột. Nguy cơ này càng trở nên trầm trọng khi ở nhiều nơi lại diễn ra những chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố... Những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ thường có những căn nguyên lịch sử nên việc giải quyết không dễ dàng thường kéo dài.

- Bốn là, những năm 90 sau Chiến tranh lạnh, thế giới đã và đang chứng kiến xu thế toàn cầu hoá diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Loài người đã bước sang thế kỉ XXI. Mặc dù còn gặp không ít khó khăn gian khổ và thách thức gay gắt, các dân tộc ngày càng có tiếng nói chung, đoàn kết cùng nhau đấu tranh vì một thế giới hoà bình ổn định, hợp tác phát triển vì công bằng hạnh phúc cho mỗi con người, cho mỗi dân tộc trên hành tinh.

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY (2000)

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 13 NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc thắng trận tập trung giải quyết vấn đề gì?

A. Cùng nhau chia lại thế giới, thiết lập một trật tự hoà bình, an ninh mới.

B. Cùng nhau chia lại thế giới và chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh mới.

C. Tranh giành thuộc địa và ảnh hưởng ở từng khu vực.

D. Ra sức chạy đua vũ trang để chia lại thuộc địa.

Câu 2. Quốc tế Cộng sản được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 4 năm 1919. Ở Mát-xcơ-va. B. Tháng 3 năm 1919. Ở Mát-xcơ-va.

C. Tháng 5 năm 1919. Ở Luân Đôn. D. Tháng 6 năm 1919. Ở Pa-ri.

Câu 3. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra, thực dân Pháp đã làm gì ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng?

A. Khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

B. Khai thác thuộc địa lần thứ hai.

C. Đầu tư vốn vào Việt Nam để mở rộng kinh doanh.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng nhiều nhất các ngành nào?

A. Công nhiệp chế biến. B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp. D. Giao thông vận tải.

Câu 5. Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.

B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.

D. Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 6. Tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác loại mỏ nào ở Việt Nam?

A. Mỏ vàng. B. Mỏ thiếc. C. Mỏ đồng. D. Mỏ than

Câu 7. Lý do nào dưới đây khiến thực dân Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp, biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá do nền công nghiệp Pháp sản xuất.

B. Biến Việt Nam thành căn cứ kinh tế, quân sự và chính trị của Pháp.

C. Làm cho kinh tế Việt Nam què quặt, lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 8. Điều gì thể hiện chính sách cai trị theo kiểu chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp ở Việt Nam?

A. Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.

B. Mọi quyền hành nắm trong tay vua quan Nam triều.

C. Mọi quyền hành vừa nắm trong tay người Pháp vừa nắm trong tay vua quan Nam triều.

D. Pháp dựng nên chính quyền bù nhìn ở Việt Nam.

Câu 9. Thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.

B. Thâu tóm quyền lực vào tay người Pháp.

C. Thực hiện chính sách "chia để trị".

D. Thực hiện chính sách ngu dân.

Câu 10. Trong chính sách "chia để trị" mà bọn thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam, Nam Kì bị Pháp ví như:

A. Vùng đất tự trị. B. Vùng đất thuộc Pháp.

C. Vùng đất nửa bảo hộ. D. Vùng đất bảo hộ.

Câu 11. Chính sách văn hoá, giáo dục mà Pháp thực hiện ở Việt Nam nhằm mục đích gì?

A. Đào tạo đội ngũ trí thức ở Việt Nam để đưa sang Pháp.

B. "Khai hoá" văn minh cho dân tộc ta.

C. Nô dịch, đồi trụy đối với nhân dân ta.

D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 12. Dưới tác dụng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

A. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, nhưng chủ yếu vẫn là nông nghiệp lạc hậu, què quặt và lệ thuộc vào Pháp.

B. Nền kinh tế mở cửa và phát triển theo cơ chế thị trường.

C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc vào pháp.

D. Nền kinh tế thương nghiệp và công nghiệp phát triển.

Câu 13. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam là gì?

A. Vừa thai thác vừa chế biến. B. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ.

C. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng. D. Tăng cường đầu tư thu lãi cao.

Câu 14. Điểm chung giống nhau cơ bản nhất trong hai lần khai thác thuộc địa c Pháp ở Việt Nam là gì?

A. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.
B. Tăng cường đánh thuế nặng.
C. Hạn chế phát triển công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng, biến Việt Nam thà thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.
D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ.

Câu 15. Những giai cấp cũ trong xã hội Việt Nam, có từ trước cuộc khai thác thuộc đ của Pháp, đó là giai cấp nào?

A. Nông dân, địa chủ phong kiến.
B. Nông dân, địa chủ phong kiến, thợ thủ công.
C. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản dân tộc.
D. Nông dân, địa chủ phong kiến, công nhân.

Câu 16. Giai cấp và tầng lớp nào ra đời cùng với cuộc khai thác thuộc địa của th dân Pháp ở Việt Nam?

A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.
B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.
D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 17. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, giai cấp n sẵn sàng làm tay say đắc lực cho thực dân Pháp?

A. Địa chủ phong kiến nói chung. B. Đại địa chủ phong kiến.
C. Tư sản dân tộc. D. Tư sản và địa chủ nói chung.

Câu 18. Thực dân Pháp đã đối xử với giai cấp tư sản Việt Nam như thế nào?

A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.
B. Bị thực dân pháp chèn ép, kìm hãm.
C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.
D. Được thực dân Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Câu 19. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có giai c nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam ?

A. Giai cấp nông dân. B. Giai cấp công nhân.
C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến. D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 20. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Na thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.
B. Có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.
C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
D. Nhìn chung giai cấp tư sản dân tộc có khuynh hướng dân tộc, dân chủ.

Câu 21. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lầ thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam?

A. Nông dân. B. Tư sản dân tộc. C. Địa chủ. D. Công nhân.

Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nh của cách mạng Việt Nam?

A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản dân tộc.

Câu 23. Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp côn nhân Việt Nam?

A. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.
B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

D. Vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Câu 24. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

A. Giữa công nhân và tư sản.

B. Giữa nông dân và địa chủ.

C. Giữa dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A	2. B	3. B	4. B	5. B	6. D	7. A	8. A
9. C	10. B	11. C	12. A	13. D	14. C	15. A	16. B
17. B	18. B	19. C	20. D	21. D	22. B	23. D	24. C

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Hãy nêu các điều kiện khách quan của thế giới ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam sau Chiến tranh thế thứ nhất.

- Các nước đế quốc thắng trận đã cùng nhau phân chia lại thế giới, thiết lập một trật tự hoà bình, an ninh mới.

- Hậu quả của chiến tranh, khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (tháng 11 - 1917) với sự ra đời nước Nga Xô viết đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông, phong trào công nhân lao động ở phương Tây phát triển mạnh mẽ.

- Trong hoàn cảnh lịch sử mới, giai cấp công nhân các nước đã thành lập những tổ chức riêng của mình. Các Đảng Cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lần lượt ra đời.

- Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập ở Mát-xcơ-va (tháng 3 - 1919) đảm nhận sứ mệnh tập hợp và lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trên thế giới.

- Ở Pháp, Đảng Xã hội bị phân hoá sâu sắc. Tại Đại hội Tua tháng 12 - 1920, một bộ phận tích cực nhất đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tách ra để thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Câu 2. Lập bảng thống kê chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai thực dân Pháp ở Việt Nam theo yêu cầu sau đây:
- Vốn đầu tư.
- Các lĩnh vực khai thác chủ yếu.
- Tác động đối với nền kinh tế Việt Nam.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Yêu cầu	*Nội dung*
1) Vốn đầu tư	Chỉ trong vòng 6 năm (1924 - 1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ phrăng.
2) Các lĩnh vực khai thác	- Nông nghiệp, vốn đầu tư vào nông nghiệp năm 1927 lên đến 400 triệu phrăng. Chúng tước ruộng đất của nông dân để lập các đồn điền trồng lúa, cao su, cà phê.... Nhiều công ti trồng cây cao su ra đời: Công ti đất đỏ, Công ti Mi-sơ-lanh, Công ti trồng cây nhiệt đới.

	- Tư bản Pháp còn chú trọng đầu tư vào khai thác mỏ, trước hết là mỏ than. Nhiều công ti khai thác mỏ than được thành lập như Công ti than Hạ Long - Đồng Đăng, Công ti than và kim khí Đông Dương, Công ti than Tuyên Quang, Công ti than Đông Triều - Về thương nghiệp, trước hết là ngoại thương có sự tăng tiến hơn trước. Trước chiến tranh, hàng hóa Pháp nhập vào Đông Dương mới chiếm 37%, đến những năm 1929-1930 đã lên đến 63% tổng số hàng nhập khẩu. Quan hệ giao lưu buôn bán nội địa cũng được đẩy mạnh. - Về giao thông vận tải, phát triển nhằm phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hoá trong và ngoài nước. Các đô thị được mở rộng và dân cư đông hơn. Ngân hàng Đông Dương nắm trọn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi. - với chính sách khai thác nông, công, thương nghiệp... thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế nặng nên ngân sách Đông Dương, thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912.
3) Tác động	- Qua cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, nền kinh tế của tư bản thực dân Pháp tiếp tục được mở rộng, song vẫn duy trì và bao trùm lên là nền kinh tế phong kiến Việt Nam. - Trong quá trình đầu tư và vốn mở rộng khai thác thuộc địa, thực dân Pháp cũng có đầu tư các nhân tố kĩ thuật và nhân lực sản xuất, song rất hạn chế. Cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối. - Sự chuyển biến ít nhiều về kinh tế có có tính chất cục bộ ở một số vùng, còn phổ biến vẫn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn. Kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào kinh tế Pháp và Đông Dương vẫn là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

Câu 3. Để thực hiện quá trình khai thác ở Việt Nam, thực dân Pháp thi hành cá chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

**** Về chính trị:***

- Sau chiến tranh, chính sách thống trị của Pháp ở Đông Dương vẫn không thay đổi mà còn tăng cường để phục vụ sự thống trị của chúng và đẩy mạnh khai thác thuộc địa. Đó là chính sách chuyên chế, mọi quyền hành đều nằm trong tay thực dân Pháp và bọn tay sai trung thành của chúng. Bộ máy đàn áp, cảnh sát, mật thám, nhà tù vẫn tiếp tục được củng cố và hoạt động ráo riết. Một số tổ chức chính trị, an ninh, kinh tế được thành lập.

- Thực dân Pháp thi hành một vài cải cách chính trị - hành chính để đối phó với những biến động đang diễn ra ở Đông Dương, như mở rộng các công sở cho người Việt, tăng thêm số người Việt trong các phòng thương mại và canh nông ở các thành phố lớn, lập Viện Dân biểu Trung Kì (tháng 2 - 1926), Viện Dân biểu Bắc Kì (tháng 4 - 1926)...

** Về văn hoá, giáo dục:*

- Hệ thống giáo dục được mở rộng gồm các cấp tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học. Mô hình giáo dục có tính hiện đại đang hình thành ở Đông Dương.

- Cơ sở xuất bản, in ấn xuất hiện ngày càng nhiều với hàng chục tờ báo, tạp chí chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Nhà cầm quyền Pháp sử dụng báo chí, văn hoá... để phục vụ công cuộc khai thác và thống trị của chúng: ưu tiên, khuyến khích xuất bản các sách báo theo chủ trương "Pháp - Việt đề huề".

- Các trào lưu tư tưởng, khoa học - kĩ thuật phương Tây có điều kiện tràn vào Việt Nam. Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và ngoại lai nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.

Câu 5. Phân tích thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp và tầng lớp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa trên quy mô lớn và chính sách thống trị của thực dân Pháp, cơ cấu giai cấp xã hội ở Việt Nam có những biến chuyển mới.

+ Giai cấp địa chủ bị phân hoá thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ (một số đồng thời là tư sản). Một bộ phận không ít tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

+ Giai cấp nông dân, bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, phá sản, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam - với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt. Đó là cơ sở của sự bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

+ Giai cấp tiểu tư sản thành thị, có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức rất nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước nên rất hăng hái tham gia vào các cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

+ Giai cấp tư sản, ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đi vào con đường phát triển kinh tế tư bản dân tộc. Địa vị kinh tế của tư bản Việt Nam rất nhỏ bé, tổng số vốn kinh doanh chỉ bằng khoảng 5% số vốn của tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta lúc bấy giờ. Nhìn chung, tư sản dân tộc Việt Nam là một giai cấp có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Họ là một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, họ có khoảng 10 vạn người. Đến năm 1929, trong các doanh nghiệp của người Pháp ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam, giai cấp công nhân có trên 22 vạn người. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, phát huy truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

- Trong các giai cấp trên, giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp có khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân, phong kiến để giải phóng dân tộc và giai cấp.

Câu 6. Những điểm mới trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- *Hoàn cảnh mới:* Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp bắt tay ngay vào cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai để bù đắp vào những thiệt hại do chiến tranh gây ra.

- *Nội dung khai thác mới:*

+ Quy mô khai thác lớn hơn gấp nhiều lần so với cuộc khai thác lần thứ nhất. Tăng vốn đầu tư lên 4 tỉ phrăng.

+ Đẩy mạnh hơn nữa việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, coi đây là lĩnh vực trọng tâm của việc khai thác.

+ Đẩy mạnh khai thác mỏ, nhất là mỏ than.

+ Đẩy mạnh phát triển thương nghiệp bằng cách độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh thuế nặng vào hàng hoá nhập khẩu của Trung Quốc và Nhật Bản.

- Hậu quả mới:

+ Càng làm cho kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào kinh tế Pháp. Đông Dương trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.

+ Xã hội Việt Nam có sự phân hoá sâu sắc về giai cấp.

Bài 14 PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đầu tiên Phan Bội Châu đã tìm đến nước nào?

A. Nước Pháp. B. Nước Nhật. C. Nước Anh. D. Trung Quốc.

Câu 2. Sự kiện lịch sử nào đã đến với Phan Bội Châu như một ánh sáng mới trong quá trình hoạt động của mình?

A. Cuộc cải cách dân chủ ở Trung Quốc.

B. Cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản.

C. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và sự ra đời của nước Nga Xô viết.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 3. Tâm Tâm xã cử Phạm Hồng Thái mưu sát tên Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 19 - 6 - 1924. Ở Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Ngày 19 - 6 - 1925. Ở Quảng Châu (Trung Quốc).

C. Ngày 19 - 6 - 1924. Ở Hương Cảng (Trung Quốc).

D. Ngày 16 - 9 - 1924. Ở Thượng Hải (Trung Quốc).

Câu 4. Sau khi ra khỏi nhà tù Côn Đảo, Phan Châu Trinh đến nước nào để tiếp tục hoạt động?

A. Nước Pháp. B. Nước Anh. C. Trung Quốc. C. Nước Nga.

Câu 5. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản chịu ảnh hưởng của tư tưởng nào?

A.Tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin. B. Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. Tư tưởng của Phan Bội Châu. D. Tư tưởng của Phan Châu Trinh.

Câu 6. Để đòi quyền lợi cho mình, giai cấp tư sản Việt Nam khởi xướng phong trào đấu tranh đầu tiên, đó là:

A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.

B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì.

C. Phong trào "Chấn hưng nội hoá", "Bài trừ ngoại hoá".

D. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 7. Năm 1923, Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu đã thành lập tổ chức chính trị nào để tập hợp quần chúng đấu tranh?

A. Việt Nam Quốc dân đảng. B. Đảng Thanh niên.

C. Đảng Lập pháp. D. Đảng Lập hiến.

Câu 8. Những tổ chức chính trị như: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Việt Nam Quốc dân đảng.
C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 9. Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) là:

A. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Nhành lúa".
B. "Tin tức", "Thời mới", "Tiếng dân".
C. "Chuông rè", "Tin tức", " Nhành lúa".
D. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Người nhà quê".

Câu 10. Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?

A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.
B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.
C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Véc-xai.
D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.

Câu 11. Trần Dân Tiên viết: "việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân". Sự kiện nào sau đây phản ánh điều đó?

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925).
C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).
D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu (6 - 1924).

Câu 12. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).
B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kì (1922).
C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn ngăn tàu chiến Pháp đi đàn áp cách mạng ở Trung Quốc (8 - 1925).
D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 13. Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Bác Hồ đi từ nước nào đến nước nào để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

A. Từ Mĩ sang Nga. B. Từ Pháp sang Trung Quốc.
C. Từ Anh sang Nga. D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 14. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười":

A. Khi Bác rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.
B. Khi đọc sơ thảo *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.*
C. Khi viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo "Người cùng khổ".
D. Khi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

Câu 15. Sự kiện nào dưới đây thể hiện quyết tâm đi theo con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc?

A. Đến với Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
B. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18 - 6 - 1919).
C. Đọc sở thảo *Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (7 - 1920).*
D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12 - 1920).

Câu 16. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản?

A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.

B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.

C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.

D. Quốc tế này chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam..

Câu 17. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

A. Nguyễn Ái Quốc đưa bản yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18 - 6 - 1919).

B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12 - 1920).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo *Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (7 - 1920).

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6 - 1925).

Câu 18. Trong thời gian từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?

A. Ở Liên Xô. B. Ở Pháp. C. Ở Trung Quốc. D. Ở Anh.

Câu 19. Tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc ví chủ nghĩa đế quốc như "con đỉa có hai vòi", đó là tác phẩm nào?

A. "Bản án chế độ thực dân Pháp". B. "Đường Kách mệnh".

C. Báo "Thanh niên". D. "Người cùng khổ".

Câu 20. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pa-ri đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới?

A. Tháng 6 - 1922. B. Tháng 6 - 1923.

C. Tháng 12 - 1923. D. Tháng 6 - 1924.

Câu 21. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản ở Mat-xcơ-va (Liên Xô) vào thời gian nào?

A. Ngày 17 tháng 6 năm 1924. B. Ngày 24 tháng 6 năm 1924.

C. Ngày 27 tháng 6 năm 1924. D. Ngày 16 tháng 7 năm 1924.

Câu 22. Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

B. quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương "vô sản hoá" để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam.

Câu 23. Từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?

A. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc. B. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

C. Pháp, Liên xô, Trung Quốc, Thái Lan. D. Câu A và câu C đúng.

Câu 24. Công lao đầu tiên, to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 - 1920 là gì?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 25. Con đường đi tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của những người đi trước là:

A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

B. Đi sang châu Mĩ tìm đường cứu nước.

C. Đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.

D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 26. Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	***B***
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh.
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông du.
4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ.
	E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
	G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây
	H. Bị bắt ở Trung Quốc

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B	2. C	3. A	4. A	5. B	6. C	7. D	8. C
9. D	10. B	11. D	12. C	13. D	14. B	15. D	16. A
17. C	18. B	19. A	20. B	21. A	22. A	23. B	24. A
25. A	26. 1: C, H. 2: D, 3: B. 4: A, G, H.						

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập bảng tóm tắt về quá trình hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong những năm 1919 - 1925.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Nhân vật lịch sử	***Tóm tắt quá trình hoạt động***
1) Phan Bội Châu	- Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của nước Nga Xô viết đã bắt đầu đến với Phan Bội Châu như một ánh sáng mới. Cảm tình với nước Nga Xô viết, cuối năm 1920, Phan Bội Châu dịch ra chữ Hán cuốn *Điều tra chân tướng Nga La Tư* của một tác giả Nhật Bản, viết truyện Phạm Hồng Thái, ngợi ca tinh thần yêu nước, hi sinh anh dũng của người thanh niên họ Phạm. - Tháng 6 - 1925, trong khi chưa thể thay đổi được tổ chức, thay đổi phương lược đấu tranh thích hợp với biến chuyển mới của đất nước và thời đại thì Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Hàng Châu (Trung Quốc) đưa về nước, bị kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế. Từ đó trở đi, Phan Bội Châu không thể tiến theo nhịp sống đấu tranh mới của dân tộc.
2) Phan Châu Trinh	- Vào đầu năm 1922, Phan Châu Trinh đến Mác-xây. Nhân dịp vua Khải Định sang dự cuộc triển lãm thuộc địa khuyếch trương cái gọi là "công lao khai hoá" của Pháp, Phan Châu Trinh viết *Thất điều thư* vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. Phan Châu Trinh còn tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ và quan trường ở Việt Nam, tiếp tục hô hào *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"*...

	- Tháng 6 - 1925, Phan Châu Trinh về nước. Mặc dù sức khỏe đã yếu ông vẫn tiếp tục hoạt động, đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền. Nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên rất mến mộ và hưởng ứng hoạt động của Phan Châu Trinh.

Câu 2. Trình bày hoạt động của một số thanh niên trên đất Pháp trong những năm 1919 - 1925.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều Việt kiều tại Pháp đã tham gia hoạt động yêu nước, chuyển tài liệu, sách báo tiến bộ về nước. Một số thủy thủ Việt Nam đã hoạt động trong *Hội Liên hiệp thuộc địa*. Nhiều trí thức và lao động Việt Nam ở Pháp đã đoàn kết tập hợp trong các tổ chức yêu nước. Năm 1925, *Hội những người lao động trí óc ở Đông Dương* ra đời.

- Một số thanh niên, sinh viên yêu nước xuất thân trong các gia đình địa chủ, tư sản lập ra *Đảng Việt Nam độc lập*, xuất bản báo *Tái sinh*. Đảng có một số chi bộ ở Pa-ri và các tỉnh lân cận, còn ở trong nước thì không có chỗ dựa.

Câu 3. Nêu những hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và đấu tranh của công nhân trong những năm 1920 - 1925.

**** Hướng dẫn trả lời:***

** Hoạt động của tư sản:*

- Ngay từ khi mới ra đời, tư sản Việt Nam đã tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa Kiều (1919) ở một số tỉnh và thành phố như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định... Ở Hà Nội có cuộc vận động người Việt Nam chỉ mua hàng của người Việt Nam.

- Năm 1923, xảy ra vụ đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì. Giai cấp tư sản đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình trong phong trào chống độc quyền.

- Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kì (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long..) đã tập hợp nhau lại thành một tổ chức có tên là *Đảng Lập hiến* (1923). Ngoài Đảng Lập hiến ở trong Nam, còn có nhóm *Nam phong* của Phạm Quyền và nhóm *Trung Bắc tân văn* của Nguyễn Văn Vĩnh ở ngoài Bắc. Phạm Quỳnh cổ vũ và thuyết "quân chủ lập hiến", còn Nguyễn Văn Vĩnh đề cao tư tưởng "trực trị".

** Hoạt động của tiểu tư sản:*

- Sau chiến tranh, tầng lớp tiểu tư sản được tập hợp trong những tổ chức chính trị như *Việt Nam nghĩa đoàn*, Hội *Phục Việt*, Đảng *Thanh niên* với nhiều hoạt động phong phú sôi động (mít tinh, biểu tình, bãi khoá vv..) nhiều tờ báo tiến bộ lần lượt ra đời. Báo tiếng Pháp có các tờ *Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê;* báo tiếng Việt có tờ *Hữu thanh, Tiếng dân, Đông Pháp thời báo, Thực nghiệp dân báo*... Họ lập ra những nhà xuất bản tiến bộ như *Nam đồng thư xã* (Hà Nội), *Cường học thư xã* (Sài Gòn), *Quan tải tùng thư* (Huế).

- Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai hồi đó có một số sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), các cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926). Riêng ở Sài Gòn, đám tang Phan Châu Trinh đã thu hút khoảng 14 vạn người tham dự.

** Các cuộc đấu tranh của công nhân.*

- Ngay từ năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập *Công hội* (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

- Các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp trên các tàu Pháp ghé vào cảng Hải Phòng (1919) và Sài Gòn (1920) cũng như các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Trung Quốc tại các cảng lớn Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải (1921) đã góp phần cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam hăng hái đấu tranh.

- Năm 1922, công nhân và viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kì đòi chủ tư bản người Pháp phải cho họ nghỉ ngày chủ nhật có trả lương.

- Tháng 8 - 1925, thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn đấu tranh chống hành động của Pháp đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc. Cuộc bãi công nổ ra với yêu sách đòi tăng lương 20% và phải để cho những công nhân mất việc làm được trở lại làm việc. Cuộc bãi công Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 4. Nêu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925. Tác dụng của quá trình hoạt động đó đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

- Sau hơn 8 năm bôn ba hầu khắp các châu lục trên thế giới, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp theo đuổi lý tưởng của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

- Ngày 18 - 6 - 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân An Nam.

- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lê-nin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp. Luận cương của Lê-nin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc là phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Ngày 25 - 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Người đã đứng về phía đa số đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Từ đây, Nguyễn Ái Quốc càng tích cực hoạt động và tiếp tục học tập, nghiên cứu lí luận về con đường cách mạng thuộc địa để truyền bá vào Việt Nam.

- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di... Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Liên hiệp thuộc địa* ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn lao động Pháp)...và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp.* Các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam đã góp phần thúc đẩy phong trào dân tộc trong nước phát triển mạnh mẽ hơn.

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân* (tháng 10 - 1923) và được bầu vào Ban Chấp hành Hội. Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

- Tháng 6 - 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc nhóm họp những thanh niên yêu nước Việt Nam trong tổ chức Tâm tâm xã rồi đi đến thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 có tác dụng chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

Câu 5. Quá trình chuyển biến của Nguyễn Ái Quốc từ một chiến sĩ yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản đã diễn ra như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- *Từ một chiến sĩ yêu nước:*

+ Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước, trên quê hương giàu truyền thống cách mạng. Lớn lên trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, lại được chứng kiến các cuộc đấu tranh của các bậc tiền bối bị thất bại. Tất cả đã hun đúc trong lòng Nguyễn Ái Quốc lòng yêu nước nồng nàng và quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

+ Qua nhiều năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, cứu dân. Đầu tiên Người đến nước Pháp rồi đi các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh. Đến năm 1917, khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, Người từ Luân Đôn (Anh) về Pari (Pháp) để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

+ Ngày 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Người gửi đến Hội nghị Véc-xai *Bản yên sách của nhân dân An Nam.* Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân An Nam.

- *Trở thành một chiến sĩ cộng sản:* Quá trình chuyển từ chiến sĩ yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản được đánh dấu bằng thời kì Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc quyết tâm đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường này. Điều đó được thể hiện:

+ Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng xã hội Pháp. Luận cương của Lê-nin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc là phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

+ Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng xã hội Pháp tại thành phố Tua. Người đã đứng về phía đa số đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Đến đây Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện hành động của mình là quyết tâm đi theo con đường cách mạng vô sản. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc càng tích cực hoạt động và tiếp tục học tập, nghiên cứu lí luận về con đường cách mạng thuộc địa để truyền bá vào Việt Nam.

+ Từ năm 1921 đến năm 1923, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động ở Pháp. Người cùng với một số người yêu nước của An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa* ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân*... và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp.* Các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam đã góp phần thúc đẩy phong trào dân tộc trong nước phát triển mạnh mẽ hơn.

+ Từ năm 1923 đến 1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. Tại đây, Người dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân* (tháng 10 - 1923) và được bầu vào Ban chấp hành Hội. Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

+ Từ năm 1924 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam. Tháng 6 - 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc nhóm họp những thanh niên yêu nước Việt Nam trong tổ chức Tâm tâm xã rồi đi đến thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước.

Như vậy, từ một chiến sĩ yêu nước, trải qua một quá trình lao động, học tập, nghiên cứu không mệt mỏi, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được con đường cứu nước theo con đường cách mạng vô sản, trở thành một người cộng sản chân chính và chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng vô sản ở Việt Nam.

Bài 15. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tháng 6 - 1925, ở Quảng Châu (Trung Quốc) diễn ra sự kiện gì có liên quan đến cách mạng Việt Nam?

A. Tác phẩm "Đường Kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập.

C. Tổ chức Tâm tâm xã ra đời.

D. Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu để gặp gỡ những thanh niên Việt Nam yêu nước ở đây.

Câu 2. Báo Thanh niên là cơ quan ngôn luận của tổ chức nào?

A. Việt Nam Quốc dân đảng. B. Tân Việt Cách mạng đảng.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. D. Tâm tâm xã.

Câu 3. Ba tư tưởng sau đây được trình bày trong tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc?

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

- Cách mạng phải do đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin lãnh đạo.

- Cách mạng Việt Nam phải gắn bó và đoàn kết với cách mạng thế giới.

A. "Người cùng khổ". B. " Bản án chế độ thực dân Pháp".

C. "Đường Kách mệnh". D. "Đời sống công nhân".

Câu 4. Tác phẩm nào đã trang bị lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

A. Báo Thanh niên.

B. Tác phẩm Đường Kách mệnh.

C. Báo Thanh niên và Đường Kách mệnh.

D. Báo Người cùng khổ và tác phẩm Đường Kách mệnh.

Câu 5. Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã đề ra chủ trương gì nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam?

A. Thực hiện chủ trương "vô sản hoá".

B. Thực hiện chủ trương "cách mạng hoá".

C. Đoàn kết các giai cấp và tầng lớp trong nước.

D. Mở lớp huấn luyện cho công nhân Việt Nam.

Câu 6. Trong thời gian hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà yêu nước Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a lập ra:

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.
B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
C. Hội những người yêu nước ở Á Đông.
D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á.

Câu 7. Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng?

A. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kì.
B. Tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kì.
C. Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kì.
D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kì.

Câu 8. Tân Việt Cách mạng đảng đã phân hoá như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

A. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. Một số thành viên tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.
C. Một số gia nhập vào Việt Nam Quốc dân đảng.
D. Câu A và B đều đúng.

Câu 9. Dưới tác động của hệ tư tưởng nào làm cho Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá?

A. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. B. Tư tưởng dân chủ tư sản.
C. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin. D. Hệ tư tưởng phong kiến.

Câu 10. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào năm nào? Địa bàn hoạt động chính ở đâu?

A. 25 - 12 - 1925, Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì
B. 25 - 12 - 1926, Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.
C. 25 - 12 - 1927, Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì.
D. 25 - 12 - 1927, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Câu 11. Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị của giai cấp nào?

A. Vô sản. B. Tư sản. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản và tiểu tư sản.

Câu 12. Mục đích hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xoá bỏ ngôi vua.
B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.
C. Đẩy mạnh cách mạng dân tộc, xây dựng nền dân chủ, giúp đỡ các dân tộc bị áp bức.
D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 13. Nguyên tắc hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng là:

A. "Tự do - Bình đẳng - Bác ái".
B. Đánh đuổi giặc Pháp, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
C. Tiến hành "cách mạng bằng sắt và máu".
D. Tất cả các nguyên tắc trên.

Câu 14. Nhờ đâu đến năm 1928 trở đi, ý thức chính trị của giai cấp công nhân Việt Nam được nâng cao?

A. Nhờ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương "vô sản hoá".
B. Nhờ phong trào bãi công của công nhân Ba Son tháng 8 - 1925.
C. Nhờ giai cấp công nhân kinh qua thực tiễn đấu tranh cách mạng.
D. Nhờ sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 15. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ ra vào thời gian nào?

A. Đêm 9 tháng 2 năm 1929. B. Đêm 9 tháng 2 năm 1930.
C. Đêm 2 tháng 9 năm 1930. D. Đêm 2 tháng 10 năm 1930.

Câu 16. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, do nguyên nhân khách quan nào?

A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 17. Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.

B. Chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.

C. Đánh dấu sự khủng hoảng của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

D. Việt Nam Quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 18. Quá trình phân hoá của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 19. Đông Dương Cộng sản liên đoàn được thành lập từ tổ chức chính trị nào?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. Việt Nam Quốc dân đảng.
C. Tân Việt Cách mạng đảng.
D. Tất cả đều sai.

Câu 20. Câu nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929?

A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.

C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 21. Tại số nhà 5D, phố Hàm Long (Hà Nội) đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời (3 - 1929).

B. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (5 - 1929).

C. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng (6 - 1929).

D. Thành lập An Nam Cộng sản đảng (7 - 1929).

Câu 22. Trong ba tổ chức cộng sản được thành lập năm 1929, tổ chức nào ra đời sớm nhất?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 23. Từ ngày 3 đến ngày 7 - 2 - 1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã họp ở đâu?

A. Quảng Châu (Trung Quốc).
B. Ma Cao (Trung Quốc).
C. Cửu Long - Hương Cảng (Trung Quốc).
D. Câu A và B cùng đúng.

Câu 24. Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, đại biểu của tổ chức cộng sản nào không có mặt?

A. Đông Dương Cộng sản đảng.
B. An Nam Cộng sản đảng.
C. Việt Nam Quốc dân đảng.
D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 25. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3 - 2- 1930) thể hiện như thế nào?

A.Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Soạn thảo *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên để Hội nghị thông qua.

C. Truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 26. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 27. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 28. Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.

D. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 29. Nội dung nào dưới đây gắn liền với Hội nghị thành lập Đảng (3 - 2 - 1930)?

A. Thông qua *Luận cương chính trị* của Đảng.

B. Thông qua *Chính cương, Sách lược vắn tắt, Điều lệ* của Đảng và chỉ định Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

C. Bầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời

D. Quyết định lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương

Câu 30. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 - 2 - 1930 là kết quả tất yếu của:

A. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919 - 1926.

B. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

C. Phong trào công nhân trong những năm 1925 - 1927.

D. Phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1925.

Câu 31. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa các yếu tố nào?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

Câu 32. Bằng cách đánh số thứ tự, hãy sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây theo thứ tự biên niên sử.

Số thứ tự	***Các sự kiện lịch sử***
	A.Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai. C. Thành lập Đảng Tân Việt.

	D. An Nam Cộng sản đảng được thành lập. E. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo *Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.* G. Đông Dương Cộng sản đảng ra đời. H. Việt Nam Quốc dân đảng thành lập. I. Tác phẩm *"Đường Kách mệnh"* của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Trung Quốc. K. Đông Dương Cộng sản liên đoàn thành lập. L. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 33. Nối các cột A, B, C cho phù hợp với tên tổ chức, khuynh hướng tư tưởng và hướng phát triển của các tổ chức chính trị trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

A	*B*	*C*
1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.	A. Cách mạng dân tộc, dân chủ - cải lương.	D. Cách mạng vô sản - thành lập đảng cộng sản.
2. Đảng Tân Việt.	B. Cách mạng vô sản.	E. Thành lập Đảng Cộng sản.
3. Việt Nam Quốc dân đảng	C. Cách mạng dân chủ tư sản.	F. Phá sản.

Câu 34. Hãy nối nhân vật ở cột (A) phù hợp với sự kiện ở cột (B)

A	*B*
1. Nguyễn Ái Quốc	A. Việt Nam Quốc dân đảng.
2. Ngô Gia Tự	B. Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc).
4. Tôn Đức Thắng	C. Đảng Lập hiến.
5. Phạm Hồng Thái	D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
6. Bùi Quang Chiêu	E. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
7. Phan Bội Châu	G. Phong trào Đông du.
	H. Công hội (bí mật) ở Sài Gòn - Chợ Lớn

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. C 3. C 4. C 5. A 6. B 7. C 8. D
9. C 10. C 11. B 12. C 13. B 14. A 15. B 16. D
17. A 18. A 19. C 20. C 21. A 22. B 23. C 24. D
25. D 26. A 27. B 28. B 29. B 30. B 31. C

32. 1: B; 2: E; 3: A; 4: I; 5: H; 6: C; 7: G; 8: D ; 9: K; 10: L.

33. 1 với B , E; 2 với A, D; 3 với C, F.

34. 1: D, 2: E, 3: A, 4: H, 5: B, 6: C, 7: G.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Tóm tắt sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng theo bảng thống kê dưới đây:

Tổ chức	*Sự ra đời*	*Hoạt động*
1) Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	....	....
2) Đảng Tân Việt	....	....

*** *Hướng dẫn trả lời:***

Tổ chức	*Sự ra đời*	*Hoạt động*
1) Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	- Sau khi về đến Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ. Phần lớn học viên là thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã* để tổ chức thành nhóm Cộng sản đoàn (2 - 1925). - Tháng 6 - 1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết lại, kịch liệt tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu mình.	- Thông qua Báo thanh niên là cơ quan ngôn luận trung ương của Hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và tác phẩm *Đường Kách mệnh* được xuất bản năm 1927. - *Báo Thanh niên* và sách *Đường Kách mệnh* đã trang bị lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để tuyên truyền giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam. - Từ cuối năm **1928**, sau khi có chủ trương *"vô sản hoá"*, nhiều cán bộ của Hội đã đi sâu vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ.
2) Đảng Tân Việt	- Ngày 14 - 7 - 1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kì cùng một nhóm sinh viên Trường Cao đẳng ở Hà Nội lập ra Hội Phục Việt (1925) sau đó đổi thành Hội Hưng Nam. - Tháng 7 - 1926, Hội đổi tên thành Việt Nam Cách mạng đảng và đến tháng 7 - 1927, lại đổi tên là Việt Nam cách mạng đồng chí hội. Hội đã nhiều lần bàn để hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên song không thành. - Đến 14 - 7 - 1928, Hội họp Đại hội tại Huế, quyết định đổi tên thành Đảng Tân Việt.	- Đảng Tân Việt chủ trương lãnh đạo quần chúng ở trong nước và liên lạc với các dân tộc bị áp bức trên thế giới để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái. Đảng tập hợp những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì. - Đảng Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh nên tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và đường lối của Hội có ảnh hưởng cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của Đảng Tân Việt. - Một số đảng viên tiên tiến đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại thì tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, của học thuyết Mác - Lê-nin.

Câu 2. Việt Nam Quốc dân đảng ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nêu mục đích tôn chỉ, nguyên tắc, chủ trương của Việt Nam Quốc dân đảng.

* *Hoàn cảnh:*

- Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập ngày 25 - 12 - 1927. Hạt nhân đầu tiên của Đảng là *Nam đồng thư xã*, một nhà xuất bản tiến bộ do Phạm Tuấn Tài lập ra đầu năm 1927.

- Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... sáng lập là một chính đảng theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam.

* *Mục đích:*

- Lúc mới thành lập, Đảng chưa có mục đích tôn chỉ rõ rệt mà chỉ nêu chung chung là: *"Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng"*.

- Về sau, mục đích của Đảng là đoàn kết lực lượng để:

+ Đẩy mạnh cách mạng dân tộc.
+ Xây dựng nền dân chủ trực tiếp.
+ Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức.

* *Nguyên tắc:* Bản chương trình hành động của Đảng công bố năm 1929 đã nêu nguyên tắc của Đảng là: *"Tự do - Bình đẳng - Bác ái"*. Chương trình hoạt động của Đảng chia thành 4 thời kì cuối cùng là bất hợp tác với Chính phủ Pháp và triều đình nhà Nguyễn, cổ động bãi công, *đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.*

* *Chủ trương hành động:*

- Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương tiến hành *"cách mạng bằng sắt và máu"*, chú trọng lấy lực lượng chủ lực.

- Tổ chức cơ sở của Đảng trong quần chúng rất ít. Địa bàn hoạt động của Đảng chỉ bó hẹp trong một số địa phương ở Bắc Kì còn ở Trung Kì không đáng kể.

Câu 3. Lập bảng so sánh ba tổ chức yêu nước cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Đảng Tân Việt và Việt Nam Quốc dân đảng) theo yêu cầu sau đây:

	Hội VNCMTN	***TVCM Đ***	***VNQDĐ***
Thời gian hoạt động			
Lãnh đạo			
Lực lượng			
Nhiệm vụ			
Xu hướng			

**** Hướng lẫn trả lời:***

	Hội VNCMTN	***Đảng Tân Việt***	***Việt nam Quốc dân Đảng***
Thời gian hoạt động	Từ tháng 6 - 1925 đến tháng 7 - 1929	Từ tháng 7 - 1927 đến cuối năm 1929	Từ tháng 12 - 1927 đến đầu 1930
Lãnh đạo	Nguyễn Ái Quốc	Tầng lớp trí thức tư sản: Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt	Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính

Lực lượng	Công nhân, trí thức, thanh niên yêu nước.	Nhiều tầng lớp gồm tiểu tư sản, học sinh, sinh viên.	Tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, công chức, binh lính người Việt.
Nhiệm vụ	Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đào tạo cán bộ làm cách mạng.	Đánh đuổi thực dân Pháp nhưng chưa có đường lối rõ rệt.	Đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
Xu hướng	Làm cách mạng dân chủ, làm cách mạng vô sản.	Phân hoá theo hai hướng.	Đi theo con đường tư sản nhưng bị bế tắc, tan rã.

Câu 4. Quá trình chuyển từ tự phát sang tự giác của phong trào công nhân Việt Nan trong những năm 1926 - 1929 diễn ra như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Trong những năm 1919 - 1925, phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam ch yếu đòi quyền lợi về kinh tế nên còn mang tính tự phát.

- Đến tháng 8 - 1925, diễn ra cuộc bãi công của công nhân Ba Son đã tạo điều kiệ cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga du nhập vào Việ Nạm. Đây là một phong trào đóng vai trò chuyển quá trình tự phát sang tự giác của côn nhân Việt Nam.

- Từ năm 1926 đến năm 1929, nhiều cuộc của công nhân nổ ra. Lớn nhất là cuộc bã công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao s Cam Tiêm…

- Cuối năm 1928 sau khi có chủ trương *"vô sản hoá"*, nhiều cán bộ Hội Việt Na Cách mạng Thanh niên đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, cùng sinh hoạt và la động với công nhân để tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị ch giai cấp công nhân. Phong trào công nhân phát triển mạnh, trở thành nòng cốt của phon trào dân tộc trong cả nước. Đấu tranh của công nhân nổ ra tại các trung tâm kinh tế, chín trị. Đó là bãi công của công nhân mỏ than Mạo Khê, nhà máy nước Laruy Sài Gòn, đồ điền Lộc Ninh, nhà máy cưa Bến Thủy, nhà máy xi măng Hải Phòng, đồn điền cao s Cam Tiêm, hãng dầu Nhà Bè, nhà máy tơ Nam Định..v..v..

- Năm 1929, bãi công của công nhân nổ ra ở nhà máy chai Hải Phòng, nhà máy sử chữa xe lửa Trường Thi (Vinh) nhà máy AVIA (Hà Nội), hãng buôn Sác-ne Sài Gòn, s ươm cây Hà Nội, nhà máy điện Nam Định, hãng xe hơi Đà Nẵng, nhà máy dệt Nam Định. đồn điền cao su Phú Riềng, hãng dầu Hải Phòng, nhà in Chợ Lớn vv.

- Các cuộc bãi công đó không chỉ bó hẹp trong một phạm vi một xưởng, một đị phương, một ngành mà đã bắt đầu có sự liên kết thành phong trào chung.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái diễn ra như thế nào? Ý nghĩa lịch sử.

**** Hướng dẫn trả lời:***

** Diễn biến:*

- Tháng 2 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức vụ ám sát tên trùm khủng bố nhu Ba-danh ở Hà Nội. Thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khủng bố dã man. Hàng loạt đản viên và quần chúng bị bắt.

- Tháng 7 - 1929, toàn quyền Đông Dương Pát-xki-ê quyết định lập Tòa án đại hinh xử những người cách mạng. Các lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân đảng như Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu… bị địch truy lùng ráo riết. Nội bộ lãnh đạo Quốc dân đảng bị chia rẽ.

- Bị động trước tình thế, những cán bộ lãnh đạo chủ chốt còn lại đã quyết định dốc hết lực lượng để thực hiện cuộc bạo động cuối cùng với ý tưởng: *"Không thành công cũng thành nhân !"*.

- Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9 - 2 - 1930 ở Yên Bái. Cùng đêm, khởi nghĩa nổ ra ở Phú Thọ, Sơn Tây, sau đó là Hải Dương, Thái Bình... Ở Hà Nội, có cuộc ném bom của quân khởi nghĩa để phối hợp. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng bị thất bại nhanh chóng.

* *Ý nghĩa:*

- Cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp và tay sai.
- Hành động yêu nước, tấm gương hi sinh của các chiến sĩ Yên Bái là sự nối tiếp truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam.
- Vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng với tư cách là một chính đảng cách mạng trong phong trào dân tộc vừa mới xuất hiện đã chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 6. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, quá trình thanh lập và ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929 vào bảng kê dưới đây:

Tiêu mục	***Nội dung***
1) Hoàn cảnh lịch sử	....
2) Quá trình thành lập	....
3) Ý nghĩa	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Tiêu mục	***Nội dung***
1) Hoàn cảnh lịch sử	- Cuối năm 1928 đầu năm 1929, chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, tạo điều kiện cho phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ. - Vai trò lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn phù hợp nữa, cần có chính đảng vô sản lãnh đạo để đưa phong trào phát triển.
2) Quá trình thành lập	- Cuối tháng 3 - 1929, với sự nhạy cảm về chính trị, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm có 7 Đảng viên. Chi bộ mở rộng cuộc vận động để thành lập một Đảng cộng sản nhằm thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. - Từ ngày 1 đến ngày 9 - 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng. Tại Đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kì đặt vấn đề thành lập ngay Đảng Cộng sản để thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, song không được Đại hội chấp nhận nên đã bỏ Đại hội về nước.

	- Ngày 17 - 6 - 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*, thông qua *Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng*, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban chấp hành Trung ương của Đảng. - Khoảng tháng 8 - 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kì bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kì cũng đã quyết định thành lập An Nam Cộng sản đảng. - Một số Đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt cũng tích cực vận động lập các chi bộ cộng sản và xúc tiến việc chuẩn bị lập Đảng Cộng sản. Tháng 9 - 1929, những người cộng sản trong Tân Việt tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
3) Ý nghĩa	- Đáp ứng yêu cầu khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. - Chứng tỏ sự lớn mạnh và khả năng cách mạng của phong trào công nhân. - Là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 7. Hãy trình bày vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình vận động chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Sau thời gian dài ra đi tìm đường cứu nước, đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản.

- Khi tìm đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về Việt Nam. Quá trình hoạt động đó là:

+ Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di... Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa* ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp)...và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam đã góp phần thúc đẩy phong trào dân tộc trong nước phát triển mạnh mẽ hơn.

+ Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân* (tháng 10 - 1923) và được bầu vào Ban chấp hành Hội. Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

+ Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

+ Tháng 6 - 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc nhóm họp những thanh niên yêu nước Việt Nam trong tổ chức Tâm tâm xã rồi đi đến thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước.

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 có tác dụng chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá rộng rãi vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu khách quan lịch sử đó ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Nhưng sự hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc liền rời khỏi Xiêm sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.

- Với chức trách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan tới phong trào cách mạng ở Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng đến Cửu Long để bàn việc thống nhất Đảng.

- Từ ngày 3 đến 7 - 2 - 1930, Hội nghị hợp nhất Đảng họp ở Cửu Long (Hương Cảng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị nhất trí hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 8. Trình bày nội dung Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Hướng dẫn trả lời:**

- Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930), các đại biểu đã thảo luận và thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành cuộc "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*".

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất v.v..

- Lực lượng cách mạng là công nông, tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng chủ yếu của cương lĩnh này.

Câu 9. Trình bày ý nghĩa thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930). Vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Hướng dẫn trả lời:**

- *Ý nghĩa:*

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời đại mới.

+ Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đã đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng theo học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có đường lối cách mạng khoa học sáng tạo có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ đảng viên kiên trung nguyện suốt đời hi sinh cho lý tưởng của Đảng, là một nhân tố thắng lợi của cách mạng.

+ Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

+ Trực tiếp tổ chức, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc).

+ Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản.

+ Đặt yêu cầu hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

+ Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước hợp nhất, đi đến thành lập Đảng.

Chương II
VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 16. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong những năm 1929 - 1933 đã ảnh hưởng trước tiên đến ngành sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam?

A. Việt Nam là nước nông nghiệp.
B. Việt Nam bị thực dân Pháp tước đoạt ruộng đất.
C. Việt Nam bị mất mùa thường xuyên.
D. Tất cả các lí do trên.

Câu 2. Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đối với xã hội Việt Nam là gì?

A. Làm cho xã hội Việt Nam bị phân hoá sâu sắc.
B. Làm cho giai cấp nông dân bị mất ruộng đất.
C. Làm cho giai cấp công nhân bị thất nghiệp.
D. Làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.

Câu 3. Mâu thuẫn nào dưới đây là mâu thuẫn cơ bản nhất trong xã hội Việt Nam thời kì khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933)?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư bản Pháp.
C. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
D. Mâu thuẫn giữa nông dân với thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai.

Câu 4. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) ở các nước tư bản lại ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam?

A. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.
B. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.
C. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.
D. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp.

Câu 5. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), thực dân Pháp đã làm gì ?

A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.

B. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

C. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.

D. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

Câu 6. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến.

D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 7. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là khẩu hiệu nào?

A. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

B. "Tự do dân chủ" và "Cơm áo hoà bình".

C. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến".

D. " Chống đế quốc" và "Chống phát xít".

Câu 8. Sự kiện nào dưới đây gắn với thời gian tháng 2 năm 1930?

A. Công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ bãi công.

B. Công nhân đồn điền cao su Phú Riềng và cao su Dầu Tiếng bãi công.

C. Nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh nổi dậy.

D. Công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm và nhà máy xi măng Hải Phòng tổng bãi công.

Câu 9. Phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy diêm Bến Thuỷ bùng nổ vào thời gian nào?

A. Ngày 7 tháng 4 năm 1930. B. Ngày 17 tháng 4 năm 1930.

C. Ngày 18 tháng 4 năm 1930. D. Ngày 14 tháng 7 năm 1930.

Câu 10. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?

A. Ở miền Trung. B. Ở miền Bắc. C. Ở miền Nam. D. Trong cả nước.

Câu 11. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 thể hiện ở điểm nào?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Phong trào sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Phong trào đã giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. Phong trào đã thực hiện liên minh công - nông vững chắc.

Câu 12. Tại Nghệ An, chính quyền Xô viết được thành lập đầu tiên ở huyện nào?

A. Thanh Chương, Nam Đàn. B. Anh Sơn, Nghi Lộc.

C. Hưng Nguyên, Diễn Châu. D. Can Lộc, Nghi Xuân.

Câu 13. Vì sao nói chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền Nhà nước của dân, do dân và vì dân?

A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.

B. Chia ruộng đất cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lí.

C. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 14. Tháng 4 năm 1931, Đảng ta được Quốc tế Cộng sản công nhận:

A. Là một bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh.

C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 15. Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

A. Vài trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công - nông.

B. Thành lập được đội quân chính trị của đông đảo quần chúng.

C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 16. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được th hiện như thế nào?

A. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.

B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viế Nghệ - Tĩnh.

Câu 17. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

A. Từ tháng 2 đến tháng 4 - 1930. B. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930.

C. Từ tháng 9 đến tháng 10 - 1930. D. Từ tháng 1 đến tháng 5 - 1931.

Câu 18. Tổ chức nào đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị, xã hội ở nông thô Nghệ - Tĩnh

A. Ban chấp hành nông hội. B. Ban chấp hành công hội.

C. Hội phụ nữ giải phóng. D. Đoàn thanh niên phản đế.

Câu 19. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh tồn tại trong khoảng thời gian bao lâu?

A. Từ 2 đến 3 tháng. B. Từ 3 đến 4 tháng.

C. Từ 4 đến 5 tháng. D. Từ 5 đến 6 tháng.

Câu 20. Hội nghị lần thứ nhất của Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đản Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 2 năm 1930. Ở Hương Cảng (Trung Quốc).

B. Tháng 4 năm 1930. Ở Cửu Long, cạnh Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Tháng 7 năm 1930. Ở Quảng Châu (Trung Quốc).

D. Tháng 10 năm 1930. Ở Hương Cảng (Trung Quốc).

Câu 21. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam được nêu ra trong Luận cươn chính trị tháng 10 năm 1930 là:

A. Đánh đế quốc và phong kiến. C. Đánh tư sản phản cách mạng và đế quốc.

B. Đánh phong kiến và đế quốc. D. Đánh phong kiến và tư sản phản cách mạng.

Câu 22. Động lực của cách mạng Việt Nam được nêu trong Luận cương chính tr tháng 10 - 1930 là:

A. Giai cấp vô sản và nông dân.

B. Giai cấp vô sản, nông dân và thợ thủ công.

C. Giai cấp vô sản, nông dân và trí thức tiểu tư sản.

D. Giai cấp vô sản, nông dân và các tầng lớp khác của xã hội.

Câu 23. Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 nặng về đấu tranh:

A. Đấu tranh giải phóng dân tộc.
B. Đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.
C. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.
D. Đấu tranh giai cấp và cách mạng bạo lực.

Câu 24. Hệ thống tổ chức của Đảng nói chung được phục hồi vào thời gian nào?

A. Đầu năm 1932.
B. Đầu năm 1933.
C. Cuối năm 1934 đầu 1935.
D. Cuối năm 1935.

Câu 25. Đại hội lần thứ nhất của Đảng diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

A. Ngày 3 - 1935, ở Ma Cao - Trung Quốc.
B. Ngày 3 - 1935, ở Hương Cảng - Trung Quốc.
C. Ngày 3 - 1935, ở Băng Cốc - Thái Lan.
D. Ngày 3 - 1935, ở Cao Bằng - Việt Nam.

Câu 26. Trong thời kì cách mạng 1930 - 1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị giam trong nhà tù nào?

A. Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).
B. Nhà tù Hương Cảng (Trung Quốc).
C. Nhà tù Côn Sơn.
D. Nhà tù Côn Đảo.

Câu 27. Hãy điền đúng (Đ) sai (S) vào các câu sau đây:

A. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 diễn ra ở Bắc, Trung, Nam.
B. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 diễn ra ở tỉnh Nghệ An.
C. Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của cao trào 1930 - 1931.
D. Lực lượng quan trọng nhất tham gia phong trào cách mạng 1930 - 1931 là tiểu tư sản, nông dân.
E. Ngày 12 - 9 - 1930 là cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn tỉnh Nghệ An.
F. Xô viết Nghệ Tĩnh là hình thức chính quyền cách mạng theo kiểu Xô viết Nga.
G. Tháng 3 - 1935, Đại hội Đảng lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc).
H. Cuối 1931, các cơ sở của Đảng đã được phục hồi.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRÁC NGHIÊM

1. A   2. D   3. C   4. C   5. D   6. C   7. A   8. B
9. B   10. A   11. B   12. A   13. D   14. A   15. A   16. D
17. C   18. A   19. C   20. D   21. B   22. A   23. B   24. C
25. A   26. B   27. A, C, E, F, G, H: Đúng; B, D: Sai.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Hãy nêu thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Thực trạng kinh tế:

+ Từ năm 1930, kinh tế Việt Nam bước vào thời kì suy thoái. Là một nước nông nghiệp. Lúa gạo bị sụt giá. Ruộng đất bỏ hoang năm 1930 là 200.000 héc ta, năm 1933 là 500.000 héc ta.

+ Sản xuất công nghiệp bị suy giảm. Năm 1929, tổng giá trị sản lượng khai khoáng của Đông Dương là 18 triệu đồng, năm 1933 chỉ còn 10 triệu đồng. Trong thương nghiệp, xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hoá khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

+ Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam rất nặng nề so với các thuộc địa khác của Pháp cũng như so với các nước trong khu vực.

- *Thực trạng xã hội:*

+ Nhiều công nhân bị sa thải. Cuộc sống của thợ thuyền ngày càng khó khăn.

+ Nông dân phải chịu cảnh thuế cao, vay nợ nặng lãi, nông phẩm làm ra phải bán hạ giá. Ruộng đất bị địa chủ người Pháp và người Việt chiếm đoạt. Họ bị bần cùng hoá.

+ Các tầng lớp nhân dân lao động khác như tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, trí thức nhỏ và một số tư sản dân tộc... cũng không tránh khỏi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế. Các nghề thủ công bị phá sản, nhà buôn nhỏ phải đóng cửa, viên chức bị sa thải, học sinh ra trường không có việc. Một số đông tư sản dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

+ Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, trong đó có hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động.

Câu 2. Tóm tắt diễn biến của phong trào cách mạng 1930 - 1931 theo các giai đoạn sau đây:

Giai đoạn	***Nội dung sự kiện***
1) Tháng 2 đến tháng 4 - 1930	....
2) Tháng 5 đến tháng 8 - 1930	....
3) Tháng 9 đến tháng 10 - 1930	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Giai đoạn	***Nội dung sự kiện***
1) Tháng 2 đến tháng 4 - 1930	- Trong tháng 2 - 1930, nổ ra một số cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Mục tiêu đấu tranh là đòi cải thiện đời sống. Công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm. Nông dân đòi giảm sưu, giảm thuế. - Sang tháng 3 và 4, diễn ra các cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm Bến Thuỷ.
2) Tháng 5 đến tháng 8 - 1930	- Tháng 5, trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5. - Ngày 1 - 8, lần đầu tiên, công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động, đấu tranh đòi quyền lợi cho nhân dân lao động trong nước và thể hiện tình đoàn kết cách mạng với nhân dân lao động thế giới.
3) Tháng 9 đến tháng 10 - 1930	- Sang tháng 9, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Những cuộc biểu tình của nông dân (có vũ trang tự vệ) với hàng nghìn người tham gia kéo đến huyện lị, tỉnh lị đòi giảm sưu, giảm thuế ở các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Đô Lương (Nghệ An), Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kì Anh (Hà Tĩnh). Các cuộc đấu tranh này được công nhân Vinh - Bến Thủy hưởng ứng. Tiêu biểu là cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12 - 9 - 1930.

	- Phong trào đấu tranh đã làm cho hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã. Nhiều tên tri huyện, lí trưởng bỏ trốn hoặc đầu hàng. - Trong tình hình đó, nhiều cấp ủy Đảng ở thôn xã lãnh đạo nhân dân đứng ra làm chủ vận mệnh của mình, tự quản lý đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương, làm chức năng của chính quyền, mà trong lịch sử gọi là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 3. Giải thích vì sao phong trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

- Phong trào cách mạng 1930 -1931 chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn:

+ Nó khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước ở Đông Dương.

+ Từ phong trào, khối liên minh công - nông hình thành, công nhân và nông dân đã đoàn kết với nhau trong đấu tranh cách mạng.

+ Phong trào thể hiện sức mạnh của công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

- Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh..v..v.

Chính vì vậy, phong trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 4. Vì sao chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền nhà nước của dân, do dân vì dân?

- Tại Nghệ An, Xô viết ra đời ngay sau các cuộc biểu tình từ tháng 9-1930 ở các xã huyện Thanh Chương, Nam Đàn, một phần huyện Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Diễn Châu.

- Ở Hà Tĩnh, Xô viết hình thành ở các xã thuộc huyện Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê vào cuối năm 1930, đầu năm 1931. Các Xô viết đã tổ chức, lãnh đạo quần chúng làm các việc sau đây:

+ Về chính trị, quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

+ Về kinh tế, thi hành các biện pháp tịch thu ruộng đất công, tiền, lúa công chia cho dân cày nghèo; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, xóa nợ cho người nghèo, chú trọng đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông; thành lập các hình thức tổ chức sản xuất để nông dân giúp đỡ nhau.

+ Về văn hoá - xã hội, xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp. Trật tự trị an được giữ vững. Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong nhân dân được xây dựng.

Vì vậy, chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền nhà nước của dân, do dân vì dân.

Câu 5. Trình bày nội dung của Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10 - 1930). Ưu điểm và hạn chế của Luận cương này:

* *Nội dung:*

- Luận cương chính trị xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông Dương. Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường chủ nghĩa xã hội.

- Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh phong kiến và đánh đế quốc, có quan hệ khăng khít với nhau.

- Động lực cách mạng là giai cấp vô sản và nông dân.

- Lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.

- Luận cương chính trị cũng nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh, về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

*** Ưu điểm và hạn chế:**

- Ưu điểm:

+ Luận cương xác định được nhiệm vụ chiến lược, sách lược của cách mạng Đông Dương. Vạch ra con đường đấu tranh giải phóng giai cấp và dân tộc.

+ Thấy được nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Đông Dương là vai trò lãnh đạo của Đảng. Biết đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ với cách mạng thế giới.

- Nhược điểm:

+ Luận cương còn có những mặt hạn chế, như chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

+ Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.

Câu 6. Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3 - 1935).

*** Nội dung:**

- Từ ngày 27 đến ngày 31 - 3 - 1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự đại hội có 13 đại biểu thay mặt cho hơn 500 đảng viên thuộc các Đảng bộ trong nước và nước ngoài.

- Sau khi đánh giá tình hình, Đại hội xác định ba nhiệm vụ của Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố sự phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; chống chiến tranh đế quốc.

- Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ; về công tác trong các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

- Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương gồm 13 người và bầu Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư của Đảng. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

*** Ý nghĩa:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đánh dấu mốc quan trọng: Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước đến ngoài nước, đã khôi phục được các tổ chức quần chúng.

Bài 17 PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sự hình thành lò lửa để đi đến Chiến tranh thế giới thứ hai bắt nguồn từ các nước nào?

A. Ở Đức, Pháp, Nhật.
B. Ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.
C. Ở Đức, I-ta-li-a, Nhật.
D. Ở Đức, Áo - Hung.

Câu 2. Đặc điểm nào dưới đây thuộc về chủ nghĩa phát xít?

A. Độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất.

B. Bóc lột thậm tệ đối với công nhân.

C. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính.

D. Câu A và C đều đúng.

Câu 3. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 6 - 1934. Tại Ma Cao (Trung Quốc).

B. Tháng 7 - 1935. Tại Mát-xcơ-va (Liên Xô).

C. Tháng 3 - 1935. Tại Ma Cao (Trung Quốc).

D. Tháng 7 - 1935. Tại I-an-ta (Liên Xô).

Câu 4. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

C. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 5. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự Đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc. B. Phạm Văn Đồng.

C. Nguyễn Văn Cừ. D. Lê Hồng Phong.

Câu 6. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã có những chủ trương gì nhằm đoàn kết các lượng yêu nước chống phát xít?

A. Thành lập đảng cộng sản ở mỗi nước.

B. Thành lập mặt trận nhân dân ở các nước.

C. Thành lập mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.

D. Thành lập mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 7. Trong năm 1936, Mặt trận Nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền.

A. Nước Đức. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 8. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

A. Mặt trận Nhân dân Pháp. B. Mặt trận Nhân dân Liên Xô.

C. Quốc tế Cộng sản. D. Mặt trận Nhân dân Trung quốc.

Câu 9. Những sự kiện lịch sử thế giới nào dưới có tác động đến cách mạng Việt Nam trong những năm 1936 - 1939?

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

B. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp năm 1936.

D. Câu A và C đúng.

Câu 10. Những mặt hàng xuất khẩu ở Việt Nam trong thời kì thực dân Pháp khai thác thuộc địa là:

A. Các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng.

B. Các mặt hàng khoáng sản và nông sản.

C. Các mặt hàng lâm sản và thuỷ sản.

D. Các sản phẩm của công nghiệp nặng và hàng tiêu dùng.

Câu 11. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn nào?

A. Thực dân Pháp.

B. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp.

C. Bọn phong kiến.

D. Câu A và B đúng.

Câu 12. Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương trong thời kì 1936 - 1939 là:

A. Chống đế quốc và phong kiến.

B. Chống bọn phản động và bọn tay sai của Pháp.

C. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

D. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 13. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

A. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 14. Đến tháng 3 - 1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 15. Về hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?

A. Kết hợp các hình thức đấu tranh công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 16. Cuộc vận động Đông Dương Đại hội diễn ra trong thời gian nào?

B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.

C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3 năm 1938.

A. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9 năm 1936.

D. Từ năm 1936 đến năm 1939.

Câu 17. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Vào ngày 1 - 8 - 1936, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

B. Vào ngày 1 - 5 - 1938, tại Bến Thủy, Vinh.

C. Vào ngày 1 - 5 - 1939, tại Hà Nội.

D. Vào ngày 1 - 5 - 1938, tại Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác.

Câu 18. Trong những năm 1937 - 1938, Đảng Cộng sản Đông Dương lợi dụng khả năng hợp pháp đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng Quản hạt ở Nam Kì và Viện Dân biểu ở Bắc - Trung Kì nhằm mục đích gì?

A. Vận động bọn tay sai của thực dân Pháp đứng về phía cách mạng để đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Mở rộng địa bàn hoạt động trong cả nước, gây cơ sở cách mạng trong toàn quốc.

C. Nắm bắt tình hình để đối phó với kẻ thù trong bất cứ tình huống nào đồng thời chuẩn bị tiến đến thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Tất cả cùng sai.

Câu 19. Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 20. Tháng 8 - 1936 Đảng chủ trương phát động phong trào gì?

A. Đông Dương Đại hội.

B. Phong trào đòi dân sinh dân chủ.

C. Vận động người của Đảng vào Viện Dân biểu.

D. Mít tinh diễn thuyết thu thập "dân nguyện".

Câu 21. Hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào Đông Dương Đại hội là gì?

A. Tuần hành. B. Mít tinh. C. Đưa dân nguyện. D. Diễn thuyết.

Câu 22. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936 - 1939 là gì?

A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.

B. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.

C. Thành lập Mặt trận dân chủ nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.

D. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

Câu 23. Vì sao cao trào dân chủ 1936 - 1939 được xem là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ của đảng viên được nâng cao.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.

C. Tập dượt cho quần chúng đấu tranh chính trị, thành lập một đội quân chính trị rộng lớn tập hợp chung quanh Đảng.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 24. Hãy nối niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1) 7 - 1935	A. Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền.
2) 3 - 1938	B. Phong trào Đông Dương Đại hội.
3) 8 - 1936	C. Đón phái viên chính phủ Pháp.
4) 6 - 1936	D. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII.
5) 11- 1936	E. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận Dân chủ thống nhất.
6) 2 - 1937	G. Mít tinh tại khu Đấu Xảo - Hà Nội.
7) 1 - 5 - 1938	H. Tổng bãi công của công nhân ở công ti than Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C	2. D	3. B	4. C	5. D	6. B	7. B	8. A
9. D	10. B	11. B	12. C	13. B	14. A	15. A	16. A
17. D	18. C	19. D	20. A	21. C	22. D	23. D	

24. 1: D, 2: E, 3: B, 4: A, 5: H, 6: C, 7: G.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Hãy nêu những nét chính về tình hình thế giới trong những năm 30 của thế kỉ XX. Tình hình đó tác động đến Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 như thế nào?

** Tình hình thế giới:*

- Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, bọn phát xít cầm quyền một số nước như Đức, Italia, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

- Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mát-xcơ-va (Liên Xô). Đại hội quyết định nhiều vấn đề trọng đại, như xác định kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu đấu tranh giành dân chủ, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

** Tác động đến Việt Nam:*

- Tháng 6 - 1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ của thuộc địa.

- Ở Đông Dương, Chính phủ Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, thay toàn quyền mới, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí v.v...

- Lúc này ở Việt Nam, nhiều đảng phái chính trị ra hoạt động, trong đó có Đảng Cách mạng, đảng theo xu hướng cải lương, đảng phản động v.v... Các đảng tận dụng cơ hội, đẩy mạnh hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Tuy nhiên, chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương là Đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

- Từ tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương thực hiện phong trào đấu tranh dân chủ rộng khắp trong cả nước để đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình.

Câu 2. Nêu những nét chính về tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong những năm 1936 - 1939.

** Tình hình kinh tế:*

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương tập trung đầu tư, khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc".

+ Về nông nghiệp, chính sách của Nhà nước thực dân tạo mọi điều kiện cho tư bản Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, làm cho 2/3 nông dân không có ruộng hoặc chỉ có ít ruộng.

+ Về công nghiệp, ngành khai thác mỏ được đẩy mạnh. Tổng sản lượng khai mỏ năm 1939 là 29,5 triệu đồng.

+ Về thương nghiệp, nhà nước thực dân độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối, thu được lợi nhuận rất cao. Hàng xuất khẩu chủ yếu là khoảng sản, nông sản. Nhập cảng máy móc thiết bị và hàng công nghiệp tiêu dùng.

- Nhìn chung, những năm 1936 - 1939 là thời kì phục hồi và phát triển nền kinh tế ở Việt Nam, nhưng chỉ tập trung vào một số ngành đáp ứng có nhu cầu chiến tranh. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.

** Tình hình xã hội:*

- Đời sống các tầng lớp nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn do chính sách tăng thuế của nhà nước thực dân, phong kiến.

+ Số công nhân thất nghiệp còn nhiều. Ngay cả những người có việc làm, mức lương vẫn không bằng thời kì khủng hoảng.

+ Nông dân không đủ ruộng cày. Họ còn chịu mức địa tô cao và nhiều thủ đoạn bóc lột khác của địa chủ cường hào, những hủ tục cưới cheo, đình đám...

+ Tư sản dân tộc có ít vốn nên chỉ lập được những công ti nhỏ, phải chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép.

+ Nhiều người trong giới tiểu tư sản trí thức bị thất nghiệp. Công chức nhận được mức lương thấp. Các tầng lớp lao động khác phải chịu thuế khoá nặng nề, sinh hoạt đắt đỏ.

- Đời sống đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. Chính vì thế họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 3. *Trước những biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương gì trong những năm 1936 - 1939.*

- Tháng 7 - 1936, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong chủ trì họp ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị dựa theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, căn cứ vào tình hình cụ thể ở Việt Nam để định ra đường lối và phương pháp đấu tranh. Hội nghị xác định:

- Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến; nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

- Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

- Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng và nhân dân Đông Dương hành động, đấu tranh cho dân chủ. Phong đấu tranh quần chúng lan rộng trong cả nước.

- Tiếp đó, Hội nghị Trung ương các năm 1937 và 1938 bổ sung và phát triển nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 7 - 1936. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 3-1938, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành *Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương*, gọi tắt là *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*

Câu 4. Tóm tắt phong trào đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.

- Năm 1936, được tin Quốc hội Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng chủ trương phát động và tổ chức các tầng lớp nhân dân họp hội thảo, ra bản "dân nguyện" để gửi tới phái đoàn, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội vào tháng 8 - 1936, Đảng cũng kêu gọi các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng cùng tham gia.

- Trước sự lan rộng của phong trào, bọn phản động thuộc địa đàn áp và chia rẽ quần chúng. Ngày 15 - 9 - 1936, chúng ra lệnh giải tán Ủy ban hành động, cấm hội họp, tịch thu các báo cổ động cho Đông Dương Đại hội.

- Phong trào Đông Dương Đại hội nhanh chóng bị đàn áp nhưng cũng đạt được mục đích của mình. Đông đảo quần chúng giác ngộ, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống. Đảng Cộng sản Đông Dương thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp.

- *Sáu tháng cuối năm 1936* có 361 cuộc đấu tranh, trong đó có 236 cuộc đấu tranh của công nhân. Tiêu biểu là cuộc bãi công ngày 23 - 11 của công nhân Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương... đòi tăng lương 25%. Ngày này trở thành ngày hội truyền thống của công nhân mỏ.

- *Năm 1937* có 400 cuộc bãi công của công nhân. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của công nhân xe lửa Nam Đông Dương ngày 9 - 7 - 1937 và mỏ than Vàng Danh ngày 28 - 9 - 1937, 15 cuộc đấu tranh của nông dân đòi giảm tô, giảm tức... Tiểu thương ở Hà Nội, Hải Phòng, các thành phố và thị xã khác bãi thị, đòi giảm thuế chợ, thuế hàng.

- Trong tháng 1 và 2 - 1937 còn có những cuộc mít tinh và biểu tình lớn của nhân dân cả nước nhằm biểu dương lực lượng khi Gô-đa - phái viên của Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương và Brê-vi-ê sang nhận chức Toàn quyền Đông Dương.

- Trong tháng 3 và tháng 7, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp để bàn về công tác quần chúng. Đảng quyết định lập Công hội thay Công hội đỏ, Đoàn Thanh niên phản đế thay Đoàn Thanh niên cộng sản, Hội cứu tế bình dân thay Hội cứu tế đỏ v.v... Ở nông thôn, lập Hội cấy, Hội cày, Hội hiếu hỉ v.v... Những hình thức tổ chức linh hoạt, hoạt động công khai, nửa công khai đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia.

- *Năm 1938,* có 131 cuộc bãi công của công nhân. Tuy số lượng cuộc đấu tranh giảm so với năm trước, nhưng chất lượng cao hơn biểu hiện ở trình độ giác ngộ của quần chúng, khẩu hiệu đấu tranh, sự phân phối đấu tranh giữa các địa phương.

- Cuối năm 1938 ở Nam Kì xảy ra nạn đói. Nông dân nhiều nơi biểu tình. Điển hình là cuộc biểu tình của hơn 1000 nông dân Cà Mau tháng 10-1938. Phong trào đấu tranh của tiểu thương, học sinh dâng cao.

- Đặc biệt là cuộc đấu tranh ngày 1-5-1938. Lần đầu tiên, trong ngày Quốc tế Lao động, nhiều cuộc tổ chức mít tinh được công khai ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác, đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

- *Năm 1939*, phong trào đấu tranh trong 3 tháng đầu năm bị giảm sút. Từ tháng tư phong trào lên dần và đạt tới đỉnh cao vào tháng 6. Phong trào tập trung ở những trung tâm công nghiệp lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Chợ Lớn...

Câu 5. Nhiệm vụ, mục tiêu và hình thức đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 ở Việt Nam như thế nào?

Tiêu mục	***Nội dung***
1) Nhiệm vụ	- Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến. - Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh.
2) Mục tiêu	Đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.
3) Hình thức	Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Câu 6. Hãy trình bày ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1936 - 1939.

* *Ý nghĩa:*

- Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, đã buộc chính quyền của thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể, trước mắt về dân sinh, dân chủ.

- Qua phong trào, quần chúng được giác ngộ về chính trị, đã tham gia Mặt trận Dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và trưởng thành.

* *Bài học kinh nghiệm:*

Trong quá trình đấu tranh, Đảng Cộng sản Đông Dương tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm:

- Bài học về xây dựng Mặt trận thống nhất.
- Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp,
- Bài học về đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với đảng phái chính trị phản động.
- Đồng thời, Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Có thể nói, phong trào dân chủ 1936-1939 như cuộc diễn tập, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Bài 18 PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 - 1945

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chính sách mà thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Bắt thanh niên Việt Nam đi lính đánh thuê cho Pháp để trả thù Đức.

B. Vơ vét sức người, sức của của Việt Nam dốc vào cuộc chiến tranh.

C. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự chống Đức.

D. Biến Việt Nam thành sân sau của Pháp để chống Đức.

Câu 2. Đảng phái nào dưới đây được Nhật thiết lập ở Đông Dương để làm tay sai cho chúng?

A. Việt Quốc, Việt Cách.
B. Đại Việt, Phục Quốc.
C. Việt Nam Quốc xã đảng.
D. Đảng Đại Việt Quốc gia.

Câu 3. Vào thời gian nào Đức tấn công Liên Xô, nhân dân Liên Xô thực hiện cuộc chiến tranh vệ quốc?

A. Tháng 5 năm 1941.
B. Tháng 6 năm 1941.
C. Tháng 7 năm 1941.
D. Tháng 9 năm 1941.

Câu 4. Nhật xâm lược Đông Dương nhằm thực hiện âm mưu gì?

A. Biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

B. Để độc quyền chiếm Đông Dương.

C. Biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

D. Để làm bàn đạp tấn công nước khác.

Câu 5. Hiệp ước của cái gọi là "Phòng thủ chung Đông Dương" được kí kết giữa Nhật và Pháp thời gian nào?

A. 23 - 7 - 1941.
B. 29 - 7 - 1941.
C. 7 - 12 - 1941.
D. 10 - 12 - 1941.

Câu 6. Thái độ của Pháp như thế nào khi Nhật chính thức nhảy vào Đông Dương?

A. Mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.

B. Thỏa hiệp với Nhật, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương.

C. Phối hợp với nhân dân Đông Dương để chống Nhật.

D. Dựa vào phe Đồng minh chống Nhật.

Câu 7. Nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm cho giai cấp nào ở Việt Nam bị thảm khốc nhất?

A. Giai cấp nông dân.
B. Giai cấp công nhân.
C. Giai cấp công nhân và nông dân.
D. Tầng lớp dân nghèo thành thị.

Câu 8. Với Hiệp ước "Phòng thủ chung Đông Dương", Pháp buộc phải thừa nhận điều gì về mặt quân sự với Nhật?

A. Cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.

B. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự.

D. Pháp phải bảo đảm hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

Câu 9. Nguyên nhân trực tiếp làm hơn hai triệu đồng bào ta ở miền Bắc bị chết trong nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945?

A. Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

B. Tăng thuế để vơ vét bóc lột nhân dân ta.

C. Thu mua thực phẩm chủ yếu là lúa gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt.

D. Nhật bắt Pháp phải vơ vét lương thực của nhân dân ta cung cấp cho Nhật.

Câu 10. Sự áp bức bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

C. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật - Pháp sâu sắc.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 11. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là gì?

A. Phá hoại nền nông nghiệp của ta.

B. Phát triển trồng cây công nghiệp.

C. Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ chiến tranh.

D. Phát triển công nghiệp.

Câu 12. Hội nghị Trung ương lần 6 của Đảng ta diễn ra vào thời gian nào? Tại đâu?

A. Ngày 19 - 5 - 1941. Tại Bà Điểm - Tiền Giang.

B. Ngày 15 - 9 - 1939. Tại Pắc Bó - Cao Bằng.

C. Ngày 6 - 11 - 1939. Tại Bà Điểm - Hóc Môn.

D. Ngày 10 - 5 - 1940. Tại Tân Trào - Tuyên Quang.

Câu 13. Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

A. Đánh đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

C. Chống phát xít và bọn tay sai thân Nhật.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 14. Đến tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận phản đế, phản phong.

D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 15. Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày" được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939 - 1945?

A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất để gương cao khẩu hiệu dân tộc.

B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.

D. Cả câu A và B đều đúng.

Câu 16. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?

A. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

D. Gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 17. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn?

A. Ngày 22 - 9 - 1940.
B. Ngày 27 - 9 - 1940.

C. Ngày 20 - 10 - 1940.
D. Ngày 23 - 11 - 1940.

Câu 18. Điểm khác nhau về nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kì là gì?

A. Mâu thuẫn sâu sắc giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.

B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị bắt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Thái Lan.

C. Pháp đầu hàng Nhật khi Nhật vào Đông Dương .

D. Câu B và câu C đúng.

Câu 19. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào trong những năm 1940 - 1941 ở Việt Nam?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn. B. Khởi nghĩa Nam Kì.
C. Khởi nghĩa Ba Tơ. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 20. Những người con ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp xử bắn sau cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Yên Bái. B. Khởi nghĩa Bắc Sơn.
C. Khởi nghĩa Nam Kì. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 21. Lực lượng nào tham gia vào cuộc binh biến Đô Lương nổ ra ngày 13 - 1 - 1941?

A. Đông đảo quần chúng nhân dân.
B. Chủ yếu là công nhân và nông dân.
C. Chủ yếu là nông dân.
D. Chỉ có binh lính người Việt trong quân đội Pháp, không có quần chúng tham gia.

Câu 22. Nguyên nhân chung làm cho ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương bị thất bại.

A. Quần chúng chưa được tham gia vào khởi nghĩa và binh biến.
B. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.
C. Lực lượng vũ trang còn non yếu.
D. Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

Câu 23. Ý nghĩa chung của ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương là gì?

A. Giáng một đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật.
B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang.
C. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.
D. Câu A và B đúng.

Câu 24. Điểm giống nhau về ý nghĩa của ba sự kiện: Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương là gì?

A. Các lực lượng vũ trang cách mạng ra đời phát triển từ ba cuộc khởi nghĩa.
B. Giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật, là những phát súng đầu tiên báo hiệu một cao trào cách mạng mới.
C. Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng về khởi nghĩa vũ trang.
D. Mở ra một thời kì đấu tranh mới.

Câu 25. Qua ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương đã để lại bài học kinh nghiệm lớn nhất là gì?

A. Bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích.
B. Bài học về thời cơ trong khởi nghĩa giành chính quyền.
C. Bài học về xây dựng lực lượng vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa.
D. Bài học về sự phát triển chiến tranh du kích.

Câu 26. Sau 30 năm xa Tổ quốc, đến thời gian nào Nguyễn Ái Quốc về nước?

A. Ngày 8 - 1 - 1941. B. Ngày 25 - 1 - 1941.
C. Ngày 28 - 1 - 1941. D. Ngày 28 - 2 - 1941.

Câu 27. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941. Ở Bắc Pó (Cao Bằng).
B. Từ ngày 9 đến 10 tháng 5 năm 1941. Ở Bà Điểm (Hóc Môn).
C. Từ ngày 16 đến 19 tháng 5 năm 1941. Ở Bắc Pó (Lạng Sơn).
D. Từ ngày 10 đến 19 tháng 6 năm 1941. Ở Tân Trào (Tuyên Quang).

Câu 28. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt. B. Mặt trận Đồng minh.
C. Mặt trận Việt Minh. D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 29. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng.
C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Củng cố được khối đoàn kết toàn dân.

Câu 30. Đội Việt Nam Giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của của các tổ chức nào?

A.Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
B. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân.
C. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
C. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 31. Chiến công oanh liệt ở hai trận Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng), đó là chiến công của:

A. Đội Cứu quốc quân. B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
C. Đội du kích Thái Nguyên. D. Đội du kích Bắc Sơn.

Câu 32. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với các sự kiện của cột B dưới đây:

A	***B***
1. 9 - 1939	A. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.
2. 8 - 1940	B. Hiệp ước "Phòng thủ chung Đông Dương" của Pháp - Nhật được kí kết.
3. 6 - 1940	C. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
4. 27 - 9 - 1940	D. Hiệp ước Pháp - Nhật thừa nhận Nhật có đặc quyền ở Đông Dương.
5. 23 - 11 - 1940	E. Hai triệu đồng bào miền Bắc chết đói.
6. 23 - 7 - 1940	F. Khởi nghĩa Bắc Sơn.
7. Cuối 1944 đầu1945	G. Khởi nghĩa Nam Kì.
8. 13 - 1 - 1941	H. Binh biến Đô Lương.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. B 3. B 4. C 5. A 6. B 7. A 8. B
9. C 10. C 11. C 12. C 13. A 14. D 15. A 16. D
17. B 18. B 19. B 20. C 21. D 22. B 23. D 24. B
25. B 26. C 27. A 28. C 29. B 30. B 31. B
32. 1: C, 2: D, 3: A, 4: F, 5: G, 6: B, 7: E, 8: H.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Nêu những chuyển biến của tình hình thế giới và Việt Nam trong những năm đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

** Những chuyển biến của tình hình thế giới:*

- Ngày 1 - 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 3 - 9 - 1939, Pháp tuyên chiến với Đức. Sau khi tham chiến, Chính phủ Pháp thực hiện chính sách thù địch đối với các lực lượng tiến bộ trong nước và phong trào cách mạng ở các thuộc địa.

- Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức. Ở Đông Dương, chính quyền mới của Pháp thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của của Việt Nam dốc vào cuộc chiến tranh.

- Tháng 6 - 1941, Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng Việt Nam.

* *Những chuyển biến của tình hình Việt Nam:*

- *Về chính trị:*

+ Cuối tháng 9 - 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt - Trung vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, dùng nó để bóc lột kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.

+ Ở Việt Nam lúc này không chỉ có những đảng phái thân Pháp mà cả những đảng phái thân Nhật, như Đại Việt, Phục Quốc... Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật, về thuyết Đại Đông Á, dọn đường cho Nhật hất cẳng Pháp.

- *Về kinh tế:*

+ Thực dân Pháp thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy". Chúng tăng mức thuế cũ, đặt thêm mức thuế mới... đồng thời làm sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm... Chúng kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối, ấn định giá cả...

+ Khi Nhật vào Đông Dương, Pháp buộc phải để cho Nhật sử dụng phương tiện giao thông kiểm soát hệ thống đường sắt và các tàu biển. Nhật còn bắt chính quyền thực dân Pháp hằng năm nộp cho chúng khoản tiền lớn

+ Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

+ Nhật yêu cầu chính quyền thực dân Pháp xuất cảng các nguyên liệu, chiến lược sang Nhật với giá rẻ so với giá của thị trường thế giới như than, sắt, cao su, xi măng v.v...

+ Một số công ti của Nhật đầu tư vào những ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự như khai thác mănggan, sắt Thái Nguyên, phốt phát ở Lào Cai, crôm ở Thanh Hoá

- *Xã hội:*

+ Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật đã đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực. Hậu quả là cuối năm 1944 đến năm 1945 có tới 2 triệu đồng bào ta chết đói.

+ Tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội ở nước ta, trừ bọn tay sai đế quốc, đại địa chủ tư sản mại bản, đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp - Nhật.

Công nhân bị bóc lột nặng nề phải làm việc từ 10 đến 12 giờ/ngày, tiền lương giảm, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.

Nông dân phải chịu sưu cao, thuế nặng, phải đi lính, đi phu, bị cưỡng bức nhổ lúa trồng đay, thầu dầu.

Tiểu tư sản trí thức, viên chức mất việc làm hoặc bị giảm lương; tiểu thương bán ế hàng, nhiều tiểu chủ phải ngừng sản xuất

Tư sản dân tộc vừa bị chính sách "Kinh tế chỉ huy" làm cho phá sản, vừa bị thiệt hại về sức mua của nhân dân giảm sút

Địa chủ vừa và nhỏ bị thiệt hại và bị phá sản vì chiến tranh, do phải nộp thóc tạ, chịu thuế cao.

Những biến chuyển đó của tình hình thế giới và trong nước đặt ra cho Đảng ta phải nắm bắt kịp thời tình hình có đánh giá chính xác, đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

Câu 2. Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước trong những năm đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra những chủ trương gì?

Trước những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, tháng 11 - 1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập tại Bà Điểm (HócMôn - Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập
- Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công - nông - binh được thay thế bằng khẩu hiệu chính quyền dân chủ cộng hoà.
- Về phương pháp cách mạng, chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.
- Đảng chủ chương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 tháng11 - 1939 "đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược", thể hiện sự nhạy bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng.

Câu 3. Ghi tóm tắt diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương vào bảng thống kê dưới đây và rút ra nhận xét chung nhất:

Các cuộc khởi nghĩa	*Diễn biến chính*
1) Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)	- Ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật vượt qua biên giới Việt-Trung, đánh chiếm Lạng Sơn. Phần lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại rút chạy về Thái Nguyên qua đường Bắc Sơn. - Đêm ngày 27 - 9 - 1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy đánh quân Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài. Ngụy quyền ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân làm chủ châu lị và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. - Sau đó, Pháp cấu kết với Nhật đàn áp khởi nghĩa. Mấy hôm sau, Nhật thả tù binh Pháp và cho quân Pháp trở lại đóng các đồn bốt ở Lạng Sơn. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố phong trào cách mạng Bắc Sơn.
2) Khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940)	- Tháng 11 - 1940, xảy ra cuộc xung đột giữa thực dân Pháp và Xiêm (Thái Lan). Chính quyền thực dân Pháp bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên đi làm bia đỡ đạn. Nhân dân Nam Kì và binh lính đấu tranh không đưa lính ra mặt trận. - Trong bối cảnh đó, Xứ ủy Nam kì chuẩn bị phát động nhân dân khởi nghĩa và cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương. Trung ương Đảng quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi. - Quyết định hoãn khởi nghĩa của Trung ương Đảng chưa tới nơi nhưng lệnh khởi nghĩa của Xứ uỷ Nam kì đã đến các địa phương. Rạng sáng 23 - 11 - 1940, khởi nghĩa bùng nổ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ; Biên Hoà,

	Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Mĩ Tho, Vĩnh Long. Chính quyền cách mạng đã thành lập ở nhiều nơi. Từ trong khởi nghĩa, lần đầu tiên xuất hiện cờ đỏ sao vàng. - Do kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp đã kịp thời đối phó. Chúng cho máy bay ném bom tàn sát nhân dân những vùng nổi dậy, bắt nhiều người. - Lực lượng nghĩa quân còn lại phải rút về Đồng Tháp và U Minh để củng cố lực lượng.
3) Binh biến Đô Lương (13 - 1 - 941)	- Ngày 13 - 1 - 1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đã đánh chiếm đồn Đô Lương rồi lên ô tô tiến về Vinh để phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được. Quân Pháp đã kịp thời đối phó. Hôm sau, toàn bộ binh lính tham gia nổi dậy bị bắt. Ngày 11 - 2 - 1941, Đội Cung bị sa vào tay giặc - Ngày 24 - 4 - 1941, thực dân Pháp xử bắn Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông. Nhiều người khác bị kết án khổ sai đưa đi đày.
Nhận xét chung	- Các cuộc khởi nghĩa và binh biến diễn ra chưa đúng thời cơ nên nhanh chóng bị thất bại. - Lực lượng tham gia trong khởi nghĩa Bắc Sơn chủ yếu là quần chúng; trong khởi nghĩa Nam Kì vừa có quần chúng vừa có binh lính; trong binh biến Đô Lương chỉ có binh lính.

Câu 4. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941).

* *Hoàn cảnh:*

- Trước sự thay đổi mau lẹ của tình hình thế giớ[illegible] trong nước, ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

- Sau một thời gian chuẩn bị, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Pác Bó (Hà Quảng - Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941.

* *Nội dung Hội nghị:*

- Hội nghị khẳng định chủ trương đúng đắn của hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (tháng 11 - 1939) và lần thứ 7 (tháng 11 - 1940), nhưng đề cao hơn nữa là nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đưa nó lên hàng đầu. *"Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"*.

- Hội nghị tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" thay bằng khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc Việt gian chia cho dân cày nghèo", thực hiện giảm tô, giảm tức.

- Hội nghị chỉ rõ sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Thay tên Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc.

- Hội nghị quyết định xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Đó là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

- Hội nghị chính thức bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

** Ý nghĩa:*

- Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 - 1939).
- Hội nghị đã chuẩn bị những vấn đề cơ bản để tiến tới Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám. Nó có tác dụng đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 5. Sự chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng để tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 diễn ra như thế nào?

** Xây dựng lực lượng chính trị:*

- Một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các *hội cứu quốc* trong mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có hội cứu quốc, trong cả ba châu "hoàn toàn". Tiếp đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập.
- Ở nhiều tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung, ở Hà Nội, Hải Phòng hầu hết các *hội phản đế*, đồng thời nhiều hội cứu quốc mới được thành lập.
- Trong khi chú trọng tới công nhân và nông dân, Đảng còn tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương Văn hoá Việt Nam*, vận động thành lập *Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam* và *Đảng Dân chủ Việt Nam* đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương chống phát xít.

** Xây dựng lực lượng vũ trang:*

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng đặc biệt coi trọng.

- Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng khởi nghĩa vũ trang chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở những cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai.
- Bước sang năm 1941, những đội du kích Bắc Sơn lớn mạnh lên và thống nhất lại thành *Trung đội Cứu quốc quân* [illegible] 5 - 1941). Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 2 - 1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15 - 9 - 1941, *Trung đội Cứu quốc II* ra đời

** Xây dựng căn cứ địa cách mạng:*

- Công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng cũng được Đảng quan tâm. Vùng Bắc Sơn - Vũ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng.
- Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai trung tâm căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai trung tâm căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta.

Câu 6. Hãy trình bày công cuộc chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền diễn ra như thế nào ?

- Từ đầu năm 1943, cuộc chiến tranh thế giới chuyển biến có lợi cho cách mạng. Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân Đức, sự thất bại của chủ nghĩa phát xít đã rõ ràng. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.
- Từ ngày 25 đến 28 - 2 - 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh - Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra một kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

- Tại các tỉnh vùng núi phía Bắc công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương. Ở căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh, tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Trong quá trình đó, *Trung đội Cứu quốc III* ra đời (25 - 2 - 1944). Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập . Năm 1943, Ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng lập ra 19 ban "*xung phong Nam tiến*" để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ngày 7 - 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp "*Sửa soạn khởi nghĩa*" và kêu gọi nhân dân "*Sắm vũ khí đuổi thù chung*".

- Ngày 22 - 12 - 1944, theo chủ tịch Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập*. Sau khi ra đời, đội đã đánh thắng liên tiếp ở hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng). Căn cứ Cao - Bắc - Lạng được củng cố và mở rộng.

- Giữa tháng 5 - 1945, hai đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân hợp nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

Công cuộc chuẩn bị vẫn tiếp tục cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa

Câu 7. Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng và chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài, đến ngày 28 - 1 - 1941 Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người đã tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pắc Pó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941.

- Tại Hội nghị này, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11- 1939). Hội nghị đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

- Hội nghị quyết định xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Coi đó là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.

Như vậy, đến Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã chuẩn bị xong về đường lối để tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người trực tiếp chủ trì và quyết định những vấn đề cơ bản của hội nghị.

Bài 19 CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại quân đội nào tạo nên thế trận mới trong Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Quân đội Nhật Bản.
B. Quân đội Đức.
C. Quân đội I-ta-li-a.
D. Quân đội Mĩ.

Câu 2. Vì sao đến đầu năm 1945, quân đội Pháp ráo riết chuẩn bị hoạt động, chờ thời cơ phản công Nhật?

A. Phát xít Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương bị Đồng minh giáng cho một đòn nặng nề.
B. Pháp thấy không thể hoà hoãn với Nhật được nữa phải hành động.
C. Nhật tiếp tục buộc Pháp nhượng bộ ở Đông Dương.
D. Quân Nhật liên tiếp bị nhân dân ta đánh bại.

Câu 3. Vì sao Nhật tiến hành đảo chính Pháp vào đêm 9 - 3 - 1945?

A. Nhật đang khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh - Mĩ.

B. Phe phát xít đang thua to.

C. Để tránh hậu họa khi Đồng minh vào Đông Dương Pháp sẽ dựa vào Đồng minh hất cẳng Nhật.

D. Nước Pháp đã được giải phóng.

Câu 4. Ngay trong đêm 9 - 3 - 1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?

A. Cuộc đảo chính Nhật - Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.

B. "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 5. Theo chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật - Pháp" được thay bằng khẩu hiệu gì?

A. "Đánh đuổi Pháp - Nhật". B. "Đánh đuổi phát xít Nhật".

C. "Đánh đuổi Nhật và bọn tay sai thân Nhật". D. "Đánh đuổi thực dân Pháp".

Câu 6. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được ban bố vào thời gian nào?

A. Ngày 9 tháng 3 năm 1945. D. Ngày 21 tháng 3 năm 1945.

C. Ngày 19 tháng 3 năm 1945. B. Ngày 12 tháng 3 năm 1945.

Câu 7. Thực niện chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", nhân dân ta phải làm gì?

A. Chuẩn bị đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

B. Đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật.

C. Thực hiện một cao trào "Kháng Nhật cứu nước" tiến tới tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

D. Tổng khởi nghĩa để giành chính quyền trong toàn quốc.

Câu 8. Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì vào thời gian nào?

A. Ngày 14 tháng 4 năm 1945 B. Ngày 16 tháng 4 năm 1945.

C. Ngày 20 tháng 4 năm 1945. D. Ngày 28 tháng 4 năm 1945.

Câu 9. Ngày 15 tháng 5 năm 1945 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến việc tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

A. Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

B. Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì.

C. Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

D. Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập.

Câu 10. Theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 16 - 4 - 1945. B. Ngày 20 - 4 - 1945.

C. Ngày 15 - 5 - 1945. D. Ngày 4 - 6 - 1945.

Câu 11. Các tỉnh nào dưới đây trở thành Khu giải phóng Việt Bắc?

A. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ.

B. Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

C. Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Giang, Phú Thọ, Yên Bái.

D. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Câu 12. Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại quân Quan Đông của Nhật ở đâu?

A. Ở Quảng Châu (Trung Quốc). B. Ở Đông Bắc (Trung Quốc).

C. Ở Thượng Hải (Trung Quốc). C. Ở Viễn Đông.

Câu 13. Sự kiện nào dưới đây là thời cơ khách quan thuận lợi để Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu?

A. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng tay sai của Nhật hoang mang.

B. Nhật đảo chính Pháp, làm cho cách mạng Việt Nam chỉ còn một kẻ thù.

C. Nhật lần lượt rút khỏi khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

D. Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki tiêu diệt phát xít Nhật.

Câu 14. Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được tin về việc Nhật đầu hàng Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã:

A. Triệu tập ngay Hội nghị toàn quốc để phát lệnh tổng khởi nghĩa.

B. Triệu tập Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (Tuyên Quang) để bàn kế hoạch tổng khởi nghĩa.

C. Phát động quần chúng chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

D. Thành lập Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 15. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945. Ở Pắc Bó (Cao Bằng).

B. Từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945. Ở Tân Trào (Tuyên Quang).

C. Từ ngày 13 đến 15 - 8 - 1945. Ở Pắc Bó (Cao Bằng).

D. Từ ngày 16 đến 17 - 8 - 1945. Ở Phay Khắt (Cao Bằng).

Câu 16. Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định vấn đề gì?

A. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Câu 17. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15 - 8 - 1945).

B. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (16 - 8 - 1945).

C. Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935.

D. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (4 - 1945).

Câu 18. Chiều ngày 16 - 8 - 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng tỉnh nào?

A. Giải phóng thị xã Cao Bằng. B. Giải phóng thị xã Thái Nguyên.

C. Giải phóng thị xã Tuyên Quang. D. Giải phóng thị xã Lào Cai.

Câu 19. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị vào ngày 18 - 8 - 1945 là:

A. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 20. Sự kiện nào dưới đây gắn với khởi nghĩa ở Hà Nội?

A. Hàng chục vạn nhân dân nội thành xuống đường biểu dương lực lượng.

B. Hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành kéo vào biểu tình, thị uy chiếm các công sở.

C. Khởi nghĩa nổ ra và giành được thắng lợi trong một ngày.

D. Câu A và B đúng.

Câu 21. *Các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong" gắn với cuộc khởi nghĩa ở đâu?*

A. Khởi nghĩa ở Hà Nội.
B. Khởi nghĩa ở Huế.
C. Khởi nghĩa ở Sài Gòn.
D. Khởi nghĩa ở Đà Nẵng.

Câu 22. *Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?*

A. Đấu tranh vũ trang.
B. Đấu tranh bạo lực.
C. Đấu tranh chính trị.
D. Đấu tranh ngoại giao.

Câu 23. *"Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...". Đó là lời kêu gọi của?*

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15 - 8 - 1945).
B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.
C. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (16 - 8 - 1945).
D. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 24. *Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi trong 15 ngày, đó là khoảng thời gian nào dưới đây?*

A. Từ ngày 13 đến 27 - 8 - 1945.
B. Từ ngày 14 đến 28 - - 1945.
C. Từ ngày 15 đến 29 - 8 - 1945.
D. Từ ngày 16 đến 30 - 8 - 1945.

Câu 25. *Niên đại nào có quan hệ trực tiếp với câu văn sau đây?*

"Pháp chạy Nhật đầu hàng, Vua Bảo Đại thoái vị. Nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà".

A. 19 - 8 - 1945
B. 23 - 8 - 1945
C. 30 - 8 - 1945
D. 2 - 9 - 1945

Câu 26. *Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là gì?*

A. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.
B. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mọi mặt trận thống nhất.
C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
D. Có hoàn cảnh thuận lợi của chiến tranh thế giới thứ hai: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức - Nhật.

Câu 27. *Cơ sở pháp lí về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam được thể hiện như thế nào trong Tuyên ngôn Độc lập?*

A. Nước Việt Nam thật sự trở thành một nước tự do, độc lập.
B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập.
C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.
D. Tất cả đều đúng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B   2. A   3. C   4. A   5. B   6. B   7. C   8. C
9. C   10. D   11. D   12. B   13. A   14. D   15. B   16. D
17. B   18. B   19. B   20. A   21. C   22. A   23. D   24. B
25. D   26. C   27. B

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. *Phân tích những nét cơ bản của tình hình thế giới và trong nước có liên quan đến chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước của Đảng ta.*

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Tình hình thế giới:

+ Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béc-lin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức. Một loạt nước Đông Âu được giải phóng.

+ Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân Đồng minh giáng cho Nhật những đòn nặng nề.

- *Tình hình trong nước:*

+ Lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt.

+ Trước tình hình đó, quân Nhật ra tay trước. Vào lúc 20 giờ ngày 9 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp. Quân Pháp chống cự yếu ớt một vài nơi rồi mau chóng đầu hàng.

- Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), ngày 12 - 3 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*".

- Hội nghị chủ trương phát động "*cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*".

Câu 2. Trình bày diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 - 1945 đến trước tháng 8 - 1945.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt, châu, huyện. Tại những nơi này, chính quyền nhân dân được thành lập, các hội cứu quốc được củng cố và phát triển.

- Ở Bắc Kì, trước thực tế nạn đói đã diễn ra trầm trọng do chính sách cướp bóc của Pháp-Nhật, Đảng đề ra khẩu hiệu "*Phá kho thóc giải quyết nạn đói*". Khẩu hiệu đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của nông dân, nên tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.

- Đồng thời với phong trào này, làn sóng khởi nghĩa từng phần dâng lên mạnh mẽ. Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Hiệp Hoà (Bắc Giang), Tiên Du (Bắc Ninh) ...

- Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội kích Ba Tơ.

- Hàng nghìn đảng viên, cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hỏa Lò (Hà Nội), Buôn Ma Thuột, Hội An (Quảng Nam) đã đấu tranh đòi tự do hoặc nổi dậy phá nhà giam, vượt ngục ra ngoài hoạt động.

Câu 3. Ghi sự kiện lịch sử vào bảng dưới đây về công cuộc chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
1) Từ 15 đến 20 - 4 - 1945	A ....
2) Ngày 16 - 4 - 19485	B.. ....
3) Ngày 15 - 5 - 1945	C.. ....
4) Ngày 4 - 6 - 1945	D ....

** Hướng dẫn trả lời:*

A. Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì. Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; mở trường đào tạo cấp tốc cán bộ quân sự và chính trị; tích cực phát triển chiến tranh du kích; xây dựng căn cứ địa cách mạng chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

B. Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp.

C. Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành *Việt Nam giải phóng quân.*

D. Theo chỉ thị Hồ Chí Minh, khi giải phóng chính thức được thành lập, gọi là *Khu giải phóng Việt Bắc*, gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc các tỉnh lân cận Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

Câu 4. Điều kiện Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 ở Việt Nam diễn ra như thế nào? Đảng ta đã nhanh chóng chớp thời cơ phát động quần chúng khởi ng'ĩa ra sao?

**** Hướng dẫn trả lời:***

** Điều kiện:*

- Sau khi tiêu diệt hoàn thành phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô bắt đầu tiến công quân Nhật. Ngày 9 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc, Trung Quốc.

- Ngày 14 - 8 - 1945, Hội đồng tối cao chiến tranh và Nội các Nhật họp thông qua quyết định đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Trưa ngày 15 - 8 - 1945, Nhật hoàng chính thức tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh của Nhật.

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng các bọn tay sai của Nhật hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến.

** Chớp thời cơ của Đảng:*

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc.* 23 giờ cùng ngày Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố *"Quân lệnh số 1"* chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, *Đại hội Quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm Quốc ca.

Câu 5. Ghi sự kiện lịch sử vào bảng thống kê dưới đây cho phù hợp với thời gian diễn ra cuộc Tổng nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thời gian	***Sự kiện lịch sử***
Ngày 14 - 8 - 1945	……………………………………………………………… ………………………………………………………………
Chiều 16 - 8 - 1945	……………………………………………………………… ………………………………………………………………
Ngày 18 - 8 - 1945	……………………………………………………………… ………………………………………………………………
Ngày 19 - 8 - 1945.	……………………………………………………………… ………………………………………………………………
Ngày 23 - 8 - 1945	……………………………………………………………… ………………………………………………………………

Ngày 25 - 8 - 1945	....
Ngày 28 - 8 - 1945	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Thời gian	*Sự kiện lịch sử*
Ngày 14 - 8 - 1945	Quảng Ngãi khởi nghĩa giành thắng lợi ở tỉnh lị.
Chiều 16 - 8 - 1945	Một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.
Ngày 18 - 8 - 1945	Nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị.
Ngày 19 - 8 - 1945.	Hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh Sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh... Tối 19-8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.
Ngày 23 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.
Ngày 25 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.
Ngày 28 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi trong toàn quốc.

Câu 6. Phân tích nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Ngày 25 - 8 - 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội

- Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành *Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*. Trong những ngày lịch sử này, Hồ Chí Minh soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*, chuẩn bị cho mọi công việc Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

- Ngày 2 - 9 - 1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, trịnh trọng tuyên bố với quốc dân và thế giới: *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập.*

Nội dung của bản Tuyên ngôn Độc lập:

- Khẳng định quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc: *"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng, tạo hoá cho họ có quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc".*

- Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc ta trên hai phương diện: pháp lí và thực tiễn: *"Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập".*

- Khẳng định thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, bản Tuyên ngôn nêu rõ: *"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà"*

- Cuối bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân Việt Nam khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân Việt Nam quyết giữ vững nền tự do độc lập vừa giành được: *"Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy"*.

- Ngày 2 - 9 - 1945 mãi mãi đi vào lịch sử Việt Nam là một trong những ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc.

Câu 7. Vì sao nói: Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đã tạo ra một biến cố lịch sử trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Cách mạng tháng Tám 1945 *"mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta"*. Nó đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỷ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà - Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

- Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, "có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào".

Câu 8. Phân tích nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám 1945.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân khách quan:

Chiến thắng Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống bọn phát xít, đặc biệt là chiến thắng phát xít Đức và bọn quân phiệt Nhật Bản của Hồng quân Liên Xô đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên Tổng khởi nghĩa.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao cờ cứu nước thì toàn nhân dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

+ Cách mạng tháng Tám 1945 do Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra đường lối chiến lược, chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận Mác - Lê-nin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam.

+ Để giành thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng ta có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm, qua các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, thoái trào cách mạng năm 1932 - 1935, đã đúc rút những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại, đặc biệt là quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa trong thời kì vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

+ Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hi sinh, gian khổ, quyết tâm giành độc lập tự do. Các cấp bộ Đảng và chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền

- *Bài học kinh nghiệm:*

+ Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt được tình hình thế giới và cách mạng trong nước để thay đổi chủ trương chỉ đạo chiến lược cho phù hợp.

+ Bài học về việc giải quyết đúng đắn giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

+ Bài học về tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, trên cơ sở liên minh công nông, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

+ Bài học về sự linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp với chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

+ Bài học về việc kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng để ngày càng vững mạnh về tổ chức, tư tưởng chính trị.

Câu 9. Trong Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm gì từ phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 - 1939?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- *Vận dụng bài học kinh nghiệm trong phong trào cách mạng 1930 - 1931:*

+ Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng. Đây là bài học cơ bản nhất bởi vì, trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Đảng ta đứng đầu là Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương sáng suốt, kịp thời, đúng đắn.

+ Bài học về thực hiện liên minh công - nông: Trong quá trình diễn ra Cách mạng tháng Tám, lực lượng cách mạng hăng hái và đông đảo nhất là công nhân và nông dân, những người góp phần viết nên trang sử vàng của Cách mạng tháng Tám.

+ Bài học về sử dụng bạo lực để giành chính quyền: Cách mạng tháng Tám đi từ đấu tranh chính trị đến khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền trong toàn quốc, trong đó khởi nghĩa vũ trang giữ vai trò quyết định.

+ Bài học về xây dựng chính quyền nhà nước: khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Chính phủ đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Bài học về công tác mặt trận: Để tiến tới Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã cho xây dựng mặt trận nhằm đoàn kết các lực lượng yêu nước chống kẻ thù của dân tộc và chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Đó là Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (1939) và Mặt trận Việt Minh (1941).

- *Vận dụng bài học kinh nghiệm từ phong trào dân chủ 1936 - 1939:*

+ Bài học về tập hợp lực lượng chính trị của đông đảo quần chúng: Cách mạng tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi, bên cạnh lực lượng vũ trang còn có lực lượng chính trị của quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng, khi có lệnh Tổng khởi nghĩa là họ nhất tề vùng dậy.

+ Bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú: Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng bạo lực, ở đó kết hợp được nhiều hình thức và phương đấu tranh phong phú như vũ trang khởi nghĩa, mít tinh, biểu tình, tuần hành, ... để đánh chiếm các trụ sở của địch, giải tán chính quyền địch.

Chương III
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 20 VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM TỪ SAU NGÀY 2 - 9 - 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 - 1945

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khó khăn lớn nhất của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

A. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.
B. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.
C. Âm mưu xâm lược của Tưởng và Pháp.
D. Ngân qũy nhà nước trống rỗng.

Câu 2. Trong các kẻ thù dưới đây, kẻ thù nào trà trộn, dọn đường, tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Bọn Việt Quốc, Việt Cách.
B. Đế quốc Anh.
C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.
D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 3. Khó khăn nào dưới đây được co là khó khăn về đối ngoại ở Việt nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Nạn đói, nạn dốt, giặc ngoại xâm.
B. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng.
C. Nạn ngoại xâm và nội phản.
D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

Câu 4. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở nước ta có thuận lợi nào là cơ bản nhất?

A. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
B. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc.
C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hoà bình dân chủ phát triển.
D. Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dầy dạn kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. Ngày 1 - 6 - 1946, đã ghi dấu ấn vào lịch sử dân tộc ta, đó là ngày gì?

A. Ngày bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
B. Ngày bầu cử Quốc hội trong cả nước.
C. Ngày Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành.
D. Ngày Quốc hội nước ta họp phiên đầu tiên.

Câu 6. Quyền làm chủ của nhân dân ta được thể hiện sớm nhất và có hiệu quả nhất trong sự kiện nào dưới đây?

A. Tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
B. Tham gia thảo luận Hiến pháp mới (1946).
C. Tham dự phiên họp đầu tiên của Quốc hội.
D. Tham gia bầu cử Quốc hội.

Câu 7. Ngày 2 - 3 - 1946 đi vào lịch sử nước ta, đó là ngày:

A. Tổ chức phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta.
B. Bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước ta.
C. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh mở Nha Bình dân học vụ.
D. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam .

Câu 8. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự.., thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945

C. Tuyên ngôn Độc lập 2 - 9 - 1945.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I (6 - 1 - 1946).

Câu 9. Đến tháng 9 năm 1945, lực lượng Vệ quốc đoàn được thành lập trên cơ sở lực lượng vũ trang nào trước đó?

A. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. C. Đội Việt Nam Giải phóng quân.

B. Đội du kích Bắc Sơn và Thái Nguyên. D. Đội Cứu quốc quân.

Câu 10. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

B. Giải quyết về vấn đề tài chính.

C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

D. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 11. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, để đẩy lùi nạn đói, Đảng và Chính phủ đề ra nhiều biện pháp, biện pháp nào dưới đây là quan trọng nhất?

A. Lập hũ gạo tiết kiệm.

B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

C. Tăng cường sản xuất.

D. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

Câu 12. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Dựa vào lòng nhiệt tình yêu nước của nhân dân.

B. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31 - 1 - 1946).

C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23 - 11 - 1941).

D. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 13. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính sách nào dưới đây do Chính phủ ta ban hành có thể thực hiện được ngay?

A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.

B. Chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

C. Ra thông tư giảm tô.

D. Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác.

Câu 14. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ vào ngày tháng năm nào?

A. 7 - 3 - 1945 B. 8 - 9 - 1945 C. 9 - 9 - 1945 D.10 - 9 - 1945

Câu 15. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện "Tuần lễ vàng", "Quỹ độc lập" nhằm mục đích gì?

A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

B. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.

D. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

Câu 16. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước vào thời gian nào?

A. 23 - 11 - 1946 B. 24 - 11 - 1946 C. 25 - 11 – 1946 D. 26 - 11 - 1946

Câu 17. Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói?

A. "Không một tấc đất bỏ hoang".

B. "Tấc đất, tấc vàng".

C. "Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!".

D. Tất cả các câu trên.

Câu 18. Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1946 là ai?

A. Lơ-cơ-léc. B. Bô-la-éc C. Đác-giăng-li-ơ. D. Rơ-ve.

Câu 19. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Ngày 2 - 9 - 1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và nhiều người bị thương.

B. Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.

C. Ngày 17- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

D. Ngày 18 - 12 - 1946, thực dân Pháp gởi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

Câu 20. Trước ngày 6 - 3 - 1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

A. Hoà với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

B. Hoà với Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc.

C. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

D. Câu A va B đúng.

Câu 21. Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?

A. Ta chưa đủ sức đánh hai vạn quân Tưởng.

B. Tưởng có bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách hỗ trợ từ bên trong.

C. Tránh trình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

Câu 22. Nội dung đầu tiên của Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?

A. Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thoả thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay cho quân Trung Hoa Dân quốc...

D. Câu A và B đúng.

Câu 23. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tạm ước 14 - 9 - 1946 với Chính phủ Pháp tại đâu?

A. Thành phố Đà Lạt. B. Phông-ten-blô.

C. Pa-ri. D. Thủ đô Hà Nội.

Câu 24. Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hoà hoãn nhân nhượng Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Trung Hoa Dân quốc đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 25. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc?

A. Quốc hội khoá I (2 - 3 - 1946) nhường cho Trung Hoa Dân quốc một số ghế trong Quốc hội.
B. Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 2 - 1946).
C. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp (6 - 3 - 1946).
D. Tạm ước Việt - Pháp (14 - 9 - 1946).

Câu 26. Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946?

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc.
B. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
C. Tranh thủ thời gian hoà hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.
D. A, B và C đúng.

Câu 27. Nội dung nào dưới đây có trong Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng, là thành viên của Liên bang Đông Dương và nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.
D. Chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia độc lập, có chính phủ riêng, quân đội riêng và nền tài chính riêng.

Câu 28. Để đối phó với hai kẻ thù Trung Hoa Dân quốc và Pháp, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp. Chủ trương biện pháp nào sau đây được xem là đau đớn nhất để cứu vãn tình hình?

A. Để tay sai Trung Hoa Dân quốc được tham gia Quốc hội và Chính phủ.
B. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố giải tán (11-11-1945) mà sự thật là rút vào bí mật.
C. Nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" của Tưởng.
D. Kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946, đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 29. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-blô (Pháp) không có kết quả?

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.
B. Thời gian đàm phán ngắn.
C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.
D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Câu 30. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	***B***
1) 6 - 1 - 1946	A. 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào miền Bắc nước ta.
2) 2 - 3 - 1946	B. Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp phiên đầu tiên.
3) Từ vĩ tuyến 16 trở ra	C. Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ.
4) 8 - 9 - 1945	D. Tổng tuyển cử trong cả nước.
5) 6 - 3 - 1946	E. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.
6) 6 - 9 - 1945	F. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam.
7) 31 - 1 - 1946	G. Tạm ước 14 - 9 - 1946.
8) 23 - 11 - 1946	H. Hiệp định Sơ bộ được kí kết.
9) 14 - 9 - 1946	I. Pháp quay lại xâm lược nước ta.
10) 23 - 9 - 1945	K. Quân Anh đến Sài Gòn.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. B 3. C 4. D 5. B 6. D 7. A 8. D
9. C 10. D 11. C 12. A 13. D 14. B 15. A 16. A
17. C 18. C 19. A 20. A 21. C 22. B 23. C 24. C
25. B 26. B 27. B 28. B 29. A
30. 1: D, 2: B, 3: A, 4: C, 5: H, 6: K, 7: E, 8: F, 9: G, 10: I.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 có những thuận lợi và khó khăn gì? Nêu khó khăn lớn nhất đưa nước ta đứng trước tình thế như "ngàn cân treo sợi tóc".

**** Hướng dẫn trả lời:***

** Thuận lợi:*

- Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do, nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

- Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dầy dạng kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

** Khó khăn:*

- Về đối ngoại: Quân đội các nước Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, đã lũ lượt kéo vào nước ta.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, có 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Chúng kéo theo bọn tay chân từ các tổ chức phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách).

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh trà trộn một số quân Pháp nhằm quay trở lại xâm lược nước ta. Lợi dụng tình hình đó bọn phản động ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng.

- Về đối nội:

+ Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố; lực lượng vũ trang còn non yếu.

+ Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục. Nạn lụt lớn, làm vỡ đê 9 tỉnh Bắc Bộ, rồi hạn hán kéo dài làm cho nửa tổng số ruộng đất không cày cấy được. Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

+ Về tài chính, ngân sách Nhà nước lúc này hầu như trống rỗng. Chính quyền cách mạng lại chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương. Trong lúc đó, quân Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

+ Về văn hoá, di sản văn hoá lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ.

- Khó khăn lớn nhất đưa nước ta đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" là khó khăn về đối ngoại. Nghĩa là phải đối phó với các thế lực của Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc và của Pháp ở miền Nam.

Câu 2. Những thành tựu chủ yếu trong năm đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết khó khăn của đất nước sau Cách mạng tháng Tám 1945.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Về chính trị - quân sự:

+ Chỉ một tuần sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước (8 - 9 - 1945).

+ Ngày 6 - 1 - 1946, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu vào Quốc hội 333 đại biểu khắp Bắc - Trung - Nam, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân.

+ Ngày 2 - 3 - 1946, tại phiên họp đầu tiên tại Hà Nội, Quốc hội thông qua danh sách *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra *Ban dự thảo Hiến pháp*. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua ngày 9 - 11 - 1946.

+ Lực lượng vũ trang được xây dựng. *Việt Nam Giải phóng quân*, thành lập tháng 5 - 1945, được chấn chỉnh và đổi thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam*. Cuối năm 1945, lực lượng dân quân tự vệ tăng lên hàng chục vạn người, có mặt hầu hết các thôn xã, đường phố, xí nghiệp trên khắp cả nước.

- *Về kinh tế:*

+ Biện pháp cấp thời: Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước *"Nhường cơm sẻ áo"*. Nghe lời Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên khắp cả nước, nhân dân ta lập "*Hũ gạo cứu đói*", tổ chức *"Ngày đồng tâm"*, không dùng gạo, ngô, khoai, sắn... nấu rượu.

+ Biện pháp lâu dài: Để giải quyết căn bản nạn đói, tăng gia sản xuất là biện pháp hàng đầu và có tính chất lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi "*Tăng gia sản xuất ! Tăng sản xuất ngay! Tăng sản xuất nữa!*".

Nhờ những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi một bước.

- *Về tài chính:*

+ Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng *"Quỹ độc lập"*, phong trào *"Tuần lễ vàng"* do Chính phủ phát động, nhân dân ta hăng hái đóng góp tiền, của, vàng, bạc ủng hộ nền độc lập của Tổ quốc.

+ Ngày 31 - 1 - 1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đến ngày 23 - 11 - 1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước thay cho tiền Đông Dương của Pháp trước đây.

- *Về văn hoá - giáo dục:*

+ Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập *Nha Bình dân học vụ*, là cơ quan chuyên lo việc chống "*giặc dốt*", và kêu gọi nhân dân trong cả nước tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Trong vòng một năm, từ ngày 8 - 9 - 1945 đến ngày 8 - 9 - 1946, trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

+ Trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng nhằm đào tạo những công dân và cán bộ trung thành, có năng lực phụng sự tổ quốc.

+ Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc - dân chủ.

Câu 3. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam diễn ra như thế nào?

- Ngày 2 - 9 - 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng "*Ngày độc lập*", thực dân Pháp xả súng vào đám đông, làm 47 người chết và làm nhiều người bị thương.

- Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống xâm lược. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp, đánh phá kho tàn, phá nhà giam.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đánh địch, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đấu tranh triệt phá nguồn tiếp tế của địch, từ chối hợp tác với chúng, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố. Các công sở, trường học, nhà máy, hãng buôn đóng cửa, chợ không họp, tàu xe ngừng chạy, điện nước bị cắt... Quân Pháp trong thành phố bị bao vây và luôn bị tiến công.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh huy động lực lượng cả nước chi viện cho Nam bộ và Nam Trung bộ kháng chiến. Hàng vạn thanh niên hăng hái gia nhập quân đội, sung vào các "*đoàn quân Nam tiến*" sát cánh cùng với nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ chiến đấu. Những cán bộ chiến sĩ hăng hái, có ít nhiều kinh nghiệm chiến đấu, những vũ khí, trang bị của ta tốt nhất lúc đó đều dành cho bộ đội Nam tiến. Nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền, gạo, áo, quần, thuốc men... gửi ủng hộ nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

Câu 4. Từ cuộc đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc đến việc của việc kí kết Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp ngày 6 - 3 - 1946 diễn ra như thế nào? Nội dung và ý nghĩa của bản Hiệp định Sơ bộ.

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Trong tình thế cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng ta chủ trương phân hoá kẻ thù bằng việc thực hiện sách lược mềm dẻo và đảm bảo nguyên tắc cứng rắn.

- Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc: Thực hiện sách lược hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc.

  + Nhường cho các Đảng Việt Quốc, Việt Cách tay sai của Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc hội không bầu cử, 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp chính thức.

  + Nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế, như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông vận tải, cho phép dùng tiền Trung Quốc trên thị trường.

- Đối với tổ chức phản cách mạng, tay sai của Trung Hoa Dân quốc (Việt Quốc, Việt Cách).

  + Chính quyền cách mạng dựa vào quần chúng, kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng.

  + Những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng thì bị trừng trị theo pháp luật.

  + Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

Những biện pháp sách lược nhân nhượng trên đây đã hạn chế các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của quần chúng.

- Trong khi ta thực hiện hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc, thực dân Pháp điều đình với Chính phủ Trung Hoa Dân quốc, kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 2 - 1946), theo đó Trung Hoa Dân quốc được Pháp trả lại các tô giới và nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và được vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng và Hoa Nam không phải đóng thuế. Để đổi lại, Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- Hiệp ước Hoa - Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc; hoặc hoà hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với một lúc với nhiều kẻ thù.

- Ngày 3 - 3 - 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp "hoà để tiến".

- Chiều 6 - 3 - 1946, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính Phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với G.Xanh-tơ-ni - đại diện Chính phủ Pháp - bản *Hiệp định Sơ bộ.*

- *Nội dung Hiệp định:*

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng, và là thành viên Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thỏa thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng ở những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

- Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi cho đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn các vấn đề ngoại giao của Việt Nam, chế độ tương lai của Đông Dương, quyền lợi kinh tế và văn hoá của người Pháp ở Việt Nam.

- *Ý nghĩa:*

- Kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946, tạm thời hoà hoãn với Pháp, ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

- Ta có thêm thời gian hoà bình củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Bài 21 NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ?

A. Hội nghị ở Phông-ten-blô không thành công.

B. Pháp bội ước trong việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946.

C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội.

D.Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 2. Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, thực dân Pháp khiêu khích và đánh chiếm trái phép với ta ở đâu?

A. Ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hải Dương.

B. Ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Quảng Nam, Hải Dương.

C. Ở Hải Phòng, Bắc Kạn, Đà Nẵng, Hải Dương.

D. Ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hải Hưng.

Câu 3. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ lúc nào?

A. Ngày 18 - 12 - 1946.
B. Đêm 19 - 12 - 1946.
C. Đêm 20 - 12 - 1946.
D. Ngày 22 - 12 - 1946.

Câu 4. Hành động nào dưới đây được coi là nghiêm trọng và trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước trở lại xâm lược nước ta?

A. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng.

B. Ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. Ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.

D. Gửi tối hậu thư đòi chính phủ hạ vũ khí đầu hàng.

Câu 5. Văn kiện nào thể hiện đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Bản Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Ban thường vụ Trung ương Đảng.

C. Tác phẩm *"Kháng chiến nhất định thắng lợi"* của Trường Chinh.

D. Tất cả các văn kiện trên.

Câu 6. Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta đề ra là:

A. Kháng chiến toàn dân và toàn diện.

B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.

C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và dựa vào sức mình là chính.

Câu 7. Nơi nào hưởng ứng "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên?

A. Hà Nội. B. Nam Định. C. Huế. D. Sài Gòn.

Câu 8. Trung đoàn Thủ đô được lệnh rút khỏi Hà Nội vào thời gian nào?

A. 15 - 2 - 1947 B. 16 - 2 - 1947 C. 17 - 2 - 1947 D. 18 - 2 - 1947

Câu 9. Mục đích chiến đấu ở các đô thị của quân dân ta là gì?

A. Để vây hãm địch, đảm bảo cho việc chuyển quân của ta.

B. Ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.

D. A và B đúng.

Câu 10. Cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947) có nghĩa lịch sử như thế nào?

A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

C. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện.

D. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

Câu 11. Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị, thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

A. Hải Phòng, Đà Nẵng. B. Hải Phòng, Huế, Nam Định.

C. Hà Nội. D. Vinh.

Câu 12. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 19 - 12 - 1946 đến 2 - 1947. B. Từ 19 - 12 - 1946 đến 10 - 1947.

C. Từ 19 - 12 - 1946 đến 12 - 1947. D. Từ 19 - 12 - 1946 đến 8 - 1950.

Câu 13. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ 7 - 11 đến 19 - 12 - 1947. B. Từ 7 - 10 đến 19 - 12 - 1947.

C. Từ 7 - 10 đến 20 - 12 - 1947. D. Từ 16 - 8 đến 19 - 12 - 1947.

Câu 14. Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc là cánh quân nào?

A. Một binh đoàn quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới.

B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội dọc theo sông Hồng, sông Lô lên Thái Nguyên rồi vòng về Bắc Kạn.

C. Một bộ phận từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Kạn.

D. Một bộ phận từ Thái Nguyên đánh lên Bắc Kạn.

Câu 15. Trong những năm 1947 - 1948, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?

A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật.

D. Câu B và C đúng.

Câu 16. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là gì?

A. Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. Bộ đội của ta được trưởng thành lên trong chiến đấu.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch.

D. Làm thất bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh", buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 17. Thắng lợi đó đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến của Đảng, là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Đó là ý nghĩa của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

C. Chiến dịch Tây Bắc năm 1952.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 18. Tháng 6 năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào:

A. Thi đua yêu nước toàn quốc. B. Thi đua chống Pháp toàn quốc.

C. Thi đua giết giặc lập công. D. Tất cả các phong trào trên.

Câu 19. Đầu năm 1949, Chính phủ quyết định việc gì có liên quan đến việc kiện toàn chính quyền nhân dân?

A. Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

B. Bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp.

C. Bầu cử Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc.

D. Tất cả các việc làm trên.

Câu 20. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

A. "Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước".

B. "Phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ".

C. "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

D. "Tập trung quân Âu - Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai".

Câu 21. Tháng 7 - 1950, Chính phủ ta đề ra chủ trương gì có liên quan đến công tác giáo dục?

A. Cải cách giáo dục. B. Xoá nạn mù chữ.

C. Mở Nha Bình dân học vụ. C. Tất cả các chủ trương trên.

Câu 22. Ngày 30 - 2 - 1950, các nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta?

A. Liên Xô và Trung Quốc. B. Các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Lào, Cam-pu-chia. D. Các nước ở khu vực Đông Nam Á.

Câu 23. Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam?

A. Liên Xô B. Trung Quốc C. Lào D. Cam-pu-chia

Câu 24. Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương thông qua sự kiện nào?

A. Đồng ý cho Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơ-ve năm 1949 ở Đông Dương.

B. Trực tiếp viện trợ cho Pháp mở rộng chiến tranh Đông Dương.

C. Đồng ý cho Chính phủ Pháp lập phòng tuyến boongke và vành đai trắng ở đồng bằng Bắc Bộ.

D. Đồng ý cho Pháp đưa quân Âu - Phi sang tham chiến trên chiến trường Đông Dương.

Câu 25. Ngày 7 - 2 - 1950, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến Mĩ trong việc dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương?

A. Mĩ đặt phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự (MAAG) ở Việt Nam.

B. Mĩ đồng ý cho Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơ-ve.

C. Mĩ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

D. Mĩ đồng ý viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp.

Câu 26. Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1949 là:

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 và thiết lập "hành lang Đông Tây" (Hải Phòng, Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La).

B. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung du.

C. Lập phòng tuyến "boong ke" và "vành đai trắng" xung quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ .

D. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

Câu 27. - Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- Khai thông biên giới Việt - Trung.
- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc .

Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông - 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu đông - 1950.

C. Chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc - Thượng Lào.

D. Câu A và B đúng.

Câu 28. Ngày 16 - 9 - 1950 diễn ra sự kiện gì trong chiến dịch Biên giới?

A. Các đơn vị quân đội ta nổ súng đánh Thất Khê, mở đầu cho chiến dịch Biên giới.

B. Các đơn vị quân đội ta nổ súng đánh Đông Khê, mở đầu cho chiến dịch Biên giới.

C. Các đơn vị quân đội ta nổ súng đánh Cao Bằng, mở đầu cho chiến dịch Biên giới.

D. Các đơn vị quân đội ta nổ súng đánh Na Sầm, mở đầu cho chiến dịch Biên giới.

Câu 29. Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"

B. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

C. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!".

D. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

Câu 30. Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Trận đánh ở Cao Bằng. B. Trận đánh ở Đông Khê.
C. Trận đánh ở Thất Khê. D. Trận đánh ở Đình Lập.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. A 3. B 4. D 5. D 6. D 7. A 8. C
9. D 10. C 11. C 12. A 13. C 14. A 15. B 16. D
17. A 18. A 19. C 20. B 21. A 22. B 23. B 24. A
25. C 26. A 27. B 28. B 29. C 30. B

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Thái độ của ta và Pháp sau khi kí kết Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946. Trước thái độ và hành động của thực dân Pháp, nhân dân ta đã phải làm gì?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946 về Việt Nam, Chính phủ ta thực hiện nghiêm chính những điều khoản của Hiệp định và Tạm ước. Còn Chính phủ Pháp đã bội ước:

+ Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tiến đánh các vùng tự do của ta.

+ Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, hạ tuần tháng 11 - 1946, thực dân Pháp khiêu khích tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Tháng 12 - 1946, chúng chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, đưa thêm viện binh đến Hải Phòng

+ Ở Hà Nội, trong các ngày 15 và 16 - 12, quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn ở nhiều nơi: đốt nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền, chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính và Bộ

Giao thông công chính. Chúng còn cho xe phá các công sự của ta ở phố Lò Đúc, gây ra những vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh, đầu cầu Long Biên, khu Cửa Đông...

+ Trắng trợn hơn, trong các ngày 18 và 19 - 12 - 1946, tướng Moóc-lie gửi tối hậu thư đòi ta phá bỏ mọi công sự và chướng ngại trên các đường phố, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ trật tự ở Hà Nội. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì chậm nhất là vào sáng 20 - 12 - 1946, quân Pháp sẽ chuyển sang hành động!

- Trước thái độ và hành động của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ còn một con đường là cầm vũ khí đứng lên chống thực dân Pháp, cứu Tổ quốc.

- Để kêu gọi đồng bào cả nước chống Pháp, vào đêm 19 - 12 - 1946, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.* Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Câu 2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta được thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào? Nội dung và phương châm của đường lối kháng chiến đó là gì?

**** Hướng dẫn trả lời:***

Các văn kiện	*Nội dung*
1) Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 18 và 19 - 12 - 1946)	Quyết định phát động cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
2) Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đêm 19 - 12 -1946	- Nguyên nhân của cuộc kháng chiến là do Pháp bội ước. - Nêu quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta. - Thể hiện cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.
3) Thư của Hồ Chí Minh ngày 21 - 12 - 1946	Kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp và kêu gọi nhân dân nước Pháp cũng như các nước Đồng minh ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.
4) Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh vào 3 - 1947	Giải thích cụ thể đường lối kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.
Nội dung và phương châm của cuộc kháng chiến	Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Câu 3. Tóm tắt cuộc chiến đấu ở các đô thị mở đầu cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta theo bảng thống kê dưới đây:

Yêu cầu	*Nội dung sự kiện*
1) Thời gian bùng nổ và kết thúc	....
2) Phạm vi	....
3) Mục đích	....
3) Cuộc chiến đấu ở Hà Nội	....

4) Cuộc chiến đấu ở các đô thị khác:	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Yêu cầu	***Nội dung sự kiện***
1) Thời gian bùng nổ và kết thúc	Từ đêm 19 - 12 - 1946 đến 2 - 1947.
2) Phạm vi	Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.
3) Mục đích	- Tiêu hao sinh lực địch. - Giam chân địch trong thành phố. - Bảo đảm cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ địa cách mạng an toàn.
3) Cuộc chiến đấu ở Hà Nội	- Trưa ngày 19 - 12 - 1946, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã chỉ thị cho các mặt trận trong cả nước "*Chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, giặc Pháp sẽ nổ súng. Tất cả hãy sẵn sàng!*". - Khoảng 20 giờ ngày 19 - 12 - 1946, công nhân nhà máy điện Yên Phụ (Hà Nội) phá máy, cả thành phố tắt điện, cuộc chiến đấu bắt đầu. Vệ quốc quân, công an xung phong, tự vệ chiến đấu đồng loạt tiến công các vị trí quân Pháp. - Từ 19 - 12 đến 29 - 12 - 1946 đã diễn ra những cuộc đấu tranh quyết liệt ở nội thành, hai bên giành nhau từng khu nhà, góc phố như ở Bắc Bộ phủ, Bưu điện Bờ hồ, đầu cầu Long Biên, sân bay Bạch Mai, ga Hàng Cỏ, ở các phố Khâm Thiên, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Da, Hàng Trống... - Từ ngày 30 - 2 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947, địch phản công ta phải thu hẹp phạm vi chiến đấu, chuyển lực lượng về Liên khu I. Trong quá trình chiến đấu, *Trung đoàn Thủ đô* chính thức thành lập.
4) Cuộc chiến đấu ở các đô thị khác	- Ở thành phố Nam Định, quân dân ta bao vây địch từ ngày 19 - 12 -1946 đến 12 - 3 - 1947, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 400 tên. - Ở thành phố Vinh, ngay từ đầu cuộc chiến đấu, quân dân ta đã buộc địch đầu hàng. - Ở thành phố Huế, trong 50 ngày đêm quân dân ta bao vây, cô lập sân bay đánh lùi nhiều cuộc chiến tranh phá vây của địch.

Câu 4. Để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, Đảng và Chính phủ ta đã xây dựng lực lượng kháng chiến mọi mặt như thế nào?

Đảng, Chính phủ lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt

- *Về chính trị*, Chính phủ quyết định chia cả nước thành 14 khu hành chính. Các Ủy ban hành chính chuyển thành *Ủy ban kháng chiến hành chính* để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Liên Việt)

- *Về kinh tế,* Chính phủ đề ra các chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực. Sản lượng lúa năm 1947 đạt 2.189.000 tấn.

- *Về quân sự,* Chính phủ quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được tuyển chọn tham gia các lực lượng chiến đấu. Lực lượng vũ trang qua các cấp không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị.

- *Về văn hoá,* phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và phát triển. Trường phổ thông các cấp được xây dựng. Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng.

Câu 5. Trình bày âm mưu của thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Quân dân ta đánh bại âm mưu đó như thế nào?

* *Âm mưu của Pháp:*

- Tháng 4 - 1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-éc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương, thay Đác-giăng-li-ơ. Bô-la-éc vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc nhằm:

+ Đánh phá căn cứ địa, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta.

+ Triệt đường liên lạc quốc tế của ta.

+ Giành giành thắng lợi quân sự, tiến tới thành lập chính phủ bù nhìn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

- Thực dân Pháp huy động 12000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tiến công Việt Bắc từ ngày 7 - 10 - 1947

* *Quân dân ta chiến đấu đánh bại âm mưu của Pháp:*

Khi vừa tiến công Việt Bắc, Đảng ta đã có chỉ thị *"Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp".*

Trên khắp các mặt trận, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, từng bước đẩy lùa cuộc tiến công của địch.

- Ở mặt trận Đường số 3; quân ta đánh trên 20 trận lớn nhỏ buộc Pháp phải rút lui khỏi Chợ Đồn, Chợ Mới vào cuối tháng 11 - 1947.

- Ở mặt trận Đường số 4, quân ta tiến hành nhiều trận phục kích, tiêu hao nhiều lực lượng địch. Đặc biệt trận phục kích ở đèo Bông Lau (30 - 10 - 1947), ta đã phá hủy 27 xe, bắt sống 240 tên địch.

- Ở mặt trận sông Lô, quân ta chặn đánh địch nhiều trận trên sông. Một đoàn tàu chiến địch gồm 5 chiếc, có máy bay yểm trợ, đi từ Tuyên Quang đến Đoan Hùng thì rơi vào trận địa phục kích, bị quân ta bắn cháy hai tàu, bắn bị thương hai tàu khác. Ngày 10 - 11 - 1947, đoàn tàu từ Chiêm Hoá về Tuyên Quang lại bị quân ta phục kích ở Khe Lau (ngã ba sông Gâm - sông Lô), hai tàu chiến, một ca nô bị bắn cháy, hàng trăm tên địch bị tiêu diệt.

Như vậy, hai gọng kìm Đông và Tây của địch đã bị bẻ gẫy, không khép kín lại được.

- Cuộc chiến đấu hơn hai tháng giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại đội quân Pháp khỏi Việt Bắc vào ngày 19 - 12 - 1947. Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn. Bộ đội chủ lực của ta đã trưởng thành.

- Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Pháp tuy vẫn còn chiếm đóng một số vị trí trên đường số 3, số 4; nhưng không thực hiện được ý đồ *"đánh nhanh, thắng nhanh".*

Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

Câu 6. Ghi nội dung các lĩnh vực kháng chiến của quân dân ta sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 theo yêu cầu sau: ***- Kinh tế*** ***- Chính trị***

- Quân sự ***- Văn hoá giáo dục.***

*** *Hướng dẫn trả lời:***

Lĩnh vực	*Nội dung*
1) Kinh tế	- Chính phủ ra các sắc lệnh giảm tô 25%, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ, chia lại ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất vắng chủ, ruộng đất cấp từ tay đế quốc, bọn phản động. - Công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển theo quy mô nhỏ và phân tán, chú trọng công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của đời sống và chiến đấu.
2) Chính trị	- Đảng và Chính phủ ta chủ trương tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến kiến quốc. - Đầu năm 1949, Chính phủ quyết định tổ chức bầu cử *Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban kháng chiến hành chính* các cấp. - Tháng 6 - 1949, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định tiến tới thống nhất hai tổ chức.
3) Quân sự	Đảng và Chính phủ chủ trương động viên nhân dân thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích, tiến hành du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, rồi từ du kích đến tiến dần lên vận động chiến.
4)Văn hoá, giáo dục.	- Năm 1948, tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Tổng Bí thư Trường Chinh đọc báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam*. - Phong trào "Bình dân học vụ" và giáo dục phổ thông các cấp được duy trì và phát triển. - Tháng 7 - 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông nhằm xóa bỏ những tàn tích của nền giáo dục thực dân phong kiến, hướng giáo dục phục vụ nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc và đặt nền móng cho nền giáo dục dân tộc, dân chủ Việt Nam.

Câu 7. Hãy trình bày mục đích, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

a. Mục đích mở chiến dịch của ta:

Để khắc phục khó khăn đó, đưa cuộc kháng chiến phát triển lên bước mới, tháng 6 - 1950, Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch biên giới nhằm:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ.
- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc khánh chiến tiến lên.

b. Diễn biến của chiến dịch:

- Ngày 16 - 9 - 1950, các đơn vị quân đội ta nổ súng mở đầu chiến dịch bằng trận đánh vào vị trí Đông Khê và đã giành thắng lợi. Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê lâm vào tình thế bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4 và từ Thất Khê tiến lên Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về.

- Từ ngày 1 - 10 đến 8 - 10 - 1950, quân ta liên tục mở những cuộc bao vây, đánh chặn địch:

+ Ở phía Thất Khê, Đơ-la-gôm dẫn hơn 600 quân lê dương và lính dù ứng cứu cho Lơ Pa-giơ và Sác-lông, bị quân ta chặn đánh dữ dội phải tháo chạy về Thất Khê. Ngày 8 - 10 - 1950, địch chạy khỏi Thất Khê và Na Sầm. Ngày 13 - 10 - 1950, địch rút khỏi Na Sầm về Lạng Sơn. Trong khi đó, cuộc hành quân của địch lên Thái Nguyên cũng bị quân ta chặn đánh.

+ Quân Pháp trở nên hoảng loạng ngày 17 - 10 rút khỏi Đồng Đăng, ngày 18 - 10 rút khỏi Lạng Sơn. Các vị trí còn lại trên Đường số 4 như Lộc Bình, Đình Lập, An Châu cũng rút chạy ngày 22 - 10 - 1950.

c. Kết quả:

- Chiến dịch Biên giới kết thúc, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch, thu trên 3000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Giải phóng tuyến biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng *"hành lang Đông -Tây"* của Pháp. Kế hoạch Rơ-ve bị phá sản.

d. Ý nghĩa:

Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước XHCN được khai thông; quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Đông Dương), mở bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Bài 22 BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1951 - 1953)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Mĩ kí với Pháp hiệp định "Phòng thủ chung Đông Dương" vào thời gian nào?

A. Ngày 12 tháng 3 năm 1950.
B. Ngày 22 tháng 3 năm 1950.
C. Ngày 23 tháng 12 năm 1950.
D. Ngày 25 tháng 12 năm 1950.

Câu 2. Tháng 9 năm 1951, Mĩ đã kí với Chính phủ Bảo Đại Hiệp ước gì?

A. Đưa Bảo Đại lên làm Tổng thống ở Việt Nam.
B. Kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ.
C. Kí với Bảo Đại Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
D. Đưa Bảo Đại lên làm Quốc trưởng ở Việt Nam.

Câu 3. "Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển ngụy quân". Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

A. Rơ-ve.
B. Na-va.
C. Đờ-lat-đơ Tát-xi-nhi.
D. Đờ-cát Tơ-ri.

Câu 4. Pháp thông qua kế hoạch Đờ-lát-đờ Tát-xi-nhi vào tháng 12 năm 1950 thể hiện điều gì?

A. Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ trong việc đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.
B. Sự can thiệp ngày càng sâu của Mĩ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương.
C. Sự "dính líu trực tiếp" của Mĩ vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
D. Sự bất hợp tác của Pháp đối với Mĩ.

Câu 5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng họp vào thời gian nào?

A. Từ 11 đến 19 - 2 - 1951.
B. Từ 10 đến 20 - 2 - 1951.
C. Từ 10 đến 19 - 5 - 1951.
D. Từ 11 đến 19 - 2 - 1951.

Câu 6. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp ở đâu?

A. Tại Bắc Pó (Cao Bằng).
B. Tại Hà Nội.
C. Tại Tân Trào (Tuyên Quang).
D. Tại Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

Câu 7. Vì sao Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng.

B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.

C. Đảng ta đã hoạt động công khai.

D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 8. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam được thông qua tại Đại hội đại biểu của Đảng lần thứ II là gì?

A. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ.

B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

C. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

Câu 9. Ai được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ II?

A. Hồ Chí Minh. B. Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh. D. Trần Phú.

Câu 10. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo, đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi". Đó là ý nghĩa của:

A. Hội nghị thành lập Đảng (3 - 2 - 1930).

B. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10 - 1930).

C. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935).

D. Đại hội lần thứ II của Đảng (2 - 1951).

Câu 11. Sự kiện chính trị quan trọng nhất trong những năm 1951 - 1952 là gì?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2 - 1951).

B. Đại hội thống nhất Việt minh - Liên Việt (3 - 3 - 1951).

C. Hội nghị thành lập "Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào".

D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I (1-5-1952).

Câu 12. Mặt trận Liên Việt ra đời vào thời gian nào? Do ai làm chủ tịch?

A. 19 - 2 - 1950. Do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

B. 5 - 6 - 1951. Do Trường Chinh làm Chủ tịch.

C. 7 - 3 - 1951. Do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch.

D. 3 - 6 - 1951. Do Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Câu 13. Liên minh Việt - Miên - Lào được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 13 tháng 1 năm 1951. B. Ngày 11 tháng 3 năm 1951.

C. Ngày 13 tháng 3 năm 1951. D. Ngày 11 tháng 5 năm 1951.

Câu 14. Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua ái quốc, có anh hùng nào tham gia trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa. B. La Văn Cầu.

C. Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị. D. Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh.

Câu 15. Để thực hiện bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953, Đảng và Chính phủ có chủ trương gì?

A. Triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

B. Thực hiện khai hoang với khẩu hiệu "Tấc đất tấc vàng".

C. Thực hành tiết kiệm.

D. Tất cả các chủ trương trên.

Câu 16. Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh địch ở trung du và đồng bằng, đó là những chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hoà Bình.
B. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đường số 18.
C. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hà - Nam - Ninh.
D. Chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

Câu 17. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 2 - 1952, quân dân ta mở chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Hoà Bình.
B. Chiến dịch Tây Bắc.
C. Chiến dịch Thượng Lào.
D. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

Câu 18. Trong chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã giải phóng được các tỉnh nào?

A. Toàn bộ tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.
B. Gần hết tỉnh Nghĩa Lộ, toàn bộ tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.
C. Gần hết tỉnh Lai Châu, một phần tỉnh Nghĩa Lộ và Sơn La.
D. Gần hết các tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La, Lai Châu.

Câu 19. Trong chiến dịch Thượng Lào, quân dân Việt- Lào đã giải phóng:

A. Toàn bộ tỉnh Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong-xa-lì.
B. Toàn bộ tỉnh Phong-xa-lì, gần hết tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng.
C. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong-xa-lì.
D. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, gần hết tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Phong-xa-lì.

Câu 20. Người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo được đặt tên cho chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Đường số 18.
B. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh.
C. Chiến dịch Hoà Bình.
D. Chiến dịch Trung du.

Câu 21. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong thời gian nào?

A. Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đến 1951 - 1953.
B. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 đến 1953.
C. Từ những năm 1953 - 1954.
D. Câu A và B đúng.

Câu 22. Sau khi chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy cho biết chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất?

A. Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo).
B. Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám).
C. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung).
D. Chiến dịch Hoà Bình.
E. Chiến dịch Tây Bắc.
F. Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 23. Tháng 11 - 1951, địch mở chiến dịch Hoà Bình (Lô-tuýt) với âm mưu gì?

A. Mở rộng địa bàn chiếm đóng.
B. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc với liên khu III và IV.
C. Giành lại quyền chủ động, nối lại "hành lang Đông - Tây" chia cắt Việt Bắc với Liên khu III và IV.
D. Giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

Câu 24. Kết quả to lớn của chiến dịch Hoà Bình là gì?

A. Ta giành được thế chủ động trên chiến trường.
B. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.
C. Lực lượng của ta trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt.
D. Căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền nhau thành thế liên hoàn vững chắc.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. B 3. C 4. B 5. D 6. D 7. D 8. C
9. C 10. D 11. A 12. C 13. B 14. B 15. A 16. C
17. A 18. A 19. C 20. D 21. A 22. D 23. C 24.D

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

a. Hoàn cảnh:

- Từ ngày 11 đến 19 - 2 - 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang).
- Dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên.

b. Nội dung Đại hội: thông qua hai bản báo cáo quan trọng:

- *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh oanh liệt từ ngày ra đời, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng
- *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.
- Đại hội quyết định thành lập *Đảng Lao động Việt Nam* và đưa Đảng ra hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam.
- Đại hội thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*; Quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan Trung ương Đảng.
- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được làm Tổng Bí thư của Đảng.

c. Ý nghĩa: Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

Câu 2. Công tác xây dựng hậu phương phục vụ kháng chiến được xây dựng như thế nào trong những năm 1951 - 1953.

* *Về chính trị:*

- Từ ngày 3 đến ngày 7 - 3 - 1951, Đại hội toàn quốc thống nhất hai Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (Mặt trận Liên Việt).
- Ngày 11 - 3 - 1951, thành lập *Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào* nhằm tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.
- Phong trào thi đua yêu nước ngày càng ăn sâu, lan rộng trong các ngành, các giới làm nẩy nở nhiều đơn vị, cá nhân ưu tú. Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất đã tổng kết, biểu dương thành tích của phong trào thi đua ái quốc và bầu chọn 7 anh hùng. Đó là: *Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh.*

* *Về kinh tế:*

Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Cuộc vận động đã lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia.

- Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp về cơ bản đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất những mặt hàng thiết yếu của đời sống.
- Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Chính phủ đề ra những chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp
- Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
- Từ tháng 4 - 1953 đến tháng 7 - 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hoá.
- Đến cuối năm 1953, từ Liên khu IV trở ra, cách mạng đã tạm cấp cho nông dân 184.000 hécta ruộng đất

* *Về văn hoá, giáo dục, y tế:*

- Ta tiếp tục cuộc cải cách giáo dục (từ năm 1950) thực hiện theo ba phương châm: *phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất,* gắn nhà trường với đời sống xã hội.
- Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt của đời sống, chiến đấu và sản xuất, hưởng ứng lời dạy của Hồ Chí Minh *"Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá kháng chiến".*
- Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan ngày càng có tính chất quần chúng rộng lớn.
- Công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng khắp nơi.

Câu 3. Trình bày tóm tắt các chiến dịch của ta trong những năm 1951 - 1953.

- Chiến dịch Trần Hưng Đạo (chiến dịch Trung du):

Trung du là tuyến phòng thủ chủ yếu của Pháp để bảo vệ vùng đồng bằng. Ta quyết định mở chiến dịch đánh vào Vĩnh Yên và Phúc Yên từ ngày 25 - 12 - 1950 đến ngày 17 - 1 - 1951 nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá vỡ kế hoạch củng cố vùng chiếm đóng của chúng.

- Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (chiến dịch Đường số 18):

Chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phát triển chiến tranh du kích. Từ ngày 29 - 3 - 1951 đến ngày 5 - 4 - 1951, quân ta tiến công địch ở phòng tuyến Đường số 18 thuộc khu vực Phả Lại đến Uông Bí, Mạo Khê

- Chiến dịch Quang Trung (chiến dịch Hà - Nam - Ninh):

Từ ngày 28 - 5 - 1951 đến ngày 20 - 6 - 1951, quân ta tiến công địch ở vùng đồng bằng thuộc các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.

Trên đây là những chiến dịch quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta đánh vào tuyến phòng ngự kiên cố của Pháp ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng do địa bàn chiến dịch không thuận lợi cho ta, mà có lợi cho địch việc phát huy ưu thế về binh khí và kĩ thuật và cơ động, nên kết quả chiến đấu bị hạn chế.

Với phương châm chiến lược *"Đánh chắc thắng"* và phương hướng chiến lược *"Tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu"* ta chủ trương mở những chiến dịch tiếp theo ở rừng núi.

- Chiến dịch Hoà Bình đông - xuân năm 1951 - 1952:

Ngày 9 - 11 - 1951, Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi sử dụng một lực lượng quân cơ động lớn tiến đánh Chợ Bến, đến ngày 14 - 11 - 1951, tiến đánh Hoà Bình.

Từ giữa tháng 11 - 1951 đến cuối tháng 2 - 1952, ta mở chiến dịch phản công địch ở Hoà Bình

Chiến dịch Hoà Bình kết thúc sau hơn hai tháng (từ 10 - 12 - 1951 đến ngày 25 - 2 - 1952).

- Kết quả:

+ Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 22 000 tên địch.
+ Ta giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình.

- *Ý nghĩa:* Thắng lợi của chiến dịch Hoà Bình là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo chiến đấu phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.

- Chiến dịch Tây Bắc thu - đông 1952:

- Từ ngày 14 - 10 - 1952 đến ngày 10 - 12 - 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Mộc Châu, Thuận Châu, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.
- Kết thúc chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 13000 địch, giải phóng 28 500 km^2 với hơn 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết Tỉnh Sơn La, bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái, phá một phần âm mưu lập *"Xứ Thái tự trị"* của địch.

- *Chiến dịch Thượng Lào xuân - hè 1953:*

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng Chính phủ kháng chiến Lào thỏa thuận mở chiến dịch Thượng Lào, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Chiến dịch đã diễn ra từ ngày 8 - 4 - 1953 đến ngày 18 - 5 - 1953. Trong hơn 1 tháng chiến đấu, liên quân Việt - Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu 2800 địch; giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong-xa-lì với trên 30 vạn dân.

- Phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, từ năm 1951 đến năm 1953, ở các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, quân dân ta đã tận dụng các hình thức chiến tranh du kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều tổ chức tề ngụy, nhiều cơ sở kinh tế của chúng.

Câu 4. Ghi các sử liệu về chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc và Thượng Lào vào bảng kê dưới đây:

Chiến dịch	*Thời gian*	*Kết quả*	*Ý nghĩa*
Hoà Bình	Từ 10-12-1951 đến ngày 25 - 2 -1952.	- Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 22000 tên địch. - Ta giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình.	- Ta đã đánh bại chiến lược quân sự lớn của địch, đẩy địch kùi sâu vào thế phòng ngự bị động, giáng một đòn quan trọng vào chính sách bình định của địch. - Là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo chiến đấu phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.
Tây Bắc	Từ ngày 14 - 10 - 1952 đến ngày 10 - 12 - 1952.	Đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 13000 địch, giải phóng 28500 km^2 với hơn 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái, phá một phần âm mưu lập "*Xứ Thái tự trị*" của địch.	- Ta tiếp tục giành quyền chủ động tiến công địch. - Lực lượng vũ trang của ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm chiến đấu, bước đầu làm quen với cách đánh hệ thống cứ điểm mạnh của địch.
Thượng Lào	Từ ngày 8-4 - 1953 đến ngày 18 - 5 - 1953	Đã loại khỏi vòng chiến đấu 2800 địch; giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phongxalì với trên 30 vạn dân.	- Càng củng cố thêm quyền chủ động chiến lược của quân dân ta. - Cục diện chiến tranh Đông Dương chuyển biến có lợi cho ta và bất lợi cho Pháp.

Bài 23 CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Na-va được cử sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương vào thời gian nào?

A. Ngày 7 tháng 5 năm 1953.
B. Ngày 7 tháng 6 năm 1953.
C. Ngày 5 tháng 7 năm 1953.
D. Ngày 7 tháng 8 năm 1953.

Câu 2. Lý do chủ yếu nhất Pháp cử Na-va sang Đông Dương?

A. Vì sau chiến tranh Triều Tiên Mĩ muốn tăng cường can thiệp vào Đông Dương.
B. Vì Na-va được Mĩ chấp thuận.
C. Vì phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Pháp lên cao.
D. Sau 8 năm tiến hành chiến tranh Pháp sa lầy, vùng chiếm đóng bị thu hẹp có nhiều khó khăn về kinh tế tài chính.

Câu 3. Nội dung cơ bản trong bước I của kế hoạch quân sự Na-va là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương.
B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.
C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.
D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 4. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã sử dụng lực lượng cơ động mạnh trên toàn chiến trường Đông Dương lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

A. 44 tiểu đoàn.
B. 80 tiểu đoàn.
C. 84 tiểu đoàn.
D. 86 tiểu đoàn.

Câu 5. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã tập trung ở Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

A. 40 tiểu đoàn.
B. 44 tiểu đoàn.
C. 46 tiểu đoàn.
D. 84 tiểu đoàn.

Câu 6. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Nava:

A. Giành lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, "kết thúc chiến tranh trong danh dự".
C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 7. Cuối tháng 9 - 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để:

A. Bàn kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954.
B. Bàn kế hoạch mở chiến dịch đánh địch ở Điện Biên Phủ.
C. Bàn kế hoạch phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va.
D. Bàn kế hoạch đối phó với Pháp - Mĩ.

Câu 8. Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch Na-va, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất?

A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng.
B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch.
C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.
D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây-cu, Luông-pha-băng.

Câu 9. Đông xuân 1953-1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở 4 hướng nào sau đây?

A. Việt Bắc, Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Thanh - Nghệ - Tĩnh.

B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào.

C. Tây Bắc, Hạ Lào, Trung Lào, Nam Lào.

D. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào.

Câu 10. Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng (9 - 1953) đề ra kế hoạch tác chiến Đông Xuân (1953-1954) với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?

A. Chính trị và quân sự.
B. Chính diện và sau lưng địch.

C. Quân sự và ngoại giao.
D. Chính trị và ngoại giao.

Câu 11. Phương châm chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

A. "Đánh nhanh, thắng nhanh".

B. "Đánh chắc, thắng chắc".

C. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".

D. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt", "Đánh chắc thắng".

Câu 12. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông xuân 1953 - 1954.

Câu 13. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động đối phó... Đó là phương hướng chiến lược của ta trong:

A. Phá sản kế hoạch Na-va.
B. Chiến dịch Tây Bắc.

C. Đông Xuân 1953-1954.
D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 14. Đến cuối tháng 12 năm 1953, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, nơi nào trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp?

A. Luông-pha-băng.
B. Điện Biên Phủ.
C. Plây-cu.
D. Sê-nô.

Câu 15. Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê-nô, Luông-pha-băng.

B. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây-cu, Luông-pha-băng.

C. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plây-cu, Luông-pha-băng.

D. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây-cu, Sầm Nưa.

Câu 16. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là gì?

A. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.

B. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp - Mĩ.

C. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động đối phó với ta.

D. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp.

Câu 17. Lý do nào sau đây không đúng khi nói ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Na-va.

B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng đối với miền Bắc Đông Dương.

D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ.

Câu 18. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được chia thành bao nhiêu cứ điểm và phân khu?

A. 45 cứ điểm và 3 phân khu. B. 49 cứ điểm và 3 phân khu.

C. 50 cứ điểm và 3 phân khu. D. 55 cứ điểm và 3 phân khu.

Câu 19. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu ngày?

A. 55 ngày đêm. B. 56 ngày đêm. C. 60 ngày đêm. D. 66 ngày đêm.

Câu 20. Nơi nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ:

A. Cứ điểm Him Lam. B. Sân bay Mường Thanh.

C. Đồi A1, C1. D. Sở chỉ huy Đờ-Cát-tơ-ri.

Câu 21. Vì sao Pháp, Mĩ đánh giá Điện Biên Phủ là "Pháo đài bất khả xâm phạm"?

A. Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

B. Đây là một hệ thống phòng ngự kiên cố.

C. Điện Biên Phủ được tập trung lực lượng đông, mạnh và trang bị vũ khí hiện đại.

D. Câu A, B và C đúng.

Câu 22. Phân khu nào ở Điện Biên Phủ trở thành nơi đặt cơ quan chỉ huy của địch?

A. Phân khu phía Bắc. B. Phân khu Trung tâm.

C. Phân khu phía Nam. D. Phân khu phía Đông.

Câu 23. Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

B. "Thà hy sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ".

C. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!"

D. Câu B và C đúng.

Câu 24. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên Phủ?

A. 30 - 3 đến 26 - 4 - 1954. B. 30 - 3 đến 24 - 4 - 1954.

C. 01- 5 đến 5 - 7 - 1954. D. 30 - 3 đến 1 - 5 - 1954.

Câu 25. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như .... của thế kỉ XX".

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm - Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 26. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hoà bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 27. Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954), nguyên nhân nào quyết định nhất?

A. Có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng.

B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng.

C. Có hậu phương vững chắc.

D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 28. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh….". Đó là câu nói của ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
C. Trường Chinh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 29. Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp - Mĩ.
B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch, hạ 62 máy bay thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp và Mĩ.
C. Giải phóng 4000km đất đai và 40 vạn dân.
D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

Câu 30. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là gì?

A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.
B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.
C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình.

Câu 31. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

A. Quyền được hưởng tự do của nhân dân các nước Đông Dương.
B. Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.
C. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.
D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

Câu 32. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với nội dung ở cột A sau đây:

A	*B*
1- Kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bi phá sản.	A. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ.
	B. Địch điều quân từ Bắc Bộ sang Trung Lào ứng chiến cho Sê-nô.
2- Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.	C. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
	D. Địch điều quân từ Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên.
	E. Địch tăng cường lực lượng cho Luông-pha-băng và Mường Sài.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. A 2. D 3. A 4. C 5. B 6. B 7. A 8. A
9. B 10. B 11. D 12. B 13. C 14. B 15. B 16. C
17. A 18. B 19. B 20. C 21. D 22. B 23. C 24. A
25. D 26. B 27. A 28. B 29. D 30. A 31. B
32. 1: A , B , D , E. 2: C

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Vì sao Pháp đưa Na-va sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương? Na-va đã đề ra kế hoạch của mình như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Vì sao:

+ Trải qua tám năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể.

+ Trong khi đó, phía Pháp bị thiệt hại ngày càng lớn, đến năm 1953 bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân và tiêu tốn hơn 2000 tỉ phrăng. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. Quân Pháp trên chiến trường ngày càng đi vào thế phòng ngự, bị động.

+ Vì vậy, ngày 7 - 5 - 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử tướng Na-va làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh của Pháp ở Đông Dương (thay tướng Xa-lăng) Na-va đề ra kế hoạch chiến lược với hy vọng trong 18 tháng giành lấy một thắng lợi quyết định để *"Kết thúc chiến tranh trong danh dự"*.

- Kế hoạch Na-va được chia thành hai bước:

+ *Bước thứ nhất,* trong thu - đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược để bình định miền Trung và Nam Đông Dương, giành lấy một nguồn nhân lực, vật lực; tìm cách thanh toán bằng Liên khu V, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.

+ *Bước thứ hai,* từ thu - đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng và *"kết thúc chiến tranh trong danh dự"*.

- Để thực hiện kế hoạch của mình, từ thu - đông 1953, Na-va tập trung quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên đến 44 tiểu đoàn) trong tổng số 84 tiểu đoàn Đông Dương), tiến hành những cuộc càng quét bình định vùng chiếm đóng, mở rông hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi biên giới, mở rộng cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hoá (tháng 10 - 1953).... để phá vỡ kế hoạch tiến công của ta.

Câu 2. Kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản và bị phá sản hoàn toàn như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản:

+ Để phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954. Nắm vững nhiệm vụ tiêu diệt địch là chính, *phương thức chiến lược* của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là: *"Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng"*.

+ Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong Đông - Xuân 1953 - 1954 quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp chiến trường Đông Dương .

+ Ngày 10 - 12 - 1953, một bộ phận chủ lực ta tiến công thị xã Lai Châu, ta loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội chiến dịch, giải phóng toàn bộ Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

+ Đầu tháng 12 - 1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng một phần thị xã Thà Khẹt; bao vây uy hiếp căn cứ Xê-nô, Biến Xê-nô thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

+ Cuối tháng 1 - 1945, liên quân Lào - Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phong-xa-lì, uy hiếp Luông-pha-băng, Luông-pha-băng thành nơi tập trung quân thứ tư của địch. Căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào được mở rộng.

+ Đầu tháng 2 - 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu 2000 địch, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, một vùng rộng lớn với 20 vạn dân; bao vây, uy hiếp Plây-cu, biến Plây-cu thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

- Phối hợp với mặt trận chính khi quân chủ lực địch bị giam chân và phân tán nhiều nơi, tại các vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh.

Thắng lợi trong Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm cho Na-va không thể tập trung lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ mà phải phân tán lực lượng đối phó với ta ở những điểm xung yếu. Đến đây kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

- Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn:

+ Khi kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, Na-va điều quân lên Điện Biên Phủ, cố gắng xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương. Na-va bố trí Điện Biên Phủ thành 3 phân khu: phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo; Phân khu trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu Nam có cứ điểm Hồng Cúm, trận địa pháo, sân bay, tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

+ Nắm được ý đồ của địch, đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

+ Đầu tháng 3 - 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 - 3 - 1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm ba đợt:

+ *Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954:* quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 địch.

+ *Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954:* quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử Điện Biên phủ; ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

+ *Đợt 3, từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1945:* quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7 - 5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 7 - 5 - 1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri (De castrie) cùng toàn bộ Ban tham mưu bị bắt. Lá cờ *"Quyết chiến quyết thắng"* của quân đội phất phới tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri. Tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

Thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.

Câu 3. Lập bảng thống kê về nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương theo yêu cầu sau đây:

Yêu cầu	*Nội dung*
1) Nội dung Hiệp định	- Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước. - Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương . - Các bên tham chiến thực hiện cuộc di chuyển, tập kết đội quân ở hai vùng: - Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương, các nước Đông Dương không được tham gia bất kì khối liên minh quân sự nào và không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ mục đích xâm lược.

	- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát và giám sát và kiểm soát của một Ủy ban quốc tế (trong đo Ấn Độ làm chủ tịch, cùng hai nước Ba Lan và Ca-na-đa). - Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí hiệp định Giơ-ne-vơ và những người kế tục họ.
2) Ý nghĩa kí kết Hiệp định	- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. - Nó đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. - Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước; đế quốc Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 4. Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).

** Ý nghĩa:*

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta; miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi, Mĩ La-tinh.

** Nguyên nhân thắng lợi:*

- Nhờ lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, trong lao động sản xuất.

- Nhờ hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, có lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

- Nhờ tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và của các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

Chương IV
VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 24. MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ - DIỆM GIỮ GÌN HOÀ BÌNH (1954 - 1960)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A sau đây:

A	*B*
1. 10 - 10 - 1954	A. Pháp rút quân khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô.
2. 01 - 01 - 1955	B. Tại quảng trường Ba Đình diễn ra cuộc mít tinh trọng thể của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô.
3. 16 - 5 - 1955	C. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng.
4. 22 - 5 - 1955	D. Toán lính Pháp rút khỏi Cát Bà, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Câu 2. Ngô Đình Diệm được Mĩ dựng lên làm Thủ tướng bù nhìn ở miền Nam Việt Nam để thay cho ai?

A. Thay cho Bảo Đại.
B. Thay cho Bửu Lộc.
C. Thay cho Đồng Khánh.
D. Thay cho Dương Văn Minh.

Câu 3. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau năm 1954?

A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.
B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. Đấu tranh chống Mĩ, Diệm.
D. Câu A và C đúng.

Câu 4. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau năm 1954 là gì?

A. Tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ, Diệm.
B. Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.
C. Cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 5. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống tr của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.
B. Có vai trò cơ bản nhất.
C. Có vai trò quyết định trực tiếp.
D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 6. Thủ đô Hà Nội được giải phóng vào thời gian nào?

A. 10 - 10 - 1954. B. 25 - 10 - 1555. C. 12 - 12 - 1954. D. 18 - 10 - 1954.

Câu 7. Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau năm 1954 là gì?

A. Đấu tranh chống Mĩ - Diệm.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
C. Chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 8. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời kì chống Mĩ cứu nước là gì?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

D. Tất cả các đường lối trên.

Câu 9. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

A. 10 - 10 - 1954 B. 16 - 5 - 1954 C. 10 - 10 - 1955 D. 16 - 5 - 1955

Câu 10. Đế quốc Mĩ thực hiện ý đồ thâm độc biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới thể hiện ở sự kiện nào?

A. Mĩ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng (20 - 5 - 1954).

B. Lập khối quân sự SEATO, đặt miền Nam dưới sự bảo trợ của khối này.

C. Mĩ - Diệm tổ chức bầu cử riêng lẻ, lập nước Việt Nam Cộng hoà.

D. Mĩ - Diệm hô hào "Bắc tiến".

Câu 11. Thái độ nào sau đây của Ngô Đình Diệm trong những năm 1954 - 1957, làm cho nhân dân ta bất bình nhất?

A. Tiến hành bầu cử riêng lẻ, phế truất Bảo Đại lên làm Tổng thống.

B. Tuyên bố tại Oa-sinh-tơn: "Biên giới Hoa Kì kéo dài đến vĩ tuyến 17".

C. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Thực hiện chế độ "Gia đình trị".

Câu 12. Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam từ sau năm 1954 là gì?

A. Miền Bắc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

Câu 13. Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau năm 1954 là gì?

A. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ - ngụy

C. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà.

D. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.

Câu 14. Vì sao miền Bắc tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất?

A. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp.

B. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến vẫn còn phổ biến.

C. Để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

D. Tất cả các lí do trên.

Câu 15. Miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế trong thời gian nào?

A. 1954 - 1957. B. 1954 - 1958. C. 1955 - 1958. D. 1955 - 1960.

Câu 16. Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

A. "Tấc đất, tấc vàng". B. "Tăng gia sản nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

C. "Người cày có ruộng". D. "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày".

Câu 17. Thắng lợi quan trọng nhất trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc là gì?

A. Đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Giải phóng hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.

C. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.

D. Bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, khối liên minh công - nông được củng cố.

Câu 18. Ý nghĩa nào dưới đây là cơ bản nhất của những thành tựu đạt được trong thời kì khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1954 - 1957)?

A. Nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá được phục hồi.

B. Tạo điều kiện cho nền kinh tế miền Bắc phát triển.

C. Nâng cao đời sống của nhân dân.
D. Củng cố miền Bắc, cổ vũ cách mạng miền Nam.

Câu 19. *Đến năm 1960, ở miền Bắc có 85% hộ nông dân, 70% diện tích đất đai vào hợp tác xã nông nghiệp... Đó là kết qủa của:*

A. Cải cách ruộng đất.
B. Khôi phục kinh tế.
C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa.
D. Câu A và B đúng.

Câu 20. *Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp do nhà nước quản lí, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương ... Đó là kết qủa của:*

A. Bước đầu phát triển kinh tế.
B. Khôi phục kinh tế.
C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa.
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 21. *Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?*

A. "Tố cộng", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.
B. "Đả thực", "Bài phong", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.
C. "Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc" trên toàn miền Nam.
D. "Thà bắn lầm hơn bỏ sót" trên toàn miền Nam.

Câu 22. *Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, chủ yếu là gì?*

A. Đấu tranh vũ trang.
B. Đấu tranh chính trị, hoà bình.
C. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ.
D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 23. *Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào Đồng khởi 1959 - 1960 là gì?*

A. Mĩ- Diệm phá Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chính sách "tố cộng" "diệt cộng".
B. Có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.
C. Do chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.
D. Câu A và B đúng.

Câu 24. *Tháng 2 - 1959, diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào miền Nam ở địa phương nào?*

A. Trà Bồng (Quảng Ngãi).
B. Phước Hiệp (Bến Tre).
C. Bác Ái (Ninh Thuận).
D. Chợ Được (Quảng Nam).

Câu 25. *Ngày 17 - 1 - 1960 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở miền Nam?*

A. Cuộc Đồng khởi ở Trà Bồng (Quảng Ngãi).
B. Cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.
C. Cuộc Đồng khởi ở Ninh Thuận.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 26. *Kết qủa lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?*

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.
B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.
C. Uỷ ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.
D. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 -1960).

Câu 27. *Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?*

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.
B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công địch.
D. Câu B và C đúng.

Câu 28. *Phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam đã góp phần đánh bại loại hình chiến tranh nào của Mĩ?*

A. Chiến tranh một phía.
B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh cục bộ.
D. Việt Nam hoá chiến tranh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. 1: A, 2: C, 3: B, 4: D.		2. B	3. D	4. B	5. C	6. A	
7. C	8. C	9. D	10. C	11. B	12. C	13. D	14. B
15. A	16. C	17. D	18. B	19. C	20. A	21. A	22. B
23. B	24. C	25. B	26. D	27. C	28. A		

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập bảng thống kê những thành tựu của công cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954-1975).

**** Hướng dẫn trả lời:***

Lĩnh vực	*Thành tựu*
1) Cải cách ruộng đất	- Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, đã tịch thu trưng mua khoảng 810000 hécta ruộng đất, 100000 trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ chia cho trên 2 triệu hộ nông dân lao động. - Giai cấp địa chủ căn bản bị xoá bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn, nguyện vọng lâu đời của nông dân là *"người cày có ruộng"* đã được thực hiện.
2) Khôi phục kinh tế	- Trong nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm công cụ. Hệ thống đê điều đã được tu bổ. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng. - Trong công nghiệp, giai cấp công nhân đã nhanh chóng khôi phục và mở hầu hết các cơ sở công nghiệp. - Các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng. - Trong thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước. - Giao thông vận tải được chú trọng, khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm một số cảng. - Văn hoá giáo dục được đẩy mạnh. Nền giáo dục được phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. - Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng.

Câu 2. Công cuộc cải cách quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960) diễn ra như thế nào?

- Trong 3 năm tiếp theo (1958 - 1960), miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm: cải tạo đối với công nhiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Thực hiện chủ trương trên, khắp nơi ở miền Bắc sôi nổi phong trào thi đua xây dựng hợp tác xã. Cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ; từng bước đưa người nông dân vào làm ăn tập thể đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp, đến bậc cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

+ Đối với tư sản dân tộc, cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của tư sản dân tộc, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh.

+ Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, đưa vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán.

- Kết quả cải tạo là đã xoá bỏ cơ bản chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh, hợp tác xã đã bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho những người ra đi chiến đấu, phục vu chiến đấu.

- Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, công nghiệp quốc doanh được ưu tiên đầu tư xây dựng. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí, trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

Câu 3. Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1960) diễn ra như thế nào?

- Ngay từ tháng 7 - 1954, nhận rõ đế quốc Mĩ là trở lực chính, ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ của cach mạng miền Nam là chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

- Mở đầu là *"phong trào hoà bình"* của trí thức và của tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tháng 8 - 1954.

- Tháng 11 - 1954, Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ít người... hình thành nên mặt trận chống Mĩ - Diệm.

- Mục tiêu phong trào:

+ Đấu tranh vừa đòi Mĩ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử do thống nhất đất nước.

+ Chống cái gọi là : *"trưng cầu dân ý"*... của Diệm, chống Mĩ - Diệm khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

- *Hình thức:* Từ đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

Câu 4. Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).

** Nguyên nhân bùng nổ:*

- Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 (tháng 5 - 1959) cho phép tay sai Diệm thẳng tay giết hại bất cứ người yếu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh, ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương nâng lên thành phong trào Đồng khởi rộng lớn trên toàn miền Nam.

** Diễn biến:*

- Cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) vào tháng 2 - 1959, ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) vào tháng 8 - 1959, rồi lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

- Tại Bến Tre, ngày 17 - 1 - 1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra các huyện lân cận.

- Hoà nhịp với cuộc "Đồng Khởi" ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mĩ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã ấp. Từ giữa năm 1960 trở đi, phong trào "Đồng khởi" lan ra khắp các tỉnh từ Cà Mau các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên.

* *Kết quả:*

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

* *Ý nghĩa:*

- Phong trào "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ phía giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở rộng thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

Bài 25 XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA MĨ Ở MIỀN NAM (1961 - 1965)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng ta họp ở đâu?

A. Ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang).
B. Ở Tân Trào (Tuyên Quang) .
C. Ở Hà Nội.
D. Ở Hải Phòng.

Câu 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ta họp vào thời gian nào?

A. Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960.
B. Từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 9 năm 1960.
C. Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 9 năm 1960.
D. Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 10 năm 1960.

Câu 3. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc nhằm thực hiện mục tiêu gì?

A. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
B. Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
C. Thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.
D. Câu B và C đúng.

Câu 4. Đại hội lần III của Đảng đã bầu ai làm Bí thư thứ nhất?

A. Trường Chinh. B. Lê Duẩn. C. Võ Nguyên Giáp. D. Hồ Chí Minh.

Câu 5. Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vấn đề gì?

A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà".
B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc".
C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam".
D. "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam".

Câu 6. Trong giai đoạn 1961 - 1965, miền Bắc đã phát triển nhiều nhà máy công nghiệp nặng đó là:

A. Khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp Việt Trì, Thượng Đình (Hà Nội).

B. Khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thủy điện Thác Bà.

C. Khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy đường Văn Điển, sứ Hải Dương.

D. Pin Văn Điển, sứ Hải Dương, Dệt 8 - 3, dệt kim Đồng Xuân.

Câu 7. Thành tựu lớn nhất miền Bắc đã đạt được trong thời kì kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) là gì?

A. Công nghiệp, nông nghiệp đạt sản lượng cao đủ sức chi viện cho miền Nam.

B. Thương nghiệp góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

C. Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. Số học sinh phổ thông tăng 2,7 triệu.

D. Bộ mặt miền Bắc thay đổi, đất nước, xã hội, con người đều đổi mới.

Câu 8. Ý nghĩa lớn nhất của kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) là gì?

A. Bộ mặt miền Bắc thay đổi khác trước rất nhiều.

B. Nền kinh tế miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.

C. Miền Bắc đủ sức để tự bảo vệ sự nghiệp xây dựng CNXH.

D. Miền Bắc được củng cố và lớn mạnh, có khả năng tự bảo vệ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hậu phương.

Câu 9. Hạn chế lớn nhất của miền Bắc trong thời kì tiến hành kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) là gì?

A. Chủ trương phát triển chủ yếu thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, hạn chế phát triển các thành phần kinh tế khác.

B. Chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hoá nền kinh tế vốn bé nhỏ.

C. Xóa bỏ thành phần kinh tế cá thể, tư nhân.

D. Có những sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Câu 10. Đâu là hạn chế trong đường lối đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội?

A. Nông nghiệp được coi là cơ sở của công nghiệp.

B. Áp dụng khoa học - kĩ thuật, sử dụng cơ khí trong công nghiệp.

C. Phương châm tiến lên CNXH nhanh, mạnh, vững chắc.

D. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân.

Câu 11. Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam?

A. Ai-xen-hao. B. Ken-nơ-đi. C. Giôn-xơn. D. Ru-dơ-ven.

Câu 12. "Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra?

A. "Phản ứng linh hoạt". B. "Ngăn đe thực tế".

C. "Bên miệng hố chiến tranh". D. "Chính sách thực lực".

Câu 13. Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" mà Mĩ áp dụng ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam.

B. "Dùng người Việt đánh người Việt".

C. Đưa quân Mĩ ào ạt vào miền Nam.

D. Đưa cố vấn Mĩ ào ạt vào miền Nam.

Câu 14. Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là gì?

A. Ấp chiến lược. B. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền.

C. Lực lượng cố vấn Mĩ. D. Ấp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 15. Nội dung nào sau đây nằm trong công thức của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?

A. Được tiến hành quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

B. Tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới.

C. Đưa quân chư hầu của Mĩ vào miền Nam Việt Nam.

D. Thực hiện Đông Dương hoá chiến tranh.

Câu 16. Mĩ - ngụy xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược" nhằm mục đích gì?

A. Tách cách mạng ra khỏi dân, nhằm cô lập cách mạng.

B. Hỗ trợ chương trình "bình định" miền Nam của Mĩ - ngụy.

C. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

D. A, B và C đúng.

Câu 17. Chiến thuật được sử dụng trong "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ là gì ?

A. Gom dân, lập "Ấp chiến lược". B. "Trực thăng vận", "thiết xa vận".

C. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng. D. "Bình định" toàn bộ miền Nam.

Câu 18. Mục tiêu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. "Bình định" miền Nam trong 8 tháng. B."Bình định" miền Nam trong 18 tháng

C. "Bình định" miền Nam có trọng điểm. D. "Bình định" trên toàn miền Nam.

Câu 19. Xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền. B. Hệ thống "Ấp chiến lược".

C. Lực lượng cố vấn Mĩ. D. Chương trình "bình định".

Câu 20. Mĩ - ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" trọng tâm là "bình định" trong vòng 18 tháng. Mục tiêu đó nằm trong kế hoạch nào?

A. Dồn dân lập ấp chiến lược. B. Sta-lây - Tay-lo.

C. Giôn-xơn - Mác Na-ma-ra. D. Câu B và C đúng.

Câu 21. Ngày 15 - 2 - 1961 diễn ra sự kiện gì ở miền Nam?

A. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).

B. Chiến thắng Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Trung ương Cục miền Nam thành lập.

D. Các lực lượng vũ trang thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam.

Câu 22. Năm 1961, Trung ương Cục miền Nam thành lập thay cho:

A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Xứ ủy Nam Bộ cũ.

C. Quân giải phóng miền Nam.

D. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam.

Câu 23. Năm 1962, quân dân ta đánh tan nhiều cuộc càn quét lớn của địch ở đâu?

A. Căn cứ U Minh, trung tâm Sài Gòn.

B. Địa đạo Củ Chi và Tây Bắc Sài Gòn.

C. Chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh, Bắc và Tây Bắc Sài Gòn.

D. Câu A và B đúng.

Câu 24. Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn cho việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

A. Bình Giã (Bà Rịa). B. Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Đồng Xoài (Biên Hoà). D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 25. Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

A. Ấp Bắc. B. Bình Giã. C. Đồng Xoài. D. Ba Gia.

Câu 26. Cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu nhất trong năm 1963 của đồng bào miền Nam?

A. Cuộc biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8 - 5 - 1963).

B. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm ở Sài Gòn (11- 6 - 1963).

C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16 - 6 -1963).

D. Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (01 - 11 - 1963)

Câu 27. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm?

A. Do nội bộ chính quyền ngụy mâu thuẫn.

B. Do Mĩ giật dây cho tướng lĩnh Dương Văn Minh.

C. Do chính quyền Ngô Đình Diệm suy yếu.

D. Do phong trào đấu tranh thắng lợi vang dội của nhân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận.

Câu 28. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị đánh bại bởi những thắng lợi trên mặt trận quân sự nào của ta?

A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

B. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã.

C. Chiến thắng Ấp Bắc, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Chiến thắng Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. A 3. D 4. B 5. A 6. B 7. D 8. D
9. A 10. C 11. B 12. B 13. B 14. D 15. A 16. D
17. B 18. B 19. B 20. B 21. D 22. B 23. C 24. D
25. B 26. C 27. D 28. A

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Lập bảng thống kê về hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

**** Hướng dẫn trả lời:***

Hoàn cảnh lịch sử	- Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III. - Đại hội họp từ ngày 5 đến 10-9-1960 ở Hà Nội. Tham dự đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết.
Nội dung Đại hội	- Đại hội chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam - Bắc. - Đại hội nghe thảo luận Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa chữa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. - Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn giữ chức Bí thư thứ nhất của Đảng.
Ý nghĩa	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là *"Nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà"*.

Câu 2. Nhiệm vụ và thành tựu ở miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965) như thế nào?

- *Nhiệm vụ:* Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

- *Thành tựu:*

+ Trong kinh tế, ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng.

+ Trong nông nghiệp, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

+ Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế. Củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

+ Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn.

+ Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển mạnh.

+ Hệ thống y tế, chăm lo sức khoẻ được đầu tư phát triển. Những loại dịch bệnh ở miền Bắc cơ bản được xoá bỏ.

+ Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng từng bước thành quân đội chính quy và bước đầu được trang bị hiện đại, đủ sức bảo vệ vững chắc miền Bắc và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cách mạng miền Nam.

Câu 3. Thế nào là chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"? Loại hình chiến này được Mĩ áp dụng ở miền Nam nhằm thực hiện âm mưu gì?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt". Để thực hiện âm mưu đó:

+ Mĩ đề ra "kế hoạch Xta-lây - Tay-lo" với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

+ Thực hiện kế hoạch, Mĩ tăng cường viện trợ cho quân sự Diệm, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược", sử dụng phổ biến các chiến thuật mới "*trực thăng vận*", "*thiết xa vận*".

+ Viện trợ quân sự của Mĩ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 8 - 12 - 1962.

+ "Ấp chiến lược" được xem như xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" và nâng lên thành "quốc sách". Chúng coi việc lập "Ấp chiến lược" như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các ấp, tách dân ra khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình "bình định" miền Nam.

Câu 4. Lập bảng thống kê những thắng lợi của quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ trên các mặt trận chính trị, quân sự và chống chính sách bình định.

****Hướng dẫn trả lời:***

Mặt trận	***Những thắng lợi***
1) Chính trị	- Mở đầu là phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. - Tháng 5 - 1963, hai vạn tăng ni, Phật tử Huế đấu tranh ở Sài Gòn, Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu phản đối chế độ Ngô Đình Diệm. Tháng 6 - 1963, 70 vạn quần chúng Sài Gòn xuống đường. - Phong trào ngày càng phát triển mạnh làm rối loạn hậu phương của địch. Phong trào dâng cao, làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm bị khủng hoảng và sụp đổ vào tháng 11 - 1963.
2) Quân sự	- Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam.* - Trong những năm 1961-1962, Quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc chiến công, đồng thời với tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch. Năm 1962, quân dân ta đã tiến hành nhiều cuộc càn quét lớn của địch vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh và Tây Bắc Sài Gòn. - Chiến thắng Ấp Bắc (2 - 1 - 1963) đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đã đánh bại các biện pháp chiến thuật *"trực thăng vận"*, *"thiết xa vận"* của địch, đánh sập lòng tin của quân đội Sài Gòn vào trang bị vũ khí hiện đại của Mĩ. Chiến thắng này cũng chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, sau trận Ấp Bắc, phong trào *"Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công"* dấy lên khắp miền Nam. - Cuối năm 1964, quân và dân Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công Đông - Xuân 1964 - 1965 với trận mở màn đánh vào ấp Bình Giã. Tiếp đó là các chiến thắng An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà).
3) Chống chính sách bình định	- Cuộc đấu tranh chống và phá "ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến tranh. Với quyết tâm "một tấc đất không đi, một li không rời", nhân dân miền Nam kiên quyết bám đất, giữ làng, phá đế kìm kẹp của địch. - Mĩ và chính quyền Sài Gòn dù tập trung sức vào dồn dân lập "ấp chiến lược" nhưng cũng chỉ thực hiện được một phần kế hoạch. Đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số với gần 70% nông dân.

Bài 26 CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA MĨ Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1965 - 1968)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào, Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam?

A. Chiến tranh một phía.
B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 2. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là cuộc chiến tranh:

A. Xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
B. Xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân Mĩ là chủ yếu + quân ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
C. Xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + quân ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
D. Xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

Câu 3. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.
B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.
C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.
D. Tất cả các điểm trên.

Câu 4. Cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm thí điểm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ diễn ra ở đâu?

A. Núi Thành. B. Chu Lai. C. Vạn Tường. D. Ba Gia.

Câu 5. Trận đọ sức giữa bộ đội chủ lực của ta và quân viễn chinh Mĩ ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 16 - 8 - 1965.
B. Ngày 18 - 8 - 1965.
C. Ngày 18 - 6 - 1965.
D. Ngày 16 - 5 - 1965.

Câu 6. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.
B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.
D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 7. Mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

A. Ấp Bắc
B. Mùa khô 1965 - 1966
C. Vạn Tường
D. Mùa khô 1966 -1967

Câu 8. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ.
B. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.
C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.
D. Nâng cao uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 9. Cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) của Mĩ kéo dài trong bao lâu, với bao nhiêu cuộc hành quân lớn nhỏ?

A. 5 tháng, với 540 cuộc hành quân　　B. 6 tháng, với 450 cuộc hành quân.
C. 7 tháng, với 550 cuộc hành quân.　　D. 4 tháng, với 450 cuộc hành quân.

Câu 10. Hướng tấn công chủ yếu trong cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) của Mĩ là:

A. Miền Đông Nam Bộ và Liên khu V.
B. Đồng bằng khu IV và miền Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng khu V và miền Tây Nam Bộ.
D. Miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Câu 11. Trong mùa khô thứ hai (1966 - 1967) Mĩ đã mở các cuộc hành quân vào miền Đông Nam Bộ. Cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. At-tơn-bô-rô.　　B. Xê-đa-phôn.
C. Gian-xơn Xi-ty.　　D. Xê-đa-phôn và Gian-xơn Xi-ty.

Câu 12. Đến cuối năm 1967, Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam có cơ quan thường trực ở đâu?

A. Ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong thế giới thứ ba.
B. Ở các nước châu Á và châu Âu.
C. Ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước thế giới thứ ba.
D. Ở một số nước xã hội chủ nghĩa và hầu hết các nước thế giới thứ ba.

Câu 13. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ yếu để ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)?

A. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.
B. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mĩ gặp nhiều khó khăn.
C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới lên cao.
D. Tinh thần chiến đấu của binh lính Mĩ giảm sút.

Câu 14. Đâu là yếu tố bất ngờ nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)?

A. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa, đồng loạt ở 37 tỉnh, 5 thành phố.
B. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch ở Sài Gòn.
C. Tiến công vào Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.
D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 15. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968, tác động mạnh nhất đến nhân dân Mĩ?

A. Trận Vạn Tường (18 - 8 - 1965).
B. Chiến thắng mùa khô (1965 - 1966).
C. Chiến thắng mùa khô (1966 - 1967).
D. Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).

Câu 16. Hạn chế lớn nhất làm cho mục tiêu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không đạt được là gì?

A. Ta chủ quan trong việc đánh giá cao lực lượng của mình, đánh giá thấp lực lượng địch.
B. Do tư tưởng nóng vội, muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc nhanh chiến tranh.
C. Chỉ đạo không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt I.
D. Lực lượng của địch còn đông, cơ sở ở thành thị còn mạnh.

Câu 17. Cuộc Tổng tiến và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là thắng lợi và là bước nhảy vọt thứ mấy của cách mạng miền Nam?

A. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ hai.
B. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ nhất.

C. Thắng lợi thứ tư và là bước nhảy vọt thứ hai.
D. Thắng lợi thứ năm và là bước nhảy vọt thứ hai.

Câu 18. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là gì?
A. Đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố phi Mĩ hoá chiến tranh xâm lược.
B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. Mĩ phải đến Hội nghị Pa-ri để đàm phán với ta.
D. Đây là đòn đánh bất ngờ, làm cho Mĩ không dám đưa quân Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam.

Câu 19. Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?
A. Ngày 5 - 8 - 1964. B. Ngày 7 - 2 - 1965.
C. Ngày 8 - 5 - 1965. D. Ngày 2 - 7 - 1965.

Câu 20. Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?
A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.
C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 21. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ kéo dài trong thời gian nào?
A. Từ 7 - 2 - 1964 đến 1 - 11 - 1968. B. Từ 8 - 5 - 1964 đến 1 - 11 - 1968.
C. Từ 2 - 7 - 1964 đến 11 - 1 - 1968. D. Từ 7 - 2 - 1965 đến 1 - 12 - 1968.

Câu 22. Âm mưu cơ bản nhất của việc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc?
A. "Trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plây-cu.
B. Phá hoại hậu phương lớn của ta (phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc).
C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc.
D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

Câu 23. Tội ác tàn bạo nhất của đế quốc Mĩ trong việc đánh phá miền Bắc nước ta?
A. Ném bom vào các mục tiêu quân sự.
B. Ném bom vào các đầu mối giao thông (cầu cống, đường sá).
C. Ném bom vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thủy lợi.
D. Ném bom vào khu đông dân, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng.

Câu 24. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, miền Bắc đã bắn rơi bao nhiêu máy bay Mĩ?
A. 2.343 máy bay. B. 3.234 máy bay.
C. 2.334 máy bay. D. 3.243 máy bay.

Câu 25. Câu nói "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" được Bác Hồ nói trong thời gian nào?
A. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 - 1964).
B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 (12 - 1965).
C. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mĩ (17 - 7 - 1966).
D. Kì họp thứ hai Quốc hội khoá III (4 - 1965).

Câu 26. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc?
A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.
B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.
D. Bị thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 27. Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

Câu 28. Tinh thần chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ được thể hiện qua khẩu hiệu nào?

A. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

B. "Nhằm thẳng quân thù mà bắn".

C. "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

D. Thanh niên "ba sẵn sàng", phụ nữ "ba đảm đang".

Câu 29. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam, nhân dân miền Bắc đã lnêu cao tinh thần:

A. Tất cả vì tiền tuyến.

B. Tất cả để chiến thắng.

C. Mỗi người làm việc bằng hai.

D. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

Câu 30. Ý nghĩa lớn nhất của quân dân miền Bắc trong việc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

C. Bảo vệ miền Bắc.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

Câu 31. Lí do nào dưới đây là lí do khách quan buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần nhất?

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị thiệt hại nặng nề ở hai miền Nam - Bắc cuối 1968.

D. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

Câu 32. Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Buộc Mĩ phải rút quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ về nước.

C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

D. Buộc Mĩ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Pa-ri.

Câu 33. Nối niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B:

A	***B***
1) Năm 1965 - 1966	A. Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
2) Ngày 5 - 8 - 1964	B. Mĩ tiến hành mùa khô thứ hai.
3) Ngày 30 - 1 đến 25 - 2 - 1968	C. Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân.
4) Ngày 7 - 2 - 1965	D. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.
5) Năm 1965 - 1968	E. Khai thông đường Hồ Chí Minh.
6) Năm 1966 - 1967	F. Mĩ tiến hành mùa khô thứ nhất.

7) Ngày 18 - 8 - 1965	G. Đợt tấn công thứ nhất Tết Mậu Thân.
8) Ngày 31 - 1 - 1968	H Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.
9) Ngày 1 - 11 - 1968	I. Mĩ dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ"
10) Tháng 5 - 1959	K. Chiến thắng Vạn Tường.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. B 2. C 3. A 4. C 5. B 6. A 7. C 8. C 9. D
10. A 11. C 12. C 13. A 14. A 15. D 16. A 17. A 18. C
19. B 20. B 21. A 22. B 23. D 24. D 25. C 26. D 27. C
28. B 29. D 30. D 31. D 32. A
33. 1: F, 2: I, 3: G, 4: H, 5: A, 6: B, 7: K, 8: C, 9: D, 10:E.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Thế nào là chiến lược "Chiến tranh cục bộ"? Những thắng lợi của quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" từ năm 1965 đến 1967 như thế nào?

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân Đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Quân dân miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ":

+ Với ý chí không gì lay chuyển *"Quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược"* được sự phối hợp chiến đấu và chi viện của miền Bắc, quân dân ta miền Nam đã anh dũng chiến đấu và liên tiếp giành thắng lợi.

+ Ở Vạn Tường (Quảng Ngãi), vào ngày 18 - 8 - 1965, sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "*Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt*" trên khắp miền Nam.

- Sau chiến thắng Vạn Tường khả năng đánh thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta còn tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

+ Bước vào khô thứ nhất (Đông - Xuân 1965 - 1966), địch mở đợt phản công với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên Khu V, với mục tiêu đánh bại quân chủ lực của ta.

+ Bước vào mùa khô thứ hai (Đông - Xuân 1966 - 1967), Mĩ mở đợt phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn "*tìm diệt*" và "*bình định*", lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

- Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị - Thiên, Đường số 9... quân ta mở màng hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch.

- Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "*ấp chiến lược*". Trong hầu khắp các thành thị, gia cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

- Đến cuối năm 1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thế giới thứ ba. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

Câu 3. Ghi tóm tắt diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) vào bảng thống kê dưới đây:

**** Hướng dẫn trả lời:***

Diễn biến	- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân). - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30-1 - 25-2; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 - 1968. - Tại Sài Gòn, Quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.
Kết quả	- Mặt trận đoàn kết dân tộc, chống Mĩ cứu nước được mở rộng. Tổ chức *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ hoà bình ở* Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở thành thị được thành lập. - Đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân đội Sài Gòn) cơ sở ở thành thị mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công quân ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài.
Ý nghĩa	- Làm lung lay ý chí xâm lượcc của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ"). - Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh. - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

Câu 4.Duyên cớ và âm mưu của Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965 - 1968).

** Duyên cớ:*

- Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "*sự kiện Vịnh Bắc Bộ*", Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc, như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thuỷ (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

- Ngày 7-2-1965, lấy cớ "trả đủa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plây-cu, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ (Quảng Bình)..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

** Âm mưu:*

- Tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc Mĩ thực hiện âm mưu:

+ Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

+ Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam;

+ Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 5. Nêu kết quả của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ như thế nào ở miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với miền Nam trong những năm 1965 - 1968 như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Kết quả:

+ Trong 4 năm (từ 5 - 8 - 1964 đến 1 - 11 - 1968), miền Bắc bắn rơi và phá hủy 3243 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công Mĩ, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến.

+ Ngày 1 - 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương:

+ Trong những năm 1965 - 1968, mặc dầu có chiến tranh nhưng miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "*Mỗi người làm việc bằng hai*". Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đánh đáp lại "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*"

+ Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5-1959, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

+ Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965-1968) miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Bài 27 CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH” Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

(1969 - 1973)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Năm 1969, khi lên làm Tổng thống nước Mĩ, Ních-xơn đề ra biện pháp gì để tiếp tục thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng?

A. “Bên miệng hố chiến tranh”. B. “Phản ứng linh hoạt”.

C. “Học thuyết Ních-xơn”. D. “Ngăn đe thực tế”.

Câu 2. Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Ních-xơn có gì giống so với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Giôn-xơn?

A. Về mục đích của chiến tranh. B. Về vai trò của quân đội Mĩ.

C. Vai trò của quân đội nguỵ. D. Về vai trò của “ấp chiến lược”.

Câu 3. Mĩ thực hiện chiến lược “Đông Dương hoá chiến tranh” trong thời điểm nào dưới đây:

A. Cùng với chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

B. Cùng với chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh ”.

C. Cùng với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

D. Cùng với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh”.

Câu 4. Lực lượng chủ yếu để Mĩ thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở Việt Nam là:

A. Quân đội Mĩ. B. Quân đội nguỵ Sài Gòn.

C. Quân đội Mĩ và các Đồng minh. D. Quân đội Mĩ và quân đội nguỵ.

Câu 5. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là gì?

A. Rút dần quân Mĩ về nước.

B. Tận dụng người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

C. Đề cao học thuyết Ních-xơn.

D. "Dùng người Việt đánh người Việt".

Câu 6. Điểm mới về lực lượng trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là gì?

A. Tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

B. Gắn "Việt Nam hoá" với "Đông Dương hoá chiến tranh".

C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.

D. A, B và C đúng.

Câu 7. Thủ đoạn trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là gì?

A. Tăng số lượng ngụy quân.

B. Rút dần quân Mĩ về nước.

C. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Cam-pu-chia.

D. Cô lập cách mạng Việt Nam.

Câu 8. Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Việt Nam hoá chiến tranh" là gì?

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy của một hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Câu A và B đúng.

Câu 9. Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Mĩ đã làm gì?

A. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".

B. Tăng đầu tư vốn, kĩ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

C. Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại.

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

Câu 10. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam ra đời vào thời gian nào?

A. Ngày 6 tháng 6 năm 1969.
B. Ngày 16 tháng 6 năm 1969.

C. Ngày 26 tháng 6 năm 1969.
D. Ngày 6 tháng 9 năm 1969.

Câu 11. Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên tinh thần chiến đấu của quân dân ta như thế nào?

A. "Hễ còn một thằng Mĩ thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi".

B. "Vì độc lập tự do, đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào".

C. "Năm mới thắng lợi mới".

D. "Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta".

Câu 12. Ngày 24, 25 tháng 4 năm 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

A. Bắt tay nhau cùng kháng chiến chống Mĩ.

B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 13. Quân dân Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn xâm lược Cam-pu-chia vào thời gian nào?

A. Từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6 năm 1970.

B. Từ ngày 25 tháng 4 đến ngày 3 tháng 6 năm 1970.

C. Từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 30 tháng 6 năm 1970.

D. Từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 26 tháng 5 năm 1970.

Câu 14. Cuộc hành quân "Lam Sơn - 719" của Mĩ - ngụy diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ ngày 12 đến ngày 23 tháng 3 năm 1970.

B. Từ ngày 12 đến ngày 21 tháng 3 năm 1971.

C. Từ ngày 12 đến ngày 23 tháng 3 năm 1971.

D. Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 3 năm 1971.

Câu 15. Thắng lợi của quân ta phối hợp với quân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn - 719" tại Đường 9 Nam Lào. Kết quả nào dưới đây đúng:

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ - ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

B. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ.

C. Làm thất bại chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

D. Làm thất bị chiến lược "Việt Nam hoá" ra "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ.

Câu 16. Lực lượng tham gia đông đảo nhất trong phong trào đấu tranh chính trị trong thời kì chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ - ngụy ở khắp Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng là lực lượng nào?

A. Công nhân, nông dân. B. Dân nghèo thành thị.

C. Tuổi trẻ, học sinh, sinh viên. D. Các tổ chức Phật tử.

Câu 17. Mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào:

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Quảng Trị.

Câu 18. Nguyên nhân cơ bản nhất để ta mở cuộc Tổng tiến công chiến lược 1972?

A. Ta giành thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong 3 năm 1969, 1970, 1971.

B. Nước Mĩ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cử tổng thống (1972).

C. Địch chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.

D. Ngụy quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.

Câu 19. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh"?

A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong ba năm 1969, 1970, 1971.

B. Sau đòn tấn công bất ngờ, choáng váng của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pa-ri.

D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần I, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam.

Câu 20. Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972?

A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta.

B. Đã giáng một đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) của Mĩ.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Câu 21. Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc Tổng tiến công chiến lược 1972?

A. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân nguỵ và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hoá" chiến tranh.

C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh.

Câu 22. Tập đoàn Ních-xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ gì?

A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pa-ri.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 23. Quân dân ta đã bắn rơi 735 máy bay, bắn cháy và bị thương 125 tàu chiến Mĩ, loại khỏi vòng chiến hàng trăm phi công Mĩ. Đó là kết quả của sự kiện lịch sử nào?

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.

D. Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

Câu 24. Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12 - 8 - 1972 đến 29 - 12 - 1972. B. Từ 18 - 12 - 1972 đến 20 - 12 - 1972.

C. Từ 20 - 12 - 1972 đến 20 - 12 - 1972. D. Từ 18 -12 - 1972 đến 29 - 12 - 1972.

Câu 25. Trong thời gian chống "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 - 1973) nhiệm vụ nặng nề nhất của miền Bắc là gì?

A. Làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

B. Làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng hậu phương, bảo đảm cho cuộc chiến đấu tại chỗ và chi viện cho chiến trường.

D. Phải khắc phục kịp thời, tại chỗ hậu quả của những cuộc chiến tranh ác liệt, tiếp nhận sự việc trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 26. Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ trên không" là gì?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

D. Buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Câu 27. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

C. Bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 28. Cuộc thương lượng chính thức hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri diễn ra vào thời gian nào?

A. 15 - 3 - 1968. B. 31 - 3 - 1968. C. 13 - 5 - 1968. D. 15 - 5 - 1968.

Câu 29. Cuộc đàm phán giữa Chính phủ ta với Chính phủ Hoa Kì bị gián đoạn trong thời gian nào?

A. Từ 3 đến 9 - 1972.　　B. Từ 3 đến 11 - 1972.

C. Câu A và B đúng.　　D. Không hề bị gián đoạn.

Câu 30. Để đi đến dự thảo Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (10 - 1972), Hội nghị bốn bên ở Pa-ri đã trải qua bao nhiêu phiên họp chung và bao nhiêu cuộc tiếp xúc riêng?

A. 150 cuộc họp chung và 15 cuộc tiếp xúc riêng.

B. 120 cuộc họp chung và 20 cuộc tiếp xúc riêng.

C. 180 cuộc họp chung và 26 cuộc tiếp xúc riêng.

D. 202 cuộc họp chung và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Câu 31. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước như thế nào?

A. Đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

D.Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

Câu 32. Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari, điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. D　2. A　3. B　4. B　5. D　6. C　7. C　8. B
9. C　10. A　11. B　12. C　13. A　14. C　15. B　16. C
17. D　18. A　19. B　20. D　21. C　22. A　23. B　24. D
25. C　26. D　27. B　28. C　29. B　30. D　31. C　32.B

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Thế nào là "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh"? Mĩ đã thất bại trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Thế nào là "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh"?

+ Đầu năm 1969, Ních-xơn vừa lên nắm chính quyền đã đề ra chiến lược toàn cầu "*Ngăn đe thực tế*" (thay cho chiến lược "Phản ứng linh hoạt" của Ken-nơ-đi) và tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới; thực hiện chiến lược "*Việt Nam hoá chiến tranh*" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với chiến lược *"Đông Dương hoá chiến tranh"*.

+ Chiến lược *"Việt Nam hoá chiến tranh"* được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

+ Chiến lược *"Việt Nam hoá chiến tranh"* và *"Đông Dương hoá chiến tranh"* của Mĩ nhằm thay màu da cho xác chết.

- *Mĩ thất bại trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh":*

+ Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

+ Trong hai ngày 24 và ngày 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn - 719" chiếm giữ Đường số 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.0000 địch, đuổi hết quân Mĩ và quân đội Sài Gòn khỏi Đường số 9 Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

+ Bước vào năm 1972, quân ta mở cuộc tiến cônmg chiến lược từ ngày 30-3 đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

+ Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng. Chỉ trong thời gian ngắn (đến cuối tháng 6 - 1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

+ Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều thiệt hại; còn Mĩ trở lại chiến tranh phá phá hoại miền Bắc.

+ Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh").

Câu 2. Những thành tựu đạt được ở miền Bắc trong thời kì khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong nông nghiệp, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật, nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn, một số hợp tác xã đạt từ 6 đến 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.
- Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dang dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp, đưa vào hoạt động.
- Hệ thống giao thông vận tải, nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.
- Văn hoá, giáo dục, y tế, cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội bước đầu được khắc phục.

Câu 3. Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ như thế nào?

- Ngày 6 - 4 - 1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16 - 4 -1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 9 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14 - 12 - 1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới, Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972.

- Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận *"Điện Biên Phủ trên không"*. Ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó 34 máy bay B52, 5 máy bay F111), bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ 6 - 4 - 1972 đến 15 - 1 - 1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111), bắn chìm 125 tàu chiến loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

- *"Điện Biên Phủ trên không"* là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15 - 1 - 1973) và Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973)

Câu 4. Cuộc đấu tranh đòi Mĩ xuống thang chiến tranh và thương lượng ở Hội nghị Pari diễn ra như thế nào?

- Đầu 1967, sau thắng lợi trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, ta chủ trương mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao, nhằm tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mĩ, vạch trần luận điệu hoà bình bịp bợm của chúng, nêu tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

- Mục tiêu đấu tranh ngoại giao trước mắt của ta là đòi Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, coi đó là điều kiện tiên quyết để đi đến thương lượng ở bàn hội nghị.

- Ngày 31 - 3 - 1968, sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân ta, Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13 - 5 - 1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri họp phiên đầu tiên.

- Ngày 1 - 11 - 1968, Giônxơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá trên toàn miền Bắc. Từ đây, đấu tranh giữa ta và Mĩ chủ yếu xoay quanh vấn đề hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất về hình thức Hội nghị bốn bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam) Hoa Kì và Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn).

- Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên ngày 25 - 1 - 1969 tại Pa-ri.

Câu 5. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

**** Hoàn cảnh:***

- Quan điểm của ta: đòi Mĩ rút hết quân của mình và quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Phía Mĩ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam, và từ chối ký dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10 - 1972) để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

- Nhưng Mĩ đã thất bại, Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận *"Trận Điện Biên Phủ trên không"*, sau đó buộc Mĩ trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra trước đó.

- Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23 - 1 - 1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì, và kí chính thức ngày 27 - 1 - 1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự Hội nghị tại Pa-ri. Hiệp định Pa-ri bắt đầu có hiện lực từ ngày kí chính thức.

**** Nội dung Hiệp định gồm những điều khoản cơ bản:***

- Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Cuộc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam được thực hiện vào 24 giờ ngày 27 - 1 - 1973. Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam .

- Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí hiệp định, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua Tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Hai miền Nam - Bắc Việt Nam sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chế độ Sài Gòn).

- Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa hai nước.

**** Ý nghĩa:***

- Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

- Với Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam.

Bài 28 KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 - 1975 có gì khác trước?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh.
B. Khôi phục phát triển kinh tế - văn hoá.
C. Tiếp tục chi viện cho miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.
D. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

Câu 2. Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pa-ri có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút hết về nước.
B. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.
C. Miền Bắc trở lại hoà bình.
D. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

Câu 3. Điền niên đại thích hợp vào chỗ ô trống.

A. ...., miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn.

B. ...., về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông.

C. ...., sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mức quan trọng đã đạt mức năm 1964 và năm 1971.

D. ......, miền Bắc đưa vào các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội.

Câu 4. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày nào?

A. 25 - 3 – 1973 B. 26 - 3 - 1973 C. 28 - 3 - 1973 D. 29 - 3 - 1973

Câu 5. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pa-ri?

A. Rút quân Mĩ về nước.

B. Rút quân Đồng minh về nước.

C. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.

D. Lập bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn.

Câu 6. Điều nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri?

A. Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở những cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng. B. Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.

C. Nhận viện trợ quân sự của Mĩ. D. Lập Bộ Chỉ huy quân sự.

Câu 7. Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm ở đâu?

A. Đồng bằng Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

C. Trung Bộ và Khu V. D. Mặt trận Trị - Thiên.

Câu 8. Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là gì?

A. Chiến thắng Đường số 9 - Nam Lào.

B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn - 719" của Mĩ - ngụy.

C. Chiến dịch Đường số14 - Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 9. Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút về nước, ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

C. Miền Bắc hoà bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 10. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1 - 1975, quân dân ta ở miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây chưa chính xác?

A. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm".

B. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.

C. Giải phóng Đường số 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

D. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

Câu 11. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

A. 1972 - 1973 B. 1973 - 1974 C. 1974 - 1975 D. 1975 - 1976

Câu 12. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?

A. Trong năm 1975, tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 13. Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh đã rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 14. Bất kì trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có con đường nào khác. Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

A.Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1 - 1959).

B.Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7 - 1973).

C. Trong Hội nghị Bộ Chính trị (30 - 9 đến7 - 10 - 973).

D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 - 1975).

Câu 15. Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long nổ vào thời gian nào?

A. Ngày 14 - 11 - 1974. B. Ngày 6 - 1 - 1975.

C. Ngày 8 - 1 - 1975. D. Ngày 1 - 2 - 1975.

Câu 16. Với thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long, đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?

A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

B. Tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm 1976.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975 - 1976), nhưng nhận định kể cả năm 1975 là thời cơ và chỉ thị rõ: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Câu 17. Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10 - 1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?

A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc ở đây để bảo vệ miền Nam.

B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở.

C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - ngụy ở miền Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 18. Ghi sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:

A. 4 - 3 - 1975:..

B. 10 - 3 - 1975...

C. 12 - 3 - 1975...

D. 14 - 3 - 1975...

E. 16 - 3 - 1975...

G. 24 - 3 - 1975...

Câu 19. Kết quả nào dưới đây thuộc kết quả của chiến dịch Tây Nguyên?

A. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

B. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 4 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Buôn Ma Thuột.

C. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 3 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Plây-cu, Kon Tum.

D. Tiêu diệt phần lớn quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng 1/2 diện tích Tây Nguyên với 4 vạn dân.

Câu 20. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là:

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam,

B. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đó là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

Câu 21. Tính từ lúc quân ta giải phóng Quảng Trị đến lúc giải phóng Đà Nẵng là bao nhiêu ngày?

A. 8 ngày. B.10 ngày. C. 15 ngày. D. 20 ngày.

Câu 22. Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử dưới đây cho phù hợp:

A. ....Giải phóng Quảng Trị.

B. ....Giải phóng Thừa Thiên-Huế.

C. ....Giải phóng Đà Nẵng.

D. ....Giải phóng Quảng Ngãi.

E............................ .Giải phóng Tam Kì.

Câu 23. Sau khi thất thủ ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch phải lùi về phòng thủ ở đâu?

A. Ở Cam Ranh. B. Ở Nha Trang. C. Ở Phan Rang. D. Ở Xuân Lộc.

Câu 24. "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. . . ". Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7 - 1973.

B. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 7 - 10 - 1974.

C. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 - 1975.

D. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25 - 3 - 1975.

Câu 25. Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong:

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. D. Tất cả các chiến dịch trên.

Câu 26. Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào thời gian nào?

A. 9 - 4 - 1975. B. 21 - 4 - 1975. C. 16 - 4 - 1975. D. 17 - 4 - 1975.

Câu 27. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thống sau ngày Tổng thống Pho của Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 28. Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là bao nhiêu ngày?

A. 5 ngày. B. 22 ngày. C. 15 ngày. D. 10 ngày.

Câu 29. Lúc 10 giờ 30 phút ngày 30 - 4 - 1975, diễn ra sự kiện cơ bản nào ở Sài Gòn?

A. Dương Văn Minh kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền".

B. Xe tăng ta tiến vào Dinh Độc lập ngụy.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên Phủ Tổng thống ngụy.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 30. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: mốc mở đầu và kết thúc?

A. Mở đầu 9 - 4 - 1975, kết thúc 30 - 4 - 1975.

B. Mở đầu 4 - 3 - 1975, kết thúc 30 - 4 - 1975.

C. Mở đầu 19 - 3 - 1975, kết thúc 2 - 5 - 1975.

D. Mở đầu 4 - 3 - 1975, kết thúc 2 - 5 - 1975.

Câu 31. Năm đời tổng thống Mĩ nối chân nhau điều hành qua 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ. Vậy tổng thống nào nếm chịu sự thất bại cuối cùng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Ních-xơn. B. Giôn-xơn. C. Pho. D. Ken-nơ-đi.

Câu 32. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là gì?

A. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, rửa sạch nỗi nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỉ.

B. Mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam: cả nước độc lập thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

D. Câu A và B là ý nghĩa lớn nhất.

Câu 33. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 34. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	*B*
1) Tháng 7 - 1973	A. Quân dân ta giải phóng thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.
2) Ngày 6 - 1 - 1975	B. Quân ta giải phóng Buôn Ma Thuột.
3) Ngày 10 - 3 - 1975	C. Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21.
4) Ngày 12 - 3 - 1975	D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên.
5) Ngày 14 - 3 - 1975	E. Chiến thắng Phước Long.
6) Ngày 24 - 3 - 1975	F. Quân ta được lệnh nổ súng vượt phòng tuyến vòng ngoài của địch tấn công vào trung tâm Sài Gòn.
7) Ngày 26 - 3 - 1975	G. Quân ta giải phóng toàn bộ Tây Nguyên.
8) Ngày 26 - 4 - 1975	H. Địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột như không thành.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. D 2. C

3. A: Tháng 6-1973;
B: Sau 2 năm 1973-1974;
C: Cuối 1974;
D: Trong 2 năm 1973-1974.

4. D 5. D 6. A 7. B 8. C 9. B 10. D 11. D 12. D 13. B
14. B 15. B 16. D 17. B

18 A. Ta đánh nghi binh ở Plây-cu, Kon Tum nhằm thu hút địch vào hướng đó.
B. Quân ta tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột.
C. Quân địch mở cuộc phản công tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng bị đánh bại.
D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plây-cu, Kon Tum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.
E. Quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường chúng rút chạy khỏi Tây Nguyên.
G. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

19. A 20. C 21. B

22. A:19-3-1975;B: 26-3-1975; C: 29-3-1975; D: 25-3-1975; E: 24-3-1975.

23. C 24. D 25. C 26. B 27. A 28. A 29. B 30. D 31. C 32. D
33. B 34. 1: C; 2: E; 3: B; 4: H; 5: D; 6: G; 7: A; 8: F.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Tình hình miền Bắc sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam như thế nào?

- Sau Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam, quân Mĩ buộc phải rút khỏi nước ta, làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Miền Bắc trở lại hoà bình, tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Đến cuối tháng 6 - 1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn do Mĩ thả trên biển, trên sông, bảo đảm đi lại bình thường.

- Sau hai năm (1973 - 1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế, kinh tế có bước phát triển.

- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt trận quan trọng đã đạt vượt mức năm 1964 và năm 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghãi xã hội ở miền Bắc.

- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân kĩ thuật trong hai tháng đầu năm 1975. Miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 57.000 bộ đội (trong tổng số 108.000 bộ đội của kế hoạch động viên 1975).

- Về vật chất - kĩ thuật, miền Bắc đã có những nỗ lực phi thường, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

Câu 2. Phân tích thời cơ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975? Việc chớp thời cơ của Đảng ta như thế nào?

**** Hướng dẫn trả lời:***

- Thời cơ cách mạng xuất hiện:

+ Với Hiệp định Pa-ri năm 1973, ta "*đánh cho Mĩ cút*". Ngày 29 - 3 - 1973, toán lính Mĩ cuối cùng đã rút khỏi nước ta. Nhưng Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ Chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

+ Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri, chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "*tràn ngập lãnh thổ*", liên tiếp mở những cuộc hành quân "*bình định - lấn chiếm*" vùng giải phóng. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Ních-xơn.

+ Về phía ta, việc kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, việc quân đội xâm lược Mĩ rút khỏi nước ta, đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ở miền Nam.

+ Trong cuộc đấu tranh chống địch "*bình định - lấn chiếm*", chống âm mưu "*tràn ngập lãnh thổ*" của chúng vào những tháng đầu năm sau kí Hiệp định, quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, do quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc... nên trên một số địa bàn quan trọng, ta bị mất đất, mất dân.

+ Tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong gia đoạn Hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973, quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả quyết đánh địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

+ Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường số 14 - Phước Long.

+ Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe dọa.

+ Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hoà bình, hoà hợp dân tộc, nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta; đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do, dân chủ...

- Việc chớp thời cơ:

+ Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

+ Tuy nhiên, Bộ Chính trị nhấn mạnh "*cả năm 1975 là thời cơ*" và chỉ rõ "*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*" Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 3. Ghi tóm tắt diễn biến của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 vào bảng thống kê dưới đây:

Chiến dịch	*Tóm tắt diễn biến*
1) Tây Nguyên	....
2) Huế - Đà Nẵng	....
3) Hồ Chí Minh	....

**** Hướng dẫn trả lời:***

Chiến dịch	*Tóm tắt diễn biến*
1) Tây Nguyên	- Thực hiện kế hoạch, ta tập trung chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên. Trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột ngày 10 - 3 - 1975 đã giành thắng lợi. (Trước đó, ngày 4 - 3, quân ta đánh nghi binh ở Plây-cu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó). Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành. - Sau hai đòn ở Buôn Ma Thuột (vào các ngày 10 và 12 - 3), hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn. - Ngày 14 - 3 - 1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân Tây Nguyên về giữ vững duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân truy kích tiêu diệt. Đến ngày 24 - 3 - 1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng. *Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.*
2) Huế - Đà Nẵng	- Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21-3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vay chúng trong thành phố. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25-3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26-3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên. - Ở Đà Nẵng, sáng 29-3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng. - Trong cùng thời gian trên, từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy giành quyền làm chủ.
3) Hồ Chí Minh	- Sau thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế - Đà nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta nhận định: "*Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam*"; từ đó đi đến quyết định: "*Phải tập*

	trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975)". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh* (14 - 4 - 1975). - Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông. - 17 giờ ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng. - 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 - 4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Câu 4. Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

**** Ý nghĩa lịch sử:***

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi đó "Mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

**** Nguyên nhân thắng lợi:***

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam đúng đắn, sáng tạo với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp với đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao.

- Nhân dân ta ở hai miền giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong quá trình đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước Xã hội chủ nghĩa khác; phong trào nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 29 VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá.

C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.

D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 3. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.

B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá.

C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.

D. Quốc hữu hoá ngân hàng.

Câu 4. Đến năm 1976, miền Bắc căn bản hoàn thành nhiệm vụ:

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

B. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

C. Công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 5. Sau năm 1975, miền Bắc còn làm nghĩa vụ quốc tế đối với:

A. Liên Xô, Trung Quốc.

B. Các nước ở Đông Nam Á.

C. Đối với Lào, Cam-pu-chia.

D. Các nước ở châu Á.

Câu 6. Ở miền Nam, ngay sau năm 1975 chính quyền chính quyền cách mạng tuyên bố thành lập ở các thành phố nào?

A. Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng.

B. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

C. Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế.

D. Tất cả các thành phố trên.

Câu 7. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.

D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 8. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 9. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975 ?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25-4-1976).

C. Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 2-7-1976).

D. Đại hội thống nhất mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Câu 10. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

A. Lần thứ 2 cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.

B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945 - 1975).

C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 11. Quốc hội thống nhất cả nước là Quốc hội khoá mấy?

A. Khoá IV B. Khoá V C. Khoá VI D. Khoá VII

Câu 12. Từ năm 1946 đến 1980, đã ba lần Quốc hội thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến Pháp nào?

A. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1959; Hiến pháp 1980.

B. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1960; Hiến pháp 1980.

C. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1975; Hiến pháp 1980.

D. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1976; Hiến pháp 1980.

Câu 13. Đến ngày 20-9-1977, nước ta trở thành hội viên thứ mấy của Liên hiệp quốc?

A.110. B.149. C.150. D.160.

Câu 14. Tên nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

A. 21-11-1975. B. 25-4-1976. C. 2-7-1976. D. 18-12-1980.

Câu 15. Người được bầu làm chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 16. Kì họp thứ I Quốc hội khoá VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là Thủ đô của cả nước.

B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.

C. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

D. A và B đúng.

Câu 17. Từ ngày 15 đến ngày 21 - 11 - 1975 gắn với sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.

B. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.

C. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.

D. Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 18. Ngày 25-4-1976 Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

A. 20 triệu B. 21 triệu C. 22 triệu D. 23 triệu

Câu 19. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.

C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 20. Tại Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước ở Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hoà chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 21. Điền niên đại vào các sự kiện sau:

1. 15-11-1975 A. .... Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung.
2. 24-6-1976 B. .... Quốc hội khoá VI bế mạc.
3. 2-7-1976 C. .... Hội nghị Hiệp thương chính trị bế mạc.
4. 21-11-1975 D. .... Hội nghị Hiệp thương chính trị tại Sài Gòn.
5. 25-4-1976 E. .... Quốc hội khoá VI họp tại Hà Nội.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. B 3. B 4. A 5. C 6. C 7. C 8. D 9. B 10. D
11. C 12. A 13. B 14. C 15. B 16. A 17. C 18. D 19. D 20. B
21. 1: D, 2: E, 3: B, 4: C, 5: D.

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Tình hình hai miền Bắc - Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 như thế nào?

* *Miền Bắc:*

- Trải qua hơn hai mươi năm (1954-1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

- Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ hết sức ác liệt, đã tàn phá nặng nề gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

* *Miền Nam:*

- Đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ, nhưng cơ sở chính quyền này ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại.

- Cuộc chiến tranh của Mĩ gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hecta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hecta bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn còn vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp có tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong dân cư.

- Miền Nam có nhiều nền kinh tế trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản, song về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

Câu 2. Hai miền Bắc - Nam khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội như thế nào?

- *Ở miền Bắc*, đến giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia trong giai đoạn mới

- *Ở miền Nam*, công việc tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hoá được tiến hành khẩn trương.

+ Ở những vùng mới giải phóng, viêc thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng thực hiện.

+ Hàng triệu đồng bào ta trong thời gian chiến tranh bị dồn vào các "ấp chiến lược" hay bỏ chạy vào các thành phố không có việc làm được hồi hương, chuyển về nông thôn sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

+ Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tuyên bố xóa bỏ hình thức bóc lột phong kiến, tiến hành điều chính ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền cũ bằng đồng tiền mới của cách mạng.

Câu 3. Nêu những quyết định của Quốc hội khoá VI kì họp thứ nhất về nước Việt Nam thống nhất.

- Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

+ Quyết định tên nước là *Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (từ ngày 2-7-1976), quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là *Tiến quân ca*, Thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn đổi tên là *Thành phố Hồ Chí Minh* .

+ Quốc hội bầu ra các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp .

- Với kết quả kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, việc tiếp tục hoàn thành thống nhất trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội sẽ gắn liền vơi việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

Bài 30 VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội trong điều kiện như thế nào?

A. Đất nước đã hoà bình.
B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.
C. Đất nước độc lập, thống nhất.
D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 2. Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?

A. Từ 10 đến 20 - 12 - 1976.
B. Từ 12 đến 18 - 12 - 1976.
C. Từ 14 đến 20 - 12 - 1976.
D. Từ 15 đến 20 -12 -1976.

Câu 3. "Nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đó là đặc điểm lớn nhất được nêu ra trong Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

A. Đại hội III. B. Đại hội IV. C. Đại hội V. D. Đại hội VI.

Câu 4. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội lần này?

A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam

B. Đề ra đường lối xây dựng CNXH trong cả nước.

C. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

Câu 5. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

A. Khôi phục và phát triển kinh tế.

B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

C. Vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo XHCN.

D. Xây dựng nền văn hoá mới.

Câu 6. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm (1975 - 1980) là gì?

A. Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH.

B. Cải tạo XHCN trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam.

C. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

D. A ,C đúng.

Câu 7. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1 (1960 - 1965).

B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).

C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 8. Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. 27 đến 31 - 3 - 1980. B. 27 đến 31 - 3 - 1981.

C. 27 đến 31 - 3 - 1982. D. 27 đến 31 - 3 - 1985.

Câu 9. Đại hội lần thứ V của Đảng đã khẳng định điều gì?

A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV.

B. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

C. Thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 10. Kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) do đại hội nào của Đảng đề ra?

A. Đại hội lần thứ III. B. Đại hội lần thứ IV.

C. Đại hội lần thứ V. C. Đại hội lần thứ VI.

Câu 11. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3 - 1982) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội này?

A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

B. Tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.

C. Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta phải trải qua nhiều chặng.

D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 -1985).

Câu 12. Điểm nào chưa phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước (1981-1985)?

A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn trong thời kì 1976 - 1980 lên đến 17 triệu tấn.

B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4 % so với 0,4 % trong thời kì 1976 - 1980.

C. Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.

Câu 13. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?

A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.

B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.

C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

D. Văn hoá - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong những năm 1980 - 1985?

A. Do hậu quả chiến tranh.

B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lý.

C. Do chính sách cấm vận của Mĩ.

D. Do quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không bình thường.

Câu 15. Nguyên nhân của những khó khăn yếu kém trong việc thực hiện 2 kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) là gì?

A. Do nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

B. Do chính sách cấm vận của Mĩ đã làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước.

C. Sự khống chế, phá hoại của các lực lượng thù địch.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 16. Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đề ra là "Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân" đã thực hiện được. Đúng hay sai.

A. Đúng B. Sai

Câu 17. Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mĩ.

B. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).

C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc.

D. Câu B và C đúng.

Câu 18. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B.

A	*B*
1. 17-4-1975	A. Chiến tranh xâm lược của "Khơ-me đỏ" biên giới Tây Nam bắt đầu.
2. 22-12-1978	B. Trung Quốc rút quân khỏi nước ta.
3. 17-2-1979	C. Trung Quốc bắt đầu rút quân.
4. 1978	D. Tập đoàn Pôn Pốt bắn vào nhân dân ta.
5. 5-3-1979	E. Trung Quốc cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước.
6. 18-3-1979	F. Trung Quốc tấn công ta.

Câu 19. Ngày 3 - 5 - 1975, diễn ra sự kiện gì ở nước ta có liên quan đến việc chống quân Pôn Pốt?

A. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm đảo Phú Quốc.

B. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm đảo Thổ Chu.

C. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm Hà Tiên.

D. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm Tây Ninh.

Câu 20. Từ tháng 4 - 1877, tập đoàn Pôn Pốt mở rộng chiến tranh xâm lược vùng nào ở nước ta?

A. Toàn tuyến biên giới phía Bắc. B. Toàn tuyến biên giới Tây Nam.

C. Khắp các vùng đồng bằng Nam Bộ. C. Toàn tuyến biên giới Tây Bắc.

Câu 21 Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta đã:

A. Tạo thời cơ thuận lợi để quét sạch tập đoàn phản động Pôn Pốt xâm lược nước ta.

B. Tạo thời cơ thuận lợi để giải phóng Cam-pu-chia.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 22. Thủ đô Phnôm Pênh hoàn toàn giải phóng vào tời gian nào?

A. Ngày 7 - 1- 1979. B. Ngày 17 - 1 - 1979.

C. Ngày 1 - 7 - 1979. D. Ngày 11 - 7 - 1979.

Câu 23. Nước Cộng hoà Nhân dân Cam-pu-chia được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 7 - 1 - 1979. B. Ngày 17 - 1- 1979.

C. Ngày 10 - 7 - 1979. D. Ngày 11 - 7 - 1979.

Câu 24. Trung Quốc mở cuộc tấn công dọc theo biên giới phía Bắc nước ta vào thời gian nào?

A. Ngày 17 - 2 - 1979. B. Ngày 27 - 2 - 1979.

C. Ngày 12 - 7 - 1979. D. Ngày 7 - 12 - 1979.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C 2. C 3. B 4. D 5. C 6. D 7. C 8. C

9. A 10. C 11. A 12. C 13. D 14. B 15. D 16. B

17. D 18. 1: D, 2: A, 3: F, 4: C, 5: E, 6: B. 19. A 20. B 21.C

22. A 23. A 24. A

II. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Câu 1. Nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội của các kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) và những thành tự đạt được.

- Nhiệm vụ và mục tiêu:

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ.

+ Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980), là xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhằm hai mục tiêu cơ bản: *xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.*

- *Thực hiện kế hoạch 5 năm, nhân dân ta đạt được những thành tựu quan trọng:*

+ *Khôi phục và phát triển kinh tế:* Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

+ Trong *công nghiệp*, có nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng, như các nhà máy xi măng, điện, cơ khí động lực, đường, giấy kéo, kéo sợi, *giao thông vận tải* được khôi phục và xây dựng mới 1700 kilômet đường sắt, 3800 kilômet đường bộ, 30000 mét cầu, 4000 mét bến cảng, bổ sung thêm nhiều phương tiện vận tải. Tuyến đường sắt thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn đã hoạt động trở lại.

+ *Cải tạo quan hệ sản xuất:* Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh với tốc độ nhanh trong các vùng mơi giải phóng ở miền Nam. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất.

+ *Văn hoá, giáo dục, y tế:* Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển mạnh, phong trào bình dân học vụ đã thu hút được nhiều người tham gia.

Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám chữa bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao đã tạo thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học

Bên cạnh những thành tựu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Kinh tế của ta mất cân đối lớn, kinh tế quốc doanh và tập thể trong sản xuất luôn bị thô lỗ, không phát huy được tác dụng;

+ Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, không thể phát triển.

+ Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

Câu 2. Nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội của các kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985) và những thành tự đạt được.

- *Nhiệm vụ và mục tiêu:*

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 đề ra nhiệm vụ cách mạng giai đoạn tiếp theo nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau.

+ Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển, cụ thể hoá cho từng chặng đường, từng giai đoạn phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

+ Kế hoạch 5 năm có nhiệm vụ: "*phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tại xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân*" *nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách, thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.*

- *Thực hiện kế hoạch, nhân dân ta đạt được những thành tựu về tiến bộ đáng kể:*

+ *Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp* đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976-1980.

+ *Về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật*, trong 5 năm đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có những cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí giao thông, thủy lợi, dệt ... Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

+ *Trong cải tại quan hệ sản xuất*, đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể. Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học - kĩ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động theo địa Chỉ thị 100 (năm 1981) của Ban Bí Thư trung ương Đảng tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, song đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng cho việc củng cố quan hệ kinh tế mới ở nông thôn.

+ *Chăm lo đời sống của nhân* là nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các nền kinh tế quốc dân đã có thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.

Câu 3. Cuộc đấu tranh chống bọn phản động Pôn Pốt, bảo vệ biên giới Tây - Nam diễn ra như thế nào?

- Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt - đại diện cho phái "Khơ-me đỏ" ở Cam-pu-chia lên nắm quyền sau thắng lợi trong kháng chiến chống Mĩ đã quay súng bắn vào nhân dân ta, người bạn chiến đấu thân thiết, thủy chung vừa góp phần làm nên chiến thắng ngày 17-4-1975 của nhân dân Cam-pu-chia.

- Quân Pôn Pốt mở đường cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, đến ngày 10-5-1975 đánh chiếm đảo Thổ Chu.

- Từ tháng 4-1977, tập đoàn Pôn Pốt tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm lãnh thổ nước ta, từ những cuộc xung đột vũ trang lẻ tẻ chúng mở rộng dần thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây - Nam nước ta.

- Ngày 22-12-1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng... đến biên giới phía đông, tiến vào khu vực bến sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh, bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn, với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân ta tổ chức phản công, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vào nước ta. Tiếp đó quân ta thừa thắng phát triển cuộc tiến công tiêu diệt làm ta rã đại bộ phận quân chủ lực của địch tại nơi xuất phát.

- Cuộc tiến công với quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị đuổi khỏi bờ cõi nước ta, hoà bình lặp lại trên biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Câu 4. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc diễn ra như thế nào?

- Trung Quốc là nước láng giềng thân thiết của Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước đã từng gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau. Nhưng trong việc tập đoàn Pôn Pốt có hành động thù địch Việt Nam Trung Quốc lại đồng tình ủng hộ.

- Trung Quốc còn có những hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước, như cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới, dựng lên sự kiện "*nạn kiều*" cắt viện trợ, rút chuyên gia nhằm gây khó khăn cho Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, từ sáng 17-2-1979, ắt Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu) dài hơn nghìn cây số.

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, quân và dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18-3-1979, quân là Trung Quốc rút ra khỏi nước ta.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9724852; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: TÚ OANH - NGUYỄN HẠNH
Chế bản: Nhà sách HỒNG ÂN
Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

Đối tác liên kết xuất bản:
Nhà sách HỒNG ÂN

SÁCH LIÊN KẾT

BÀI TẬP LỊCH SỬ 12 (TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM)

Mã số: 2L - 214ĐH2008
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty TNHH in Bao bì Phong Tân.
Số xuất bản: 765 - 2008/CXB/04 - 113/ĐHQGHN, ngày 01/8/2008.
Quyết định xuất bản số: 214 LK/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2008.